

LỜI NÓI ĐẦU

Thiền Tông truyền sang Trung Hoa vào thế kỷ thứ VI, do Tổ Bồ-đề-đạt-ma (Bodhidharma). Đến thế kỷ thứ VII, Thiền Tông truyền sang Việt Nam, do Tổ Tỳ-ni-đa-lưu-chi (Vinitaruci). Thế là, Thiền Tông có mặt ở Việt Nam sau Trung Hoa một thế kỷ. Đến thế kỷ thứ XII, Thiền Tông mới truyền vào Nhật Bản. So Việt Nam với Nhật Bản, Thiền Tông truyền bá ở Việt Nam trước Nhật Bản đến năm thế kỷ.

Song ở Trung Hoa, Nhật Bản về sử liệu Thiền Tông rất dồi dào, còn ở Việt Nam thật là nghèo nàn đói khổ. Sự nghèo nàn ấy, không phải Thiền Tông Việt Nam truyền bá kém cõi hơn các nước Phật giáo bạn. Bởi vì nhìn theo dòng lịch sử, từ thế kỷ thứ VII cho đến thế kỷ thứ XIV, chúng ta thấy Thiền Tông đã nắm trọn vẹn tinh thần truyền bá Phật Giáo và cả văn hóa dân tộc Việt Nam. Những sách vở của người Việt Nam sáng tác hoặc ghi chép lại, không kém gì các nước Phật giáo bạn. Nào là Đại Nam Thiền Uyển Truyền Đăng Lục, Liệt Tổ Truyện, Nam Minh Thiền Lục, Thánh Đăng Thực Lục, Liệt Tổ Yếu Ngữ, Kế Đăng Lục, Tam Tổ Thực Lục, Tam Tổ Hành Trạng, Nam Tông Tự Pháp Đồ v.v... cho đến Đại Tạng Kinh cũng được Trần Anh Tông sắc cho Thiền sư Pháp Loa chủ trương khắc in. Thế là ở Việt Nam đâu có thiếu kinh sách Phật giáo.

Nhưng, trong số sách này, có quyển còn, có quyển mất. Bởi vì cuối đời Trần sang nhà Hồ (1400-1407), nước ta bị giặc Minh sang đánh, rồi lại lệ thuộc Minh (1414-1427). Sử chép: “Năm 1419 quan nhà Minh tịch thu hết sách vở trong nước, các kinh điển nhà Phật đem về Kim Lăng và đốt phá chùa chiền rất nhiều.” Đây là một lý do rõ rệt, khiến sách vở chúng ta nghèo nàn. Đâu những thế, mà còn đến thời Pháp thuộc ngót tám mươi năm, sách vở của ta cũng bị mang về Pháp nhiều. Rồi đến năm 1945 lại bị Nhật sang, sách vở của chúng ta lại mất một phần nữa. Thế là đã nghèo lại nghèo thêm.

Hiện giờ chúng ta tìm được chút ít tài liệu về sách sử Phật giáo của người Việt viết, phần lớn từ ở thư viện bên Pháp và thư viện bên Nhật, hoặc những bản chép tay còn sót ở trong dân chúng. Do đó muốn soạn một bộ sử Thiền sư Việt Nam thật là khó khăn vô kể.

Tuy nhiên như thế, song kể từ năm 1931 các Sư cụ Nam, Trung, Bắc đề xướng phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam đến nay (1972), ngót bốn mươi năm mà chưa có một quyển sử nào nói về Thiền sư Việt Nam. Chúng ta chỉ thấy có một cuốn sử duy nhất Việt Nam Phật Giáo Sử Lược dày không tới 250 trang, của Thượng tọa Mật Thể, in năm 1943. Trong ấy nói lược qua các thời đại Phật giáo và mỗi thời dẫn một vị Thiền sư thôi.

Lại nữa, sách vở Việt Nam thuở xưa viết bằng Hán tự, ngày nay chúng ta chuyên học quốc ngữ, nên đối với sách vở của ông cha chúng ta còn lưu lại rất là xa lạ. Nếu những vị còn một ít vốn liếng chữ Hán không nỗ lực phiên dịch thì thật là thiệt thòi cho kẻ hậu học lắm vậy. Chúng tôi tài mọn sức yếu, mà tự gán lấy một trọng trách sưu tập biên soạn thành quyển sách này, là một việc làm vượt hơn khả năng của mình. Nhưng vì bốn phận không cho phép chúng tôi dừng.

Trong khi biên soạn, chúng tôi thấy nhiều chỗ không hài lòng, vì sử liệu quá hiếm hoi, như đời Lý, phái Thảo Đường thấy ghi truyền đến mấy đời mà không có vị nào có lịch sử. Đến đời Trần, đệ tử Điều Ngự Giác Hoàng rất đông, trong ấy có sáu vị pháp sư nổi tiếng, mà chúng ta chỉ thấy vốn vẹn có một vị ghi trong sử. Đến như phái Trúc Lâm Yên Tử truyền mãi đến Thiền sư Hương Hải, là từ thế kỷ thứ XIII đến thế kỷ thứ XVIII, mà chúng ta chỉ tìm được tài liệu vài ba vị Thiền sư, thật là quá thiếu sót. Nếu đã là thất truyền thì làm sao có Thiền sư Hương Hải thừa kế phái Trúc Lâm ? Bằng sự truyền thừa liên tục thì sử các Thiền sư ấy ở đâu? Chỉ có thể nói sách sử thất lạc.

Trong quyển sử này, chúng tôi chỉ biên soạn đến tiền bán thế kỷ thứ XVIII, từ đó về sau vì không đủ tài liệu nên không dám soạn. Dành phần này cho người sau, khi có đủ tài liệu biên tiếp. Chúng tôi còn gặp khó khăn về niên lịch, vì các quyển sách xưa ghi chép khác nhau. Chúng tôi cố gắng tra khảo, thấy niên lịch nào hợp lý liền dùng. Nếu có sơ sót hoặc sai chạy, xin quý vị cao minh phủ chính cho. Những vị Thiền sư từ đời Trần trở về trước, chúng tôi sắp theo thứ tự thời gian, chớ không theo hệ phái.

Về phần sử có những vị vua được chánh thức thừa kế Thiền Tông, nhưng vì nặng việc quốc chánh nên chúng tôi chẳng ghi. Như vua Lý Thánh Tông là đệ tử Thiền sư Thảo Đường, vua Trần Thái Tông là người thấu hiểu Thiền Tông, có tác phẩm Khóa Hư Lục và Thiền Tông Chỉ Nam.

Còn một số vị sư có tiếng mà không biết nằm trong hệ phái nào, hoặc không có tư cách một Thiền sư, chúng tôi đều không ghi vào đây.

Biên xong quyển sử này, chúng tôi rất tri ân Thượng tọa Mật Thể, ông Ngô Tất Tố v.v... nhờ các quyển sách của quý vị ấy khiến chúng tôi được dễ dàng nhiều.

Chúng tôi mong một chút công phu nhỏ bé của chúng tôi, giúp phần nào cho người Phật tử Việt Nam thấy gương tu hành của các bậc tiền bối mà noi theo, và tự thấy rõ mình đang tu theo hệ phái nào của Phật giáo.

Kính ghi:

THÍCH THANH TỪ

TU VIỆN CHÂN KHÔNG, Ngày 17 tháng 9 năm 1972



LỜI TỰA TÁI BẢN QUYỂN THIỀN SƯ VIỆT NAM

Năm 1972 chúng tôi đã cho xuất bản quyển Thiền sư Việt Nam vì nhu cầu dạy cho Tăng, Ni ở Thiền viện Chân Không. Những tư liệu chúng tôi góp nhặt được từ thư viện Đại học Vạn Hạnh. Trong lúc đất nước còn phân chia, sự giao thông bị ngăn cách, nên chúng tôi không biết miền Bắc chùa chiền và di tích lịch sử Phật giáo như thế nào.

Mãi đến năm 1987, chúng tôi được dịp đi ra Bắc và viếng một ít chùa gần Thủ đô, chúng tôi mới thấy một khiếm khuyết lớn lao trong quyển Thiền sư Việt Nam của chúng tôi. Vì ở đây còn bao nhiêu di tích Phật giáo cũng như nhiều vị Thiền sư mà trước kia tôi chưa từng biết. Chúng tôi tự thấy bất an vì việc làm của mình còn rất nhiều thiếu sót. Chúng tôi thậm nguyện có cơ hội tốt sẽ đi viếng hết những di tích Phật giáo quan trọng ở miền Bắc, để tìm thêm tư liệu còn sót lại mà trước kia chúng tôi không biết.

Được mãn nguyện, năm 1990 đủ duyên chúng tôi ra Bắc ngót hai mươi ngày, chiêm bái các thánh tích và các ngôi cổ tự còn lại, đồng thời sưu tầm một số tư liệu để bổ túc quyển Thiền sư Việt Nam của chúng tôi. Được sự ủng hộ của quý Hòa thượng, Thượng tọa và Đại đức Tăng, Ni ở các chùa miền Bắc nên việc thu thập tư liệu của chúng tôi được kết quả khiêm tốn. Với thời gian hai mươi ngày, chúng tôi không thể thực hiện đầy đủ những điều chúng tôi mong muốn.

Gần đây, lại được các học giả lưu tâm nghiên cứu nền văn hoá Phật giáo Việt Nam, đã in ra nhiều quyển sách có giá trị như: Việt Nam Phật Giáo Sử Luận I - II của Nguyễn Lang, Thơ Văn Lý Trần I - II - III của Viện Văn Học Việt Nam, Tuyển Tập Văn Bia Hà Nội của Viện Nghiên Cứu Hán Nôm... là những tư liệu quý báu giúp nhiều cho chúng tôi.

Chúng tôi lại được một Phật tử góp sức là Nguyễn Hiền Đức sưu tầm tư liệu các Thiền sư miền Nam để bổ túc phần thiếu sót trước kia chúng tôi chưa từng nói đến. Nhờ đó, tái bản quyển Thiền Sư Việt Nam lần này có phần tạm đủ hơn trước nhiều.

Khi quyển Thiền sư Việt Nam được tái bản là chúng tôi tạm thấy an lòng phần nào, vì trọng trách của mình đã nhẹ bớt. Tuy nhiên như thế chưa gọi là đủ, chúng tôi mong những người sau này sẽ thu nhặt được nhiều tư liệu hơn để viết lại một quyển Thiền sư Việt Nam thật đầy đủ, đó là điều mong ước của chúng tôi.

Chúng tôi xin tri ân những vị đã trực tiếp hoặc gián tiếp giúp đỡ trong việc tái bản quyển Thiên sư Việt Nam. Vì công tác khó khăn này, một cá nhân không thể nào làm được.

THIÊN VIỆN THƯỜNG CHIẾU, Mùa An Cư năm 1991

THÍCH THANH TỪ



KHƯƠNG TĂNG HỘI (K'ANG-SEN-HOUCI)

Ngài Khương Tăng Hội (K'ang-Sen-Houci) người nước Khương Cư (Sogdiane), cha mẹ sang Giao Châu buôn bán. Ngài mồ côi cha mẹ từ lúc mười tuổi. Sau thời kỳ cư tang, Ngài xuất gia, chăm học kinh điển, trở thành một tăng sĩ nổi danh thời ấy. Ngài tánh tình chân thật hòa nhã rất thông minh. Ngài thông hiểu tam tạng, lục kinh còn nghiên cứu toán số, thiên văn, văn chương và chính trị. Ngài sang Đông Ngô tuyên dương Phật pháp trong thời Ngô Tôn Quyền (229-252).

Ngài đến thành Kiến Nghiệp (Nam Kinh) nhằm năm thứ mười niên hiệu Xích Ô nhà Ngô (247) cất một túp lều ở đó tu trì và mở trường giảng dạy. Ngô Tôn Quyền thấy Ngài thi thố nhiều phép lạ lấy làm tín phục, xây dựng ngôi chùa Kiến Sơ thỉnh Ngài ở. Từ đây Phật giáo thanh hành miền Giang Tả.

Ngài phiên dịch nhiều kinh chữ Phạn ra chữ Hán và viết tựa trong kinh An Ban Thủ Ý, biên tập chú sớ các kinh khác, Ngài tịch khoảng niên hiệu Thiên Kỷ thứ tư nhà Ngô (280).



THÍCH ĐẠO THIÊN

Thích Đạo Thiên (Theo Cao Tăng Truyện viết) người Giao Chỉ, sớm xuất gia lập hạnh tinh nghiêm, giới luật trong sạch, chẳng kém các bậc cao đức. Dân chúng tăng tục đều kính quý đức khắc kỷ và sự dốc chí tu hành của Sư. Chùa núi Tiên Châu xưa bị nhiều cọp quấy nhiễu, Sư đến ở đó nạn ấy liền hết. Nghe Cánh Lăng Vương nhà Tề rộng mở Thiên luật, lập nhiều chỗ giảng dạy, người xa gần dong ruổi kéo đến Kim Lăng. Họ là những người tài đức bốn phương trong đạo. Sư giảng dạy kinh điển rất thông, ban đêm ít ngủ tham khảo kinh sách cố tìm chân lý. Đến năm Vĩnh Minh thứ nhất (483), Sư dạo đến kinh đô ở chùa Vân Cư Hạ tại Chung Sơn. Sư vâng lệnh vua điều khiển tăng chúng, nổi tiếng vì rộng dùng luật Thập Tụng...

Sư thích diệt giác và quán, luôn ẩn núi xa, nếu cảnh ồn náo liền tìm cách lui bước. Sư thích ăn những thức ăn hoang dã, mặc đồ rách rưới, miệng không bao giờ nói chuyện phù phiếm; nếu có ai cho thức ngon đồ đẹp đều đem cấp phát cho người nghèo ốm. Sư sống một đời thiếu dục tri túc, ít ai sánh kịp. Về già, Sư đến ở nhà của chùa, chôn dấu mình ở núi rừng không giao thiệp với kẻ cao sang, sống trong cảnh khổ hạnh. Người ta cho thế là buồn, song Sư vẫn thấy là an vui của mình. Niên hiệu Đại Thông thứ nhất (527) Sư mất ở chùa núi, thọ 70 tuổi.



THÍCH HUỆ THẮNG

Thích Huệ Thắng (Theo Cao Tăng Truyện viết) là người Giao Chỉ, ở chùa núi Tiên Châu, lánh ngụ rừng đầm, thông dong ngoại vật, tụng kinh Pháp Hoa, ngày đến một biển, mỗi năm càng sâu. Sư ăn mặc đơn sơ, tùy thân vui dùng, theo Thiền sư nước ngoài là Đạt-ma-đề-bà (Dharmadeva) học pháp quán hạnh. Mỗi lần Sư nhập định đến ngày mai mới xuất định.

Lưu Tích ở Bành Thành khi làm Thái thú ở Nam Hải, nghe đạo phong của Sư, lúc về nước thỉnh Sư cùng đi. Khi về tới Bành Thành, Sư cư trú tại chùa U Thê. Sư giữ kín chỗ kỳ đặc, thường tỏ ra ngu ngốc. Nhưng người ở lâu với Sư rất kính trọng, những học giả về Thiền rất khâm phục. Ở chùa U Thê, Sư không đòi phần ăn, chỉ sống bằng khát thực, hoàn toàn tuân theo sự thanh liêm.

Năm Vĩnh Minh thứ năm (487), Sư dời về Tịnh xá Diên Hiền tại núi Khế Chung. Từ trẻ đến già, Sư giữ gìn một tâm trình chánh.

Sư mất khoảng niên hiệu Thiên Giám (502-519), tuổi vừa 70.



PHÁI THIỀN TỶ-NI-ĐA-LƯU-CHI

- Đời thứ:
- I. Thiền sư Pháp Hiền (626)
 - II.
 - III. Thiền sư Huệ Nghiêm
 - IV. Thiền sư Thanh Biện (686)
 - V.
 - VI.
 - VII.
 - VIII. Thiền sư Định Không (808)
 - IX. Thiền sư Thông Thiện
 - X. Trưởng lão La Quý (936)
Thiền sư Pháp Thuận (990)
Thiền sư Ma-ha
 - XI. Thiền Ông Đạo Giả (979)
Thiền sư Sùng Phạm (1087)
 - XII. Thiền sư Vạn Hạnh (1018)
Thiền sư Định Huệ
Thiền sư Từ Đạo Hạnh (1115)

- Thiền sư Minh Không (1141)
Thiền sư Trì Bát (1117)
Thiền sư Thuần Chân (1101)
XIII. Thiền sư Huệ Sinh (1063)
Thiền sư Thiên Nham (1163)
Thiền sư Bốn Tịch (1140)
XIV. Thiền sư Khánh Hỷ (1142)
XV. Thiền sư Giới Không
Thiền sư Pháp Dung (1174)
XVI. Thiền sư Chân Không (1100)
Thiền sư Trí
Thiền sư Đạo Lâm (1203)
XVII. Ni sư Diệu Nhân (1113)
Thiền sư Viên Học (1116)
Thiền sư Tịnh Thiền (1193)
XVIII. Quốc sư Viên Thông (1151)
XIX. Thiền sư Y Sơn (1213)



PHÁI THIỀN VÔ NGÔN THÔNG

- Đời thứ:
- I. Thiền sư Cảm Thành (860)
 - II. Thiền sư Thiện Hội (900)
 - III. Thiền sư Vân Phong (956)
 - IV. Đại sư Khuông Việt (1011)
 - V. Thiền sư Đa Bảo
 - VI. Trưởng lão Định Hương (1051)
Thiền Lão Thiền Sư
 - VII. Thiền sư Viên Chiếu (1090)
Thiền sư Cứu Chỉ
Thiền sư Minh Tâm (1034)
Thiền sư Bảo Tính (1034)
Thiền sư Quảng Trí
 - VIII. Thiền sư Ngô Ấn (1088)
Thiền sư Mãn Giác (1096)
Quốc Sư Thông Biện (1134)
 - IX. Thiền sư Bảo Giám (1173)
Thiền sư Đạo Huệ (1172)
Thiền sư Không Lộ (1119)

- Thiền sư Bốn Tĩnh (1176)
- X. Thiền sư Giác Hải (thế kỷ 11-12)
- Thiền sư Tịnh Không (1170)
- Thiền sư Đại Xả (1180)
- Thiền sư Tín Học (1190)
- Thiền sư Trường Nguyên (1165)
- Thiền sư Tịnh Lực (1175)
- Thiền sư Trí Bảo (1190)
- Thiền sư Minh Trí (1196)
- Thiền sư Tịnh Giới (1207)
- Thiền sư Nguyễn Học (1174)
- XI. Thiền sư Quảng Nghiêm (1190)
- XII. Thiền sư Thường Chiếu (1203)
- XIII. Thiền sư Thần Nghi (1216)
- Đại sĩ Thông Thiên (1228)
- XIV. Thiền sư Tức Lự
- Thiền sư Hiện Quang (1220)
- Cư sĩ Ứng Thuận Vương



PHÁI THIỀN THẢO ĐƯỜNG

(1055 - 1205)

- I. 1. Lý Thánh Tông
2. Bát-nhã
3. Ngô Xá
- II. 1. Ngô Ích
2. Thiệu Minh
3.- ?
4. Định Giác
- III. 1. Đỗ Vũ
2. Phạm Âm
3. Lý Anh Tông
4. Đỗ Đô
- IV. 1. Trương Tam Tạng
2. Chân Huyền
3. Đỗ Thường
4.- ?
- V. 1. Hải Tịnh

2. Lý Cao Tông
3. Nguyễn Thức
4. Phạm Phụng Ngự



Thiền sư TỖ-NI-ĐA-LƯU-CHI

(VINITARUCI) (? - 594)

(Tổ khai sáng dòng Thiền Tỳ-ni-đa-lưu-chi ở Việt Nam)

Sư là người Nam Thiên Trúc (Nam Ấn Độ) dòng Bà-la-môn tên Vinitaruci. Thuở nhỏ đã có chí khác thường, đi khắp miền Tây Trúc (Tây Ấn Độ) để tham khảo Thiền Tông. Nhưng vì cơ duyên chưa gặp, Sư lại sang Đông Nam.

Sư sang Trung Quốc nhằm đời Trần Tuyên Đế niên hiệu Thái Kiến năm thứ sáu (574) vào đến Trường An. Gặp thời Chu Vũ Đế phá diệt Phật pháp, Sư lại phải sang qua đất Nghiệp (Hồ Nam). Lúc ấy, Tổ Tăng Xán đang mang y bát ở ẩn trong núi Tư Không, bỗng nhiên Sư tìm gặp được Tổ. Thấy cử chỉ phi phàm của Tổ, Sư phát tâm kính mộ, đến trước vòng tay ba lần, Tổ vẫn ngồi im nhắm mắt không nói. Sư đứng suy nghĩ giây lát bỗng nhiên tâm có sở đắc. Sư liền sụp xuống lạy ba lạy, Tổ cũng chỉ gật đầu ba cái. Sư lùi lại ba bước thưa:

- Đệ tử lâu nay không được an, Hòa thượng vì lòng đại từ bi, xin cho con theo hầu hạ Ngài.

Tổ bảo:

- Người nên mau qua phương Nam giáo hóa, không nên ở đây lâu.

Sau khi được tâm ấn nơi Tổ, Sư từ biệt sang Quảng Châu trụ trì tại chùa Chế Chỉ. Thời gian sáu năm ở đây, Sư dịch xong bộ kinh “Tượng Đầu Tinh Xá” chữ Phạn ra chữ Hán.(Phật thuyết Tượng Đầu Tinh Xá Kinh, Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng số 466)

Đến niên hiệu Đại Tường năm thứ hai nhà Chu (580), Sư sang Việt Nam trụ trì tại chùa Pháp Vân. (Chùa Pháp Vân cũng gọi là chùa Dâu tên chữ là chùa Diên Ứng ở xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành, tỉnh Hà Bắc, hiện nay cách Hà Nội khoảng 25km về hướng Đông. Chùa này thời Lý gọi là chùa Cổ Châu (làng Cổ Châu, huyện Siêu Loại); đời Trần gọi là chùa Thiền Định hay chùa Siêu Loại; đời Hậu Lê gọi là chùa Diên Ứng.) Nơi đây, Sư dịch xong bộ kinh Đại Thừa Phương Quảng Tổng Trì. (Phật thuyết Đại Thừa Phương Quảng Tổng Trì Kinh, Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng số 275.)

Một hôm, Sư gọi đệ tử nhập thất là Pháp Hiền bảo:

- Tâm ấn của chư Phật, không có lừa dối, tròn đồng thái hư, không thiếu không dư, không đi không lại, không được không mất, chẳng một chẳng khác,

chẳng thường chẳng đoạn; vốn không có chỗ sanh, cũng không có chỗ diệt, cũng chẳng xa lìa, mà chẳng phải chẳng xa lìa. Vì đối với vọng duyên mà giả lập tên ấy thôi. Bởi thế, chư Phật trong ba đời cũng như thế, nhiều đời Tổ sư cũng do như thế mà được, ta cũng do như thế được, người cũng do như thế được, cho đến hữu tình vô tình cũng do như thế được. Tổ Tăng Xán khi ấn chứng tâm này cho ta, bảo ta mau về phương Nam giáo hóa, không nên ở đây lâu. Đã trải qua nhiều nơi, nay đến đây gặp được người quả là phù hợp với lời huyền ký. Vậy người khéo giữ gìn, giờ đi của ta đã đến.

Nói xong, Sư chấp tay thị tịch. Pháp Hiền làm lễ hỏa táng, lượm xá-lợi năm sắc, xây tháp cúng dường. Năm ấy nhằm niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bốn nhà Tùy (594).

Về sau, vua Lý Thái Tông (1028-1054) có làm bài kệ truy tán phong tặng Sư:

Mở lối nước Nam đến
Nghe Ngài giỏi tập thiền.
Hiện bày các Phật tánh
Xa hiệp một nguồn tâm.
Trăng Lãng-già sáng rõ
Hoa Bát-nhã ngọt ngào.
Bao giờ được gặp mặt
Cùng nhau bàn đạo huyền.
Sáng tự Nam lai quốc
Văn quân cứu tập thiền
Ứng khai chư Phật tính
Viễn hợp nhất tâm nguyên
Hạo hạo Lãng-già nguyệt
Phân phân Bát-nhã liên.
Hà thời hạnh tướng kiến
Tương dữ thoại trùng huyền.



Thiền Sư PHÁP HIỀN

(? - 626)-(Đời thứ I, Dòng Tỳ-ni-đa-lưu-chi)

Sư họ Đổ quê ở Chu Diên (Sơn Tây), thân hình to lớn cao đến bảy thước ba tấc (2m30). Khi mới xuất gia, Sư theo Đại sư Quán Duyên ở chùa Pháp Vân thọ giới. Đến lúc Tổ Tỳ-ni-đa-lưu-chi sang Việt Nam vào chùa Pháp Vân gặp Sư. Tổ nhìn kỹ vào mặt hỏi:

- Người họ gì?

Sư đáp:

- Hòa thượng họ gì?
- Người không có họ sao?
- Họ thì chẳng không, Hòa thượng làm sao biết được?
- Biết để làm gì?

Sư bỗng nhiên tự tỉnh, liền sụp xuống lạy. Tổ Tỳ-ni-đa-lưu-chi ấn chứng, từ đây về sau Sư luôn luôn theo hầu Tổ.

Sau khi Tổ tịch, Sư vào núi Từ Sơn tu thiền định, thân như cây gỗ, vật ngã đều quên. Các loài cầm thú thường quần quít chung quanh Sư. Người đời thấy thế càng thêm kính mộ, đệ tử tìm đến học đạo càng ngày càng đông. Nhân đó, Sư mới lập chùa nhận đồ đệ ở tu, số học chúng hằng ngày trên ba trăm vị. Thiên Tông phương Nam từ đây được thịnh hành.

Thích sử Lưu Phương nghe danh của Sư, bèn dâng sớ về Trung Quốc tâu lên vua nhà Tùy:

“...Cõi này người khâm sùng Phật giáo, lại có những vị cao đức danh tăng...”

Vua Tùy sai sứ mang năm hòm xá-lợi Phật và tờ điệp, bảo Sư xây tháp cúng dường. Sư bèn xây tháp ở chùa Pháp Vân và các chùa danh tiếng ở các châu Phong, Hoan, Trường, Ái... cũng đều dựng tháp cúng dường.

Về sau, Sư trụ trì tại chùa Chúng Thiện, núi Thiên Phước huyện Tiên Du.

Niên hiệu Võ Đức năm thứ chín đời Đường (626), Sư an tướng thị tịch. Thiền sư Thanh Biện là người kế thừa dòng thiền của Sư.



Thiền Sư THANH BIỆN

(? - 686)-(Đời thứ 4, Dòng Tỳ-ni-đa-lưu-chi)

Sư họ Đỗ quê ở Cổ Giao, năm 12 tuổi theo ngài Pháp Đăng ở chùa Phổ Quang tu học. Khi ngài Pháp Đăng sắp thị tịch, Sư hỏi:

- Sau khi Hòa thượng đi, con nương tựa vào đâu?

Pháp Đăng bảo:

- Con chỉ Sùng Nghiệp mà thôi.

Sư mờ mịt không hiểu.

Pháp Đăng tịch rồi, Sư chuyên trì kinh Kim Cang lấy đó làm sự nghiệp.

Một hôm có thiền khách đến viếng, thấy Sư trì kinh, bèn hỏi:

- Kinh này là mẹ chư Phật trong ba đời, thế nào là ý nghĩa mẹ Phật?

Sư thưa:

- Từ trước đến nay trì kinh mà chưa hiểu ý kinh.

Thiền khách hỏi:

- Ông trì kinh đến giờ đã được bao lâu?

- Đã tám năm.

- Trì kinh đã tám năm mà một ý kinh cũng không hiểu, dù trì mãi đến trăm năm nào có công dụng gì?

Sư liền đánh lễ, thưa hỏi chỗ thâm sâu ấy. Thiên khách bảo đến Thiên sư Huệ Nghiêm ở chùa Sùng Nghiệp giải quyết cho. Sư chợt tỉnh, nói:

- Nay tôi mới biết lời của Hòa thượng Pháp Đăng, quả phù hợp như vậy.

Sư bèn khăn gói hỏi thiên khách đường đến chùa Sùng Nghiệp. Đến nơi, Sư làm lễ ra mắt.

Thiên sư Huệ Nghiêm thấy liền hỏi:

- Người vì việc gì đến?

Sư thưa:

- Con trong tâm có chỗ chưa ổn.

Huệ Nghiêm hỏi:

- Người chưa ổn cái gì?

Sư liền đem việc trước thuật lại đầy đủ.

Huệ Nghiêm than rằng:

- Người tự quên mất rồi, sao không nhớ trong kinh nói “Chư Phật trong ba đời và pháp A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, đều từ kinh này ra”, đâu không phải là nghĩa mẹ chư Phật ư?

Sư thưa:

- Phải. Thế là con tự quên.

Huệ Nghiêm hỏi:

- Kinh này là người nào nói?

- Đâu không phải Như Lai nói sao?

- Trong kinh nói “Nếu nói Như Lai có nói pháp tức là chê bai Phật, người ấy không thể hiểu nghĩa ta nói”, người khéo suy nghĩ đó. Nếu nói kinh này không phải Phật nói là chê bai kinh, nếu nói là Phật nói tức chê bai Phật. Người phải làm sao? Nói mau! Nói mau!

Sư toan mở miệng, Huệ Nghiêm cầm phất tử đánh ngay miệng. Sư bỗng nhiên tỉnh ngộ. Liền sụp xuống lạy tạ. Sư ở lại đây một thời gian.

Sau, Sư đến trụ trì chùa Kiến Dương ở làng Hoa Lâm phủ Thiên Đức.

Hóa duyên đã mãn, Sư thị tịch năm Bính Tuất nhằm niên hiệu Thùỵ Cung thứ hai đời Đường (686).



Thiên Sư ĐỊNH KHÔNG

(730 - 808)-(Đời thứ 8, dòng Tỳ-ni-đa-lưu-chi)

Sư họ Nguyễn quê ở làng Cổ Pháp, con nhà danh giá, lại thâm hiểu về thế số. Những hành động của Sư đều hợp pháp tắc, người trong làng quý kính gọi là Trưởng Lão.

Lúc tuổi đã lớn, Sư đến pháp hội Long Tuyên Nam Dương nghe pháp, liền lãnh hội ý chỉ. Nhân đây Sư phát tâm xuất gia theo Phật.

Đời Đường khoảng niên hiệu Trinh Nguyên (785-804), Sư lập ngôi chùa Quỳnh Lâm tại quê nhà. Khi đào đất đắp nền chùa gặp được một quả hương đề và mười cái khánh. Sư sai đem xuống nước rửa, một cái khánh lăn đến tận đáy ao mới dừng. Sư giải rằng:

- Chữ thập, chữ khẩu, hợp thành chữ cổ. Chữ thủy, chữ khứ hợp thành chữ pháp. Thổ là chính chỗ chúng ta ở, tức chỉ đất này.

Nhân đây, Sư đổi tên làng là Cổ Pháp (trước tên Diên Uẩn), lại làm bài tụng:

Đất dâng pháp khí
Một món thuần đồng.
Ấy diễm Phật pháp hưng long.
Đặt tên làng là Cổ Pháp.
Địa trình pháp khí
Nhất phẩm tinh đồng.
Trị Phật pháp chi hưng long
Lập hương danh chi Cổ Pháp.)

Sư lại nói:

Pháp khí hiện ra mười cái chung đồng
Họ Lý làm vua ba phẩm thành công.
Pháp khí xuất hiện thập khẩu đồng chung
Lý hưng vương tam phẩm thành công.)

Lại nói:

Thập, khẩu, thủy, thổ, khứ
Danh hiệu làng Cổ Pháp
Gà ở sau loan nguyệt
Chính là Tam bảo tịnh.
(Thập, khẩu, thủy, thổ, khứ
Cổ Pháp danh hương hiệu.
Kê cư loan nguyệt hậu
Chánh thị hưng Tam bảo.)

Sau, Sư trụ trì tại chùa Thiên Chúng ở làng Dịch Bảng, phủ Thiên Đức (nay là làng Đình Bảng, phủ Từ Sơn, Bắc Ninh).

Sắp tịch, Sư gọi đệ tử Thông Thiện đến bảo:

- Ta muốn mở rộng làng xã, nhưng giữa chừng e gặp họa nạn, ắt có người khác đến phá hoại đất đai của chúng ta (quả nhiên, sau có Cao Biền đời Đường đến trấn ở đây). Sau khi ta tịch, người khéo gìn giữ pháp của ta. Khi nào gặp người họ Đinh sẽ truyền thì nguyện của ta được mãn vậy.

Nói xong, Sư cáo biệt mà tịch, thọ 79 tuổi, nhằm đời Đường niên hiệu Nguyên Hòa thứ ba (808) năm Bính Tý.

Thông Thiện xây tháp thờ Sư ở phía tây chùa Lục Tổ và ghi lời phó chúc rành rõ.



Thiền Sư VÔ NGÔN THÔNG

(? - 826)

(Tổ khai sáng dòng Thiền Vô Ngôn Thông ở Việt Nam)

Sư họ Trịnh quê ở Quảng Châu, xuất gia tại chùa Song Lâm xứ Vũ Châu. Tánh Sư điềm đạm ít nói mà thông minh, nên thời nhân gọi là Vô Ngôn Thông.

Sư lễ Phật, có một thiền khách đến hỏi:

- Tọa chủ lễ đó là cái gì?

Sư đáp:- Là Phật.

Thiền khách bèn chỉ tượng Phật hỏi:- Cái này là Phật gì?

Sư không đáp được.

Đến tối, Sư y phục chỉnh tề đến lễ thiền khách, thưa:

- Hôm nay Thầy hỏi, tôi chưa biết ý chỉ thế nào?

Thiền khách hỏi:- Tọa chủ được mấy hạ?

Sư thưa:- Mười hạ.

Thiền khách bảo:- Đã từng xuất gia chưa?

Sư càng thêm mờ mịt.

Thiền khách khuyên Sư đồng đến tham vấn với Mã Tổ. Đi đến Giang Tây nghe tin Mã Tổ đã tịch, bèn đến yết kiến Bá Trượng Hoài Hải.

*

* *

Một hôm trong giờ tham vấn, có vị tăng hỏi Bá Trượng:

- Thế nào là pháp môn đốn ngộ của Đại thừa?

Bá Trượng đáp:- Đất tâm nếu không, mặt trời trí tuệ tự chiếu.

Nghe câu này, Sư hoát nhiên đại ngộ.

*

* *

Sau, Sư về Quảng Châu trụ trì tại chùa Hòa An. Có người hỏi:

- Thầy phải Thiền sư chăng?

Sư đáp:- Bản đạo chẳng từng học thiền.

Sư lặng thinh giây lâu, gọi người kia.

Người kia đáp: - Dạ!

Sư chỉ cây tùng lư (cây móc).

*

* *

Một hôm, Sư bảo Huệ Tịch đem giường lại. Huệ Tịch đem đến.

Sư bảo:- Đem lại chỗ cũ.

Huệ Tịch vâng theo.

Sư hỏi:- Cái giường ở bên này là vật gì?- Không vật.

Sư gọi: - Huệ Tịch!

Huệ Tịch đáp: - Dạ!

Sư bảo: - Đi!

*

* *

Năm Canh Tý niên hiệu Nguyên Hòa thứ mười lăm đời Đường (820), Sư sang An Nam ở chùa Kiến Sơ làng Phù Đổng, huyện Tiên Du Bắc Ninh. Ở đây trọn ngày, Sư ngồi xây mặt vào vách, suốt mấy năm mà không ai biết, chỉ Thiền sư Cảm Thành (Trụ trì chùa này) biết Sư là vị cao tăng đắc đạo trong nhà thiền. Cảm Thành hết lòng kính trọng tôn thờ Sư làm thầy.

Một hôm, Sư gọi Cảm Thành đến bảo:

- Ngày xưa Tổ sư là Nam Nhạc Hoài Nhượng khi sắp tịch có dặn mấy lời:

Tất cả các pháp đều từ tâm sanh

Tâm không chỗ sanh, pháp không chỗ trụ.

Nếu đạt tâm địa chỗ trụ không ngại

Chẳng gặp thượng căn dè dặt chớ dạy.

(Nhất thiết chư Pháp giai tùng tâm sanh

Tâm vô sở sanh pháp vô sở trụ.

Nhược đạt tâm địa sở trụ vô ngại

Phi ngộ thượng căn thận vật khinh hứa.)

Nói xong, Sư chấp tay thị tịch, nhằm năm Bảo Lịch thứ hai đời Đường (826). Cảm Thành rước Sư lên hỏa đàn, thu hài cốt xây tháp thờ ở núi Tiên Du.



Thiền Sư CẢM THÀNH

(? - 860)-(Đời thứ I, dòng Vô Ngôn Thông)

Sư quê ở Tiên Du, không rõ họ gì, chỉ biết mới xuất gia đạo hiệu là Lập Đức, ở tại quận nhà chuyên lấy việc trì tụng làm sự nghiệp. Có Hương hào họ

Nguyễn ở làng Phù Đổng mến đức hạnh cao cả của Sư, tình nguyện đem gia trạch cúng cho Sư làm ngôi chùa. Sư một mực từ chối. Ban đêm Sư mộng thấy thần nhân mách: “Nếu theo ý họ Nguyễn, thời gian chẳng lâu sẽ được điều lành lớn.” Nhân đó, Sư mới nhận lời, nay chính là ngôi chùa Kiến Sơ ở làng Phù Đổng ấy vậy.

Quả như lời thần nhân mách, Sư về trụ trì chưa bao lâu, Thiền sư Vô Ngôn Thông đến. Biết Thiền sư chẳng phải là hạng thường, Sư hôm sớm hết lòng thờ kính, không hề biếng trễ. Vì thế Thiền sư Vô Ngôn Thông đổi hiệu Sư là Cảm Thành.

Một hôm, Thiền sư Vô Ngôn Thông gọi Sư vào dạy:

- Xưa đức Thế Tôn vì một nhân duyên lớn mà xuất hiện ở đời, hóa duyên viên mãn Ngài vào Niết-bàn. Diệu tâm này tên Chánh pháp Nhãn tạng, thật tướng không tướng, pháp môn chánh định, chính Ngài trao cho đệ tử là Tôn giả Ma-ha Ca-diếp làm Sơ tổ. Đời đời truyền nhau đến Tổ Đạt-ma, từ Ấn Độ sang Trung Hoa trải bao nguy hiểm, vì truyền pháp này. Cứ thế đến Lục tổ Tào Khê được nơi Ngũ tổ, vẫn dòng phái Đạt-ma. Tổ Đạt-ma lúc mới đến, vì người chưa tin hiểu nên lấy việc truyền y bát để rõ chỗ đặc pháp. Nay niềm tin đã thuần thực, thì y là đầu mối của sự tranh giành. Thế nên, Ngũ tổ dặn: “Phải dừng ngay nơi ông, không nên truyền nữa.” Do đó, đến nay chỉ dùng tâm truyền tâm mà chẳng trao y bát.

Khi ấy, Tổ sư Nam Nhạc Hoài Nhượng nhận được chân truyền này, bèn trao cho Mã Tổ Đạo Nhất, Mã Tổ trao cho Bá Trượng Hoài Hải. Ta ở chỗ Tiên sư Bá Trượng nhận được tâm pháp ấy đã lâu, nghe ở phương này (Việt Nam) có nhiều người hâm mộ Đại thừa, vì thế mà đến phương Nam để tìm thiện tri thức. Nay ta gặp người đây, ấy bởi túc duyên đã sẵn. Nghe ta nói kệ:

Các nơi đồn đại
Đối tự huyền truyền
Rằng Thủy Tổ ta
Gốc từ Tây Thiên.
Truyền pháp Nhãn tạng
Gọi đó là Thiền
Một hoa năm cánh
Hạt giống liên miên.
Thâm hợp lời mật
Muôn ngàn có duyên
Đều gọi tâm tông
Thanh tịnh bản nhiên.
Tây Thiên cõi này

Cõi này Tây Thiên
Xưa nay nhật nguyệt
Xưa nay sơn xuyên.
Chạm đến thành trệ
Phật tổ thành oan
Sai đó hào ly
Mất đó trăm ngàn.
Người khéo quán sát
Chớ lừa cháu con
Ngay như hỏi ta
Ta vốn không lời.
Chữ phương hạo hạo
Vọng tự huyền truyền
Vị ngô thủy tổ
Thân tự Tây thiên.
Truyền pháp nhân tạng
Mục vị chi thiên
Nhất hoa ngũ diệp
Chủng tử miên miên.
Tiềm phù mật ngữ
Thiên vạn hữu duyên
Hàm vị tâm tông
Thanh tịnh bản nhiên.
Tây Thiên thử độ
Thử độ Tây Thiên
Cổ kim nhật nguyệt
Cổ kim sơn xuyên.
Xúc đồ thành trệ
Phật tổ thành oan
Sai chi hào ly
Thất chi bách thiên.
Nhữ thiện quán sát
Mạc trảm nhi tôn
Trực nhiều vấn ngã
Ngã bốn vô ngôn.)

Nghe xong bài kệ, Sư liền lãnh ngộ.

*

* *

Có vị tăng đến hỏi: - Thế nào là Phật?

Sư đáp:- Khắp tất cả chỗ.

- Thế nào là Phật tâm?
- Chẳng từng che dấu.
- Học nhân chẳng hội?
- Đã lắm qua rồi.

*

* *

Về sau, Sư không bệnh mà tịch vào năm Canh Thìn, nhằm năm đầu niên hiệu Hàm Thông (860) nhà Đường.



Thiền Sư THIÊN HỘI

(? - 900)-(Đời thứ 2, dòng Vô Ngôn Thông)

Sư quê ở Điển Lĩnh, thuở nhỏ theo thầy Tiệm Nguyên ở chùa Đông Lâm bốn hương xuất gia, hiệu là Tổ Phong. Lớn lên, Sư vân du khắp nơi để tìm thầy tham học. Khi đến chùa Kiến Sơ gặp Thiền sư Cầm Thành bèn xin ở lại đây. Phục vụ Thiền sư Cầm Thành hơn mười năm, mà Sư không biết mỗi mệ.

Một hôm, Sư vào thất hỏi:

- Trong kinh có nói: “Đức Thích-ca Như Lai đã từng tu hành trải vô số kiếp mới được thành Phật.” Nay Thầy dạy rằng: “Tâm tức là Phật”, con chưa hiểu lẽ đó, cúi xin Thầy một phen khai ngộ cho.

Thiền sư Cầm Thành bảo:

- Trong kinh là người nào nói?

Sư thưa:

- Đâu không phải là Phật nói ư?

- Nếu là Phật nói, tại sao trong kinh Văn Thù lại nói: “Ta trụ ở đời 49 năm, chưa từng nói một chữ dạy người.” Cổ đức nói: “Người tìm nơi vắng, chấp nơi chứng càng thêm trệ; khổ hạnh cầu Phật là mê, lìa tâm cầu Phật là ngoại đạo; chấp tâm cầu Phật là ma.”

- Như thế, tâm ấy cái gì chẳng phải Phật, cái gì là Phật?

- Xưa có người đến hỏi Mã Tổ: “Tâm tức là Phật, tâm nào là Phật?” Mã Tổ bảo: “Ông nghi cái nào chẳng phải Phật chỉ ra xem?” Người kia không đáp được. Tổ dạy: “Đạt thì khắp tất cả cảnh, chẳng ngộ hằng trái xa.” Chỉ câu nói này, người lại hội chăng?

Liền đó, Sư thưa:

- Nay con hội rồi.

- Người hội thế nào?

- Khắp tất cả chỗ không đâu chẳng phải tâm Phật .

Nói xong Sư sụp xuống lạy.

Thiền sư Cảm Thành bảo:

- Thế là người hiểu đúng rồi.

Nhân đó, Thiền sư Cảm Thành cho Sư hiệu là Thiệu Hội.

*

* *

Sau, Sư trụ trì ở chùa Định Thiên làng Siêu Loại để truyền bá tâm tông. Năm thứ ba niên hiệu Quang Hóa đời Đường (900), Sư tịch tại bốn tự.



Trưởng Lão LA QUI

(852 - 936)-(Đời thứ 10, dòng Tỳ-ni-đa-lưu-chi)

Sư họ Đinh người An Chân, đi du phương từ thuở nhỏ, tham yết khắp các bậc thầy nổi danh trong nhà Thiền. Trải nhiều năm như thế, mà pháp duyên chưa hợp, Sư sắp thối chí. Sau gặp Thiền sư Thông Thiệu ở chùa Thiền Chúng nói một câu, tâm Sư liền khai ngộ. Từ đây, Sư ở lại hầu hạ thầy.

Thiền sư Thông Thiệu sắp tịch gọi Sư đến bảo:

- Xưa thầy ta là Đinh Không từng dặn dò rằng: “Con khéo giữ gìn pháp của ta, gặp người họ Đinh sẽ truyền.” Người gặng đảm đang lấy. Nay ta đi vậy.

Sư đã được pháp tùy phương diễn hóa, chọn đất cất chùa. Mỗi khi nói ra lời nào đều phù hợp sấm ngữ. Sư tổ chức đúc tượng Lục Tổ bằng vàng tại chùa Lục Tổ. Sau vì sợ trộm cướp nên đem chôn trước cửa chùa. Sư di chúc rằng:

Gặp vua sáng thì hiện

Thấy chúa tối nên ẩn.

Trị minh vương tắc xuất.

Ngộ ám chúa tắc tàng.).

Sư trụ trì chùa Song Lâm, làng Phù Ninh, phủ Thiên Đức.

Sắp tịch, Sư bảo đệ tử là Thiền Ông rằng:

- Thuở trước Cao Biền xây thành bên sông Tô Lịch, vì biết vùng đất làng Cổ Pháp có khí tượng đế vương, nên cho đào đứt con sông Diêm và những hồ ao liên hệ v.v... đến mười chín chỗ để mà ếm đó. Nay ta đã sai Khúc Lãm lấp lại như xưa. Lại ta có trồng một cây Miên ở chùa Minh Châu để trấn chỗ bị đứt. Biết sau này ắt có vua hiển ra đời, để vun bồi chánh pháp của ta. Sau khi ta tịch, người nên đắp lên một nền đất, xây lên ngọn tháp, lấy pháp để kín trong ấy, chớ cho người thấy.

Nói xong, Sư thị tịch, thọ 85 tuổi, nhằm niên hiệu Thanh Thái thứ ba nhà Hậu Đường (936).

Lúc trồng cây Miên, Sư có làm bài kệ:

Đại sơn đầu rồng dấy
Đuôi to ẩn Châu Minh
Thập bát tử định thành
Cây gạo hiện hình rồng
Thỏ gà trong thảng chuột
Quyết thấy mặt trời lên
(Đại sơn long đầu khởi
Cầu vỹ ẩn Chu Minh
Thập bát tử định thành
Miên thọ hiện long hình
Thổ kê thử ngoạt nội
Định kiến nhật xuất thanh.)



Thiền Sư PHÁP THUẬN

(914 - 990)-(Đời thứ 10, dòng Tỳ-ni-đa-lưu-chi)

Sư họ Đỗ, không rõ quê quán ở đâu, xuất gia từ thuở bé, thọ giới với Thiền sư Long Thọ Phù Trì. Sau khi đắc pháp, Sư nói lời nào cũng phù hợp sấm ngữ.

Nhà Tiền Lê mới dựng nghiệp, thường mời Sư vào triều luận bàn việc chánh trị và ngoại giao. Khi quốc thái dân an, Sư không nhận sự phong thưởng. Vì thế, vua Lê Đại Hành rất kính trọng, không dám gọi tên, chỉ gọi là Đỗ Pháp Sư. Nhà vua nhờ Sư trông coi việc soạn thảo văn kiện, thư từ ngoại giao.

Năm Thiên Phước thứ bảy (986), nhà Tống sai sứ là Lý Giác sang phong tước hiệu cho vua Đại Hành. Vua nhờ Sư cải trang làm lái đò để đón Sứ. Trên sông, bất chợt Lý Giác thấy hai con ngỗng bơi, cảm hứng liền ngâm:

Song song ngỗng một đôi
Ngửa mặt ngó ven trời.
(Nga nga lưỡng nga nga
Ngưỡng diện hướng thiên nha.)

Sư đang chèo, ứng khẩu ngâm tiếp:

Lông trắng phơi dòng biếc
Sóng xanh chân hồng bơi. (T.T.Mật Thế)
(Bạch mao phô lục thủy
Hồng trạo bãi thanh ba.)
Lý Giác rất thán phục.

*

* *

Vua Đại Hành hỏi vận nước dài ngắn thế nào, Sư đáp bằng bài kệ:

Vận nước như dây quấn
Trời Nam sống thái bình
Rảnh rang trên điện các
Chốn chốn dứt đao binh.
(Quốc tộ như đăng lạc
Nam thiên lý thái bình
Vô vi cư điện các
Xứ xứ tức đao binh.)

Về sau, Sư trụ trì chùa Cổ Sơn làng Thừ, quận Ải.

Niên hiệu Hưng Thống thứ hai (990), Sư không bệnh mà tịch, thọ 76 tuổi. Tác phẩm của Sư có:

- * Bồ Tát Hiệu Sám Hối Văn
- * Thơ tiếp Lý Giác
- * Một bài kệ.



Thiền Sư VÂN PHONG

(? - 956)-(Đời thứ ba, dòng Vô Ngôn Thông)

Sư họ Nguyễn, quê ở Từ Liêm quận Vĩnh Khương. Khi mẹ mang thai Sư, thường trai giới tụng kinh, lúc sanh ra có hào quang chiếu sáng cả nhà. Bối cha mẹ nhận thấy sự linh dị ấy nên cho Sư đi xuất gia.

Đến lớn, Sư theo hầu Thiền sư Thiện Hội ở Siêu Loại. Sư thuộc hàng cao đệ, được thầy truyền dạy thiền yếu. Thiện Hội thường bảo Sư:

- Sống chết là việc lớn, cần phải thấu triệt.

Sư hỏi:

- Khi sống chết đến làm sao tránh được?
- Hãy nắm lấy chỗ không sống chết mà tránh.
- Thế nào là chỗ không sống chết?
- Ngay trong sống chết nhận lấy mới được.
- Làm sao mà hiểu?
- Người hãy đi, chiều sẽ đến.

Chiều Sư lại vào. Thiện Hội bảo:

- Đợi sáng mai, chúng sẽ chứng minh cho người.

Sư hoá nhiên tỉnh ngộ, liền sụp xuống lạy.

Thiện Hội hỏi:

- Người thấy đạo lý gì?

Sư thưa:

- Con đã lãnh hội.

- Người hội thế nào?

Sư bèn đưa nắm tay lên thưa:

- Chẳng tỉnh ngộ là cái gì?

Thiện Hội liền thôi.

*

* *

Sau, Sư trụ trì chùa Khai Quốc trong kinh đô Thăng Long. Đến năm thứ ba niên hiệu Hiến Đức đời Châu (956), Sư thị tịch.



Đại Sư KHUÔNG VIỆT

(933 - 1011)-(Đời thứ 4, dòng Vô Ngôn Thông)

Sư tục danh Ngô Chân Lưu, quê làng Cát Lợi quận Thường Lạc, dòng dõi của Ngô Thuận Đế. Sư dáng mạo khôi ngô, ý chí lỗi lạc và tánh tình bình thản. Thuở nhỏ theo nghiệp Nho, lớn lên trở về Phật. Sư thọ giáo với Thiền sư Vân Phong ở chùa Khai Quốc, thấu tột thiền yếu và đọc khắp các kinh điển.

Năm 40 tuổi, danh Sư vang khắp từng lâm, vua Đinh Tiên Hoàng mời vào cung hỏi đạo. Sư ứng đối rành rẽ, vua rất mến phục, phong chức Tăng Thống. Năm sau, niên hiệu Thái Bình thứ hai (971), vua lại phong Khuông Việt Đại Sư.

Đến đời vua Lê Đại Hành, Sư càng được kính trọng. Bao nhiêu việc binh, việc nước, vua đều mời Sư vào hỏi.

Năm thứ bảy niên hiệu Thiên Phước (986), nhà Tống sai sứ là Lý Giác sang nước ta, vua Đại Hành sắc Sư ra đón tiếp sứ. Khi Lý Giác về có để lại một bài thơ:

May gặp minh quân giúp việc làm
Một mình hai lượt sứ miền Nam.
Mấy phen qua lại lòng thêm nhớ
Muôn dặm non sông mắt chữa nhàm
Ngựa đạp mây bay qua suối đá
Xe vòng núi chạy tới dòng lam.
Ngoài trời lại có trời soi rạng
Vầng nguyệt trong in ngọn sóng đầm. (T.T. Mật Thể)
* Hạnh ngộ minh thời tán tạ thành du
Nhất thân lưỡng độ sứ Giao Châu
Đông đô tái biệt tâm vưu luyến

Nam Việt thiên trùng vọng vị hư
Mã đạp yên vân xuyên lãng thạch
Xa từ thanh chướng phiếm trường lưu
Thiên ngoại hữu thiên ứng viễn chiếu
Khê đàm ba tịnh kiến thiêm thu.)

Vua Đại Hành đưa bài thơ ấy cho Sư xem, và hỏi có ý gì không.

Sư tâu:

- Câu thứ bảy sứ Tống có ý tôn bệ hạ ngang hàng với vua của họ.

Vua Đại Hành nhờ Sư làm một bài tiến sớ. Sư vâng lệnh làm bài từ theo điệu “Tống vương lang qui”:

 Gió hòa phấp phới chiếc buồm hoa
 Thần tiên trở lại nhà.
 Đường muôn nghìn dặm trải phong ba
 Cửa trời nhắm đường xa.
 Một chén quan hà dạ thiết tha
 Thương nhớ biết bao là
 Nỗi niềm xin nhớ cõi Nam hà
 Bây tỏ với vua ta. (T.T.Mật Thể)
 (Tường quang phong hảo cấm phàm trường
 Thần tiên phục đế hương.
 Thiên lý vạn lý thiệp thương lương
 Cửu thiên qui lộ trường.
 Nhân tình thăm thiết đối ly thương
 Phan luyện sứ tình lang.
 Nguyện tương thâm ý vị nam cương.
 Phân minh tấu ngã hoàng.)

Sau, Sư viện lẽ già yếu xin từ quan, về quê dựng một ngôi chùa hiệu Phật Đà trên núi Du Hý, làng Cát Lợi, quận Thường Lạc, rồi trụ trì ở đó. Học giả bốn phương tụ họp về học vấn rất đông.

Một hôm, đệ tử nhập thất là Đa Bảo hỏi:

- Thế nào là trước sau học đạo ?

Sư đáp:

- Trước sau không vật tự hư không,

 Hội đắc chân như thể tự đồng.

 (Thủy chung vô vật diệu hư không,

 Hội đắc chân như thể tự đồng.)

- Làm sao gìn giữ ?

- Không chỗ cho người hạ thủ.

- Hòa thượng nói rõ rồi.
- Người hội thế nào ?
Đa Bảo hét một tiếng.

*

* *

Năm thứ hai niên hiệu Thuận Thiên triều Lý (1011) ngày rằm tháng hai, Sư gọi Đa Bảo lại nói kệ:

Trong cây sẵn có lửa,
Có lửa, lửa lại sanh.
Nếu bảo cây không lửa,
Cọ xát làm gì sanh.
(Mộc trung nguyên hữu hỏa,
Hữu hỏa, hỏa hoàn sanh.
Nhược vị mộc vô hỏa,
Toản toại hà do manh.)

Dạy kệ xong, Sư ngồi kiết già thị tịch, thọ 79 tuổi.



Thiền Sư MA HA

(Ma-ha Ma-da)-(Đời thứ 10, dòng Tỳ-ni-đa-lưu-chi)

Sư gốc người Chiêm Thành, sau đổi họ là Dương. Cha tên Bối Đà, tinh thông sách lá bối, làm quan dưới triều Lê là Bối trưởng (xưa gọi Đà Phan). Lớn lên Sư có nhận thức thấu đáo, học thông cả hai thứ chữ Phạn và Hán.

Năm 24 tuổi, Sư nối nghiệp cho cha kế thế trụ trì ngôi chùa cũ. Một hôm, đang lúc giảng kinh thấy Hộ pháp Thiên thần xuất hiện quở rằng: “Đâu cần cái học bên ngoài ấy làm gì? Ất không thể thông lý.” Do đây hai mắt Sư bị mù. Sư hết lòng ăn năn hối lỗi, toan gieo mình xuống vực sâu mà chết. Bỗng gặp Đông Lâm Viễn ngăn rằng: “Dừng! Dừng!” Sư nghe lời này liền tỉnh ngộ.

Về sau, Sư đến chùa Cổ Sơn thọ giáo với Thiền sư Đỗ Pháp Thuận. Ở đây Sư chuyên việc sám hối và tụng Đại Bi tâm chú, ròng rã ba năm chưa từng có một phút giây biếng trễ. Cảm Bồ-tát Quan Âm lấy nước cành dương rưới trên mắt và mặt mắt. Bỗng nhiên mắt Sư sáng lại tâm càng thanh tịnh.

Niên hiệu Thuận Thiên năm thứ năm (1014), Sư dời về ngọn núi Đại Vân ở Trường An ngày ngày chuyên cần tu tập được “Tổng trì tam-muội” và các pháp thuật, người đời không thể lường nổi.

Hoàng đế Lê Đại Hành ba lần triệu Sư vào cung thưa hỏi, Sư chỉ chấp tay cúi đầu mà thôi. Đến lần thứ ba, Sư mới đáp: “Cuồng tăng ở chùa Quan Ái.” Vua nổi giận sai cầm Sư ở chùa Vạn Tuế trong Đại nội, cắt người canh

gác. Sáng hôm sau thấy Sư ở ngoài phòng tăng, mà cửa vẫn kín như cũ. Vua rất kinh dị, bèn trả tự do cho Sư.

Sư đạo phương Nam châu Ái, đến trấn Sa Đăng. Nhân dân ở đây rất sùng mộ quỷ thần, lấy việc sát sanh làm chủ yếu. Sư khuyên họ ăn chay làm phước, họ đồng đáp: “Thiên thần của chúng tôi, họa phước không dám trái.” Sư bảo: “Các người nếu bỏ ác làm lành, dù có quỷ thần xúc hại Lão tăng sẽ gánh chịu cho.” Dân làng thưa: “Gần đây có người mang bệnh hủ nặng, các thầy thuốc đều bó tay, nếu ông trị lành được bệnh này, chúng tôi sẽ nghe theo lời khuyên.” Sư bảo dẫn người bệnh ấy đến. Họ đến, Sư liền tụng chú, lấy nước phun vào người bệnh, chẳng bao lâu bệnh được lành. Dân làng tuy cảm phục, mà tập nhiễm của họ đã lâu, chưa có thể nhất thời cảm hóa được.

Trong đó, có Hương hào họ Ngô nhân ăn thịt uống rượu bèn đem nài ép Sư: “Hòa thượng có thể thưởng thức cái vui này với chúng tôi, chúng tôi sẽ tuân theo lời Ngài dạy.” Sư đáp: “Đã mời thì chẳng dám từ, chỉ sợ e đau bụng thôi.” Hương hào mừng rỡ thưa: “Có đau thì tôi xin thay cho.” Sư nhận lời, ăn uống được vài tuần rượu, chột bụng sinh to lên, hơi thở hào hển. Sư kêu to: “Ông Hương hào đau chịu thay cho tôi!” Ông Hương hào và cả bọn mặt xám ngắt, không biết làm sao.

Sư tự chấp tay niệm lên: “Nam-mô Phật, Nam-mô Pháp, Nam-mô Tăng cứu con.” Giấy lát, Sư mưa ra thịt thì biến thành thú chạy, cá thì hiện cá nhảy, rượu thì hóa thành nước đồng. Mọi người trông thấy đều kinh hãi. Sư bảo: “Thân các người bệnh thì ta chữa được lành, ta đau bụng các người không thay thế được. Vậy từ nay các người có theo lời ta dạy hay không?”

Tất cả dân làng đều bái tạ xin vâng.

Năm Thiên Thành thứ hai (1029) quan Đô úy Nguyễn Quang Lợi mời Sư trụ trì chùa Khai Thiên, phủ Thái Bình. Ở đây được sáu năm, Sư lại rời châu Hoan. Từ đó về sau chẳng biết Sư trụ ở phương nào.



THIÊN ÔNG ĐẠO GIẢ

(902 - 979)-(Đời thứ 11, dòng Tỳ-ni-đa-lưu-chi)

Sư họ Lữ quê làng Cổ Pháp, tuổi nhỏ đã không thích việc đời. Sau theo Đĩnh trưởng lão xuất gia và đắc pháp.

Sư trụ trì ở chùa Song Lâm làng Phù Ninh, phủ Thiên Đức. Niên hiệu Thái Bình thứ mười triều Đĩnh (979) nhằm năm Kỷ Mão, Sư viên tịch, thọ 78 tuổi.



Thiền Sư SÙNG PHẠM

(1004 - 1087)-(Đời thứ 11, dòng Tỳ-ni-đa-lưu-chi)

Sư họ Mâu, dáng vẻ mạnh mẽ to lớn, hai trái tai thông đến vai. Xuất gia xong, Sư đến tham vấn với ngài Vô Ngại ở Hương Thành. Sau khi được tâm ấn, Sư dạo khắp nước Thiên Trúc để cầu học hỏi sâu rộng. Mãn chín năm Sư trở về nước gồm thông giới định.

Về sau, Sư trụ trì chùa Pháp Vân làng Cổ Châu, Long Biên thuyết pháp giáo hóa, học giả các nơi qui hướng rất đông.

Hoàng đế Lê Đại Hành nhiều phen thỉnh Sư vào cung để thưa hỏi huyền chỉ. Vua lấy lễ đãi Sư rất trọng hậu.

Đến năm Quảng Hựu thứ ba triều Lý (1087) nhằm năm Đinh Mão, Sư viên tịch, thọ 84 tuổi.

Vua Lý Nhân Tông có làm bài kệ truy tặng Sư:

Nước Nam ngài Sùng Phạm
Tâm không thi đậu về
Tai dài hiện tướng lạ
Pháp pháp thấy nhiệm mầu.
(Sùng Phạm cư Nam quốc
Tâm không cập đệ qui
Nhĩ trường hồi thụy chất
Pháp pháp tận ly vi.)



Thiền Sư ĐÌNH HUỆ

(Đời thứ 12, dòng Tỳ-ni-đa-lưu-chi)

Sư họ Khúc quê ở Cẩm Điền, Phong Châu. Lúc đầu, Sư cùng Thiền sư Vạn Hạnh thờ Thiền Ông Đạo Giả làm thầy, và được truyền tâm ấn. Sau Sư về trụ trì ở chùa Quang Hưng, làng An Trinh, phủ Thiên Đức.

Khi sắp tịch, Sư trao Pháp ấn lại cho đệ tử Lâm Huệ Sinh.



Thiền Sư VẠN HẠNH

(? - 1018)-(Đời thứ 12, Dòng Tỳ-ni-đa-lưu-chi)

Sư họ Nguyễn, quê ở làng Cổ Pháp, gia đình đời đời thờ Phật. Thuở nhỏ Sư đã thông minh khác thường, thông suốt Tam học và nghiên cứu Bách luận, mà vẫn xem thường công danh phú quý.

Năm 21 tuổi Sư xuất gia, cùng Thiên sư Định Huệ, thọ học với Thiên Ông Đạo Giả ở chùa Lục Tổ làng Dịch Bảng phủ Thiên Đức. Khi việc rảnh rỗi, Sư học hỏi quên cả mỗi mệt.

Sau khi Thiên Ông tịch, Sư kế tiếp trụ trì chùa này và chuyên tập pháp “Tổng trì tam-ma-địa” lấy đó làm sự nghiệp. Bấy giờ Sư có nói ra lời gì dân chúng đều cho là lời sấm ký. Vua Lê Đại Hành rất tôn kính Sư.

Niên hiệu Thiên Phúc năm thứ nhất (980), tướng Tống là Hầu Nhân Bảo kéo quân sang đánh nước ta, đóng binh ở Cương Giáp, Lãng Sơn, vua Lê Đại Hành mời Sư đến hỏi:

- Quân ta thắng bại thế nào?

Sư đáp:

- Trong ba, bảy ngày thì giặc ắt lui.

Quả đúng như lời Sư đoán.

Có kẻ gian tên Đỗ Ngân âm mưu hại Sư. Biết trước sự việc, Sư đưa cho y một bài thơ:

Thổ mộc sanh nhau Cấn với Kim,

Vì sao ôm ấp lòng hận phiền?

Bấy giờ tôi biết lòng buồn dứt,

Thật đến sau này chẳng bận tâm.

(Thổ mộc tương sanh Cấn bạn Câm (kim) [Thổ Mộc là Đỗ, Cấn Kim là Ngân]

Vân hà mưu ngã uẩn linh khâm?

Đương thời ngũ khẩu thu tâm tuyệt

Chân chí vị lai bất hận tâm.)

Được thơ này gã Ngân hoảng sợ không tiến hành mưu hại nữa.

Lúc vua Lê Ngọa Triều ở ngôi quá tàn bạo, mọi người đều oán ghét. Khi ấy Lý Thái Tổ còn làm chức Thân Vệ, chưa lên ngôi. Bấy giờ trong nước có những điềm lạ xuất hiện liên miên. Tùy theo chỗ thấy nghe, Sư đều bàn giải phù hợp với triệu chứng nhà Lê sắp mất, nhà Lý lên thay.

Ngày vua Lý Thái Tổ lên ngôi, Sư ở tại chùa Lục Tổ mà vẫn biết trước, báo tin cho chú và bác vua Lý hay: “Thiên tử đã băng hà, Lý Thân Vệ đã khuất phục trong thành nội, tức trực trong vài ngày Thân Vệ ắt được thiên hạ.” Và để chiêu an bá tánh, Sư ra yết thị rằng:

Tật Lê chìm biển Bắc

Cây Lý che trời Nam

Bốn phương binh đao dứt

Tám hướng thủy bình an

(Tật Lê trầm bắc thủy

Lý tử thọ nam thiên
Tứ phương qua can tịnh
Bát biểu hạ bình an.)

*

* *

Niên hiệu Thuận Thiên thứ chín (1018) ngày rằm tháng năm, Sư không bệnh chi, mà gọi chúng nói kệ:

Thân như bóng chớp có rồi không,
Cây cỏ xuân tươi, thu đượm hồng,
Mặc cuộc thanh suy không sợ hãi,
Thanh suy như cỏ hạt sương đông.
(Thân như điện ảnh hữu hoàn vô
Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô,
Nhậm vận thanh suy vô bố úy
Thanh suy như lộ thảo đầu phô.)

Nói xong, Sư lại bảo chúng: “Các người cần trụ chỗ nào? Ta chẳng lấy chỗ trụ mà trụ, chẳng y không trụ mà trụ.” Ngừng giây lát, Sư tịch.

*

Vua Lý Thái Tổ và đệ tử làm lễ hỏa táng, nhật xá-lợi xây tháp cúng dường.

Về sau vua Lý Nhân Tông có làm bài truy tán Sư rằng:

Vạn Hạnh thông ba mé (Ba mé: quá khứ, hiện tại, vị lai.)
Thật hợp lời sấm xưa.
Quê nhà tên Cổ Pháp
Dựng gậy vững kinh vua.
(Vạn Hạnh dung tam tế,
Chơn phù cổ sấm cơ (ky)
Hương quan danh Cổ Pháp,
Trụ tích trấn vương kỳ.)



Thiền Sư ĐA BẢO

(Đời thứ 5, dòng Vô Ngôn Thông)

Chẳng rõ Sư người ở đâu và họ gì. Chỉ biết, khi Khuông Việt đại sư mở trường giáo hóa ở chùa Khai Quốc, Sư đến tham học. Được Đại sư khen là bậc gặp cơ lãnh ngộ, xử sự rất đặc cách, riêng cho vào thất.

Sau khi đắc pháp, Sư chỉ một mình một bình bát tiêu dao ngoại vật.

Lúc Lý Thái Tổ còn nhỏ, Sư trông thấy dung nghi dị thường, bèn bảo: “Đứa bé này cốt tướng phi thường, sau này ắt làm chủ nước Nam.” Thái Tổ nghe nói thất kinh thưa: “Nay Thánh thượng anh minh còn tại vị, chốn hải nội đều trị yên, cơ sao Thầy lại nói lời phải tội tru di này?” Sư bảo: “Mệnh trời đã định, người dù muốn tránh cũng chẳng được nào.”

Đến khi Thái Tổ lên ngôi, thường thỉnh Sư vào cung thưa hỏi yếu chỉ Thiền và ân lễ Sư rất thâm hậu. Vua xuống chiếu trùng tu ngôi chùa Kiến Sơ làng Phù Đổng là nơi Sư trụ trì.

Sau không rõ Sư tịch ở đâu và lúc nào.



Trưởng Lão ĐỊNH HƯƠNG

(? - 1051)-(Đời thứ 6, dòng Vô Ngôn Thông)

Sư họ Lữ, quê ở Chu Minh, xuất gia hồi thuở nhỏ, theo học với Thiền sư Đa Bảo. Sư theo hầu thầy ngót 24 năm, thâm hiểu Thiền chỉ. Trong nhóm môn đồ của Đa Bảo, Sư là người xuất sắc nhất.

Một hôm Sư hỏi thầy:

- Làm sao thấy được chân tâm?

Đa Bảo đáp:

- Là người tự nhọc.

Sư hoát nhiên tỉnh ngộ, thưa:

- Tất cả đều như vậy, đâu phải riêng con.

- Người hội chưa?

- Đệ tử hội rồi lại đồng chưa hội.

- Cần phải gìn giữ cái ấy.

Sư bịt tai, xây lưng đứng.

Đa Bảo liền nạt: Đi!

Sư sụp xuống lạy.

Đa Bảo dạy:

- Về sau người lại giống một kẻ điếc để tiếp người.

Bấy giờ Đô tướng Thành Hoàng Sư tên Nguyễn Tuân rất quý mến Sư, thỉnh Sư về trụ trì chùa Cảm Ứng, ở Tiêu Sơn, phủ Thiên Đức. Học chúng các nơi vân tập đông đảo, Sư có công lớn trong việc giáo hóa người.

Đến ngày mồng 3 tháng 3 năm Canh Dần nhằm niên hiệu Sùng Hưng Đại Bảo thứ ba đời Lý Thái Tông (1051), Sư gọi đồ chúng lại từ biệt và để kệ:

Xưa nay không xứ sở

Xứ sở là chân tông,

Chân tông như thế huyền

Huyền có là không không.
(Bản lai vô xứ sở
Xứ sở thị chân tông
Chân tông như thị huyền
Huyền hữu tức không không.)
Dạy kệ xong, Sư im lặng mà hóa.



Thiền Sư THIÊN LÃO

(Đời thứ 6, dòng Vô Ngôn Thông)

Không rõ tên họ và sanh quán Sư ở đâu. Chỉ biết Sư đến tham học với Thiền sư Đa Bảo ở chùa Kiến Sơ, thâm được tâm yếu. Sau, Sư tìm đến Từ Sơn cắm gậy ở đó, trụ trì chùa Trùng Minh trên núi Thiên Phúc huyện Tiên Du.

Thiền phong của Sư lan khắp, học giả theo học có trên ngàn người, cảnh chùa này trở thành một tùng lâm sung thịnh.

Khoảng niên hiệu Thông Thụy (1034-1038) vua Lý Thái Tông thường đến viếng chùa Sư. Vua hỏi Sư:

- Hòa thượng trụ núi này đã được bao lâu?

Sư đáp:-Chỉ biết ngày tháng này

Ai rành xuân thu trước.

(Đản tri kim nhật nguyệt

Thùy thức cựu xuân thu.)

Vua hỏi:- Hằng ngày Hòa thượng làm gì?

Sư đáp: - Trúc biếc hoa vàng đâu cảnh khác

Trắng trong mây bạc hiện toàn chân.

(Thúy trúc hoàng hoa phi ngoại cảnh

Bạch vân minh nguyệt lộ toàn chân.)

Vua lại hỏi:- Có ý chỉ gì?

Sư đáp:- Lời nhiều sau vô ích.

Vua hoát nhiên lãnh hội.

*

* *

Sau khi về cung, vua sai sứ đến chùa rước Sư vào triều làm cố vấn. Khi đến nơi, Sư đã viên tịch. Vua rất đổi mến tiếc, ngự chế thi và ai văn, sai Trung sứ đến cúng và tặng lễ, thu linh cốt xây tháp cúng dường. Tháp dựng tại cửa núi, vua lại cho trùng tu lại ngôi chùa Sư ở và đặt người hôm sớm lo hương hỏa.



Thiền Sư THẢO ĐƯỜNG

(Tổ khai sáng dòng thiền Thảo Đường ở Việt Nam)

Sư người Trung Hoa, là đệ tử của Thiền sư Trùng Hiễn ở Tuyết Đậu (Tuyết Đậu Trùng Hiễn) nhằm đời pháp thứ ba phái Vân Môn. Không rõ lý do gì, Sư sang ở Chiêm Thành.

Năm Kỷ Dậu (1069), vua Lý Thánh Tông đem binh sang đánh Chiêm Thành, bắt được Chế Củ là vua nước ấy cùng một số tù binh. Về triều, vua ban cho bá quan những tù binh để làm nô bộc. Sư cũng nằm trong tù binh ấy, và chính Sư lại rơi vào làm nô bộc cho một vị Tăng lục.

Một hôm vị Tăng lục đi khỏi, Sư thấy bản Ngữ lục để trên bàn có mấy chỗ sai, bèn tự ý sửa chữa lại. Vị Tăng lục đi về, xem thấy thế ngạc nhiên, hỏi ra mới biết Sư sửa. Ông đem việc ấy tâu lên vua Lý Thánh Tông. Vua đòi Sư vào triều, đem kinh luận và thiền hỏi Sư. Sư ứng đối rất lanh lẹ và xác đáng. Vua rất kính phục, truy nguyên ra mới biết tông tích của Sư.

Từ đó, vua Thánh Tông thường thưa hỏi Phật pháp nơi Sư và phong Sư chức Quốc sư, mời ở chùa Khai Quốc trong thành Thăng Long. Đồ chúng nghe tiếng tìm đến tham vấn rất đông. Do đây biến thành phái thiền thứ ba ở Việt Nam.

Đến 50 tuổi, Sư có chút bệnh ngồi kiết già thị tịch.

Phái thiền của Sư truyền xuống được năm đời, song ít thấy ghi chép lịch sử đầy đủ.



Thiền Sư VIÊN CHIẾU

(999 - 1090)-(Đời thứ 7, dòng Vô Ngôn Thông)

Sư họ Mai tên Trực, quê ở Phước Đường, Long Đàm, là con người anh bà Linh Cảm thái hậu vợ vua Lý Thái Tông. Thuở nhỏ Sư rất thông minh và hiếu học, nghe ở chùa Mật Nghiêm trong bản quận có vị trưởng lão giỏi về tướng số liền đến nhờ xem. Trưởng lão xem xong bảo:

- Người có duyên với Phật pháp, nếu xuất gia sẽ là vị thiện Bồ-tát, bằng không thì việc thọ yếu khó giữ.

Cảm ngộ lời đoán này, Sư từ giã cha mẹ đến ấp Tiêu Sơn thọ giáo với Trưởng lão Định Hương. Ở đây phục dịch nhiều năm để thâm nghiên thiền học. Sư thường trì kinh Viên Giác tinh thông pháp tam quán. Một đêm, trong thiền định, Sư thấy Bồ-tát Văn Thù cầm dao mổ bụng Sư, rửa ruột và trao cho diệu dược. Từ đây, những sở tập trong tâm rõ ràng khế hợp, sâu được ngôn ngữ tam-muội, giảng kinh thuyết pháp thao thao.

Về sau, Sư tìm đến phía tả kinh đô Thăng Long dựng một ngôi chùa để hiệu là Cát Tường và trụ trì ở đó. Học giả bốn phương tìm đến tham vấn rất đông.

Có vị tăng hỏi:- Phật với Thánh nghĩa ấy thế nào?

Sư đáp:- Trùng dương cúc nở dưới rào,
Trên cành oanh hót thanh tao dịu dàng.
(Ly hạ trùng dương cúc,
Chi đầu thực khí oanh.)

Tăng thưa:- Cảm tạ Thầy chỉ dạy, học nhân chẳng hội, xin lại nêu bày ra?

Sư đáp:- Ngày thì vầng nhật chiếu,
Đêm đến ánh trăng soi.
(Trú tắc kim ô chiếu,
Dạ lai ngọc thố minh.)

Tăng hỏi:- Đã được chân chỉ của Thầy, còn huyền cơ thì dạy thế nào?

Sư đáp:- Bưng thau nước đầy không chú ý,
Một lúc sẩy chân hối ích gì.
(Bất thận thủy bàn kinh mẫn khứ,
Nhất tao tha điệt hối hà chi.)

Tăng hỏi:- Tất cả chúng sanh từ đâu mà đến? Sau khi chết đi về đâu?

Sư đáp:- Rùa mù dùi vách đá,
Trạch què trèo núi cao.
(Manh qui xuyên thạch bích,
Ba miết thượng cao sơn.)

- Tâm và pháp cả hai đều quên, tánh tức chân; thế nào là chân?

Sư đáp:- Hoa núi mưa sa, thần nữ khóc,
Tre sân gió thổi, Bá Nha đàn.
(Vũ trích nham hoa thần nữ lệ,
Phong xao đình trúc Bá Nha cầm.)

*

* *

Sư có soạn “Dược Sư Thập Nhị Nguyệt Văn”, vua Lý Nhân Tông đưa bản thảo cho sứ thần sang Trung Hoa dâng vua Triết Tông nhà Tống. Vua Triết Tông trao cho các vị Cao tọa pháp sư ở chùa Tường Quốc xem. Xem xong, các Ngài tâu vua Tống rằng:

- Đây là nhục thân Bồ-tát ra đời ở phương Nam, giảng giải kinh nghĩa rất tinh vi, chúng tôi đâu dám thêm bớt chữ nào.

Vua Tống liền sắc sao lại một bản, bản chính trả lại cho vua ta. Sứ thần về kinh tâu lại, triều đình càng kính nể và khen thưởng Sư.

*
* *

Tháng 9 năm Quảng Hựu thứ sáu (1090) đời Lý Nhân Tông, Sư không bệnh gọi môn đồ vào dạy:

- Trong thân ta đây, xương lóng gân mạch, bốn đại hòa hợp, ắt phải vô thường. Ví như ngôi nhà khi hoại, nóc mái, xà ngang đều rơi rớt. Tạm biệt các người, hãy nghe ta nói kệ:

Thân như tường vách đã lung lay,
Đau đầu người đời luống xót thay.
Nếu đạt tâm không, không tướng sắc,
Sắc không ẩn hiện, mặc vẫn xoay.
(Thân như tường bích dĩ đời thì
Cử thế thông thông thực bất bi.
Nhược đạt tâm không vô sắc tướng
Sắc không ẩn hiển nhậm suy đi.)

Nói kệ xong, Sư ngồi ngay thẳng an nhiên thị tịch, thọ 92 tuổi, 56 tuổi hạ.

Tác phẩm gồm có:

- Tán Viên Giác Kinh.
- Thập Nhị Bồ-tát Hạnh Tu Chứng Đạo Tràng.
- Tham Đồ Hiển Quyết 1 quyển.
- Dược Sư Thập Nhị Nguyện Văn.



Phiên âm: THAM ĐỒ HIỂN QUYẾT

Nhất nhật, đường tiền tọa thứ, hốt hữu tăng vấn:

- Phật chi dữ Thánh, kỳ nghĩa vân hà?

Sư vân: Ly hạ trùng dương cúc,

Chi đầu thực khí oanh.

Tiến vân: Tạ! Học nhân bất hội, thỉnh tái chỉ thị.

Sư vân: Trú tắc kim ô chiếu,

Dạ lai ngọc thổ minh.

Tăng hựu vấn: Dĩ hoạch sư chân chỉ

Huyền cơ thị như hà?

Sư vân: Bất thận thủy bàn kinh mẫn khứ.

Nhất tao tha điệt hối hà chi!

Tiến vân: Tạ!

Sư chỉ vân: Mạc trạc giang ba nịch,

Thân lai khước tự trầm.

Tăng hựu vấn: Thiếu thất, Ma-kiệt tối huyền, tự cổ vu kim thù kế tương vi chủ?

Sư vân:U minh càn tượng nhân ô thổ,
Khuất khúc khôn duy vị Nhạc, Hoài.

Hựu vấn:Như hà thị đại đạo,
Căn nguyên nhất lộ hành?

Sư vân:Cao ngạn tạt phong tri kính thảo,
Bang gia bản đặng thức trung lương.

Hựu vấn:Nhất thiết chúng sanh tông hà nhi lai,
Bách niên chi hậu tông hà nhi khứ?

Sư vân:Manh qui xuyên thạch bích,
Bả miết thương cao sơn.

Hựu vấn: “Thanh thanh thúy trúc tận chân như.” Như hà thị chân như dụng?

Sư vân:Tặng quân thiên lý viễn,
Tiểu bả nhất âu trà.

Tiến vân:Nhậm ma tức “không lai hà ích”?

Sư vân:Thùy thức Đông A khứ,
Đồ trung tái bạch đầu.

Hựu vấn:Dã hiên nhất thâm hộ,
Thùy thức đặng nhàn xao?

Sư vân:Kim cốc tiêu sơ hoa thảo loạn,
Nhi kim hôn hiểu nhậm ngư dương.

Tiến vân:Vi thập ma như thử?

Sư vân:Phú quý kiêm kiêu thái,
Phiên linh bại thị lâu.

Hựu vấn: Long nữ hiến châu thành Phật quả,
Đàn na xả thí phúc như hà?

Sư vân:Vạn cổ nguyệt trung quế,
Phù sơ tại nhất luân.

Tiến vân:Nhậm ma tức lao nhi vô công?

Sư vân:Thiên thượng như huyền kính,
Nhân gian xứ xứ thông.

Hựu vấn:“Độ hà tu dụng phiệt,
Đáo ngạn bất tu thuyền.”

Bất độ thời như hà?

Sư vân:Hạc trì ngư tại lục,
Hoạch hoạt vạn niên xuân.

Tiến vân: Nhậm ma tức “tùy lưu thủy hoạch diệu lý”?
Sư vân: Kiến thuyết Kinh Kha liễu,
Nhất hành cánh bất hồi.
Hựu vấn: Kim khoáng hỗn giao nguyên nhất khí,
Thỉnh Sư phương tiện luyện tinh hình.
Sư vân: Bất thị Tề quân khách,
Na tri hải đại ngư?
Tiến vân: Quách quân nhược bất nạp
Gián ngữ diệc hề vi?
Sư vân: Nhược dục tiên đề ẩm,
Hữu vi xảo họa xà.
Hựu vấn: Xà tử ư lộ thỉnh Sư cứu hoạt.
Sư vân: Nhữ thị hà phương nhân?
Tăng viết: Bản lai sơn nhân.
Sư vân: Tốc hồi cự nham ẩn,
Mạc kiến Hứa Chân Quân.
Hựu vấn: Hải tạng thao thao ứng bất vấn,
Tào Khê trích trích thị như hà?
Sư vân: Phong tiền tùng hạ thê lương vận,
Vũ hậu đồ trung thiển trọc nê.
Tiến vân: Nhậm ma tức bất dị kim thời dã?
Sư vân: Ly hạ trùng dương cúc,
Chi đầu noãn nhật oanh.
Hựu vấn: Chiêu chiêu tâm mục chi gian,
Lãng lãng sắc thân chi nội.
Nhi lý bất khả phân, tướng bất khả đổ, vi thập ma bất đổ?
Sư vân: Uyển trung hoa lạn mạn,
Ngạn thượng thảo ly phi.
Tiến vân: Tuế hàn quần miêu lạc,
Hà dĩ khả tuyên dương.
Sư vân: Hỉ quân lai tự đạt,
Bất diệc thả hoan ngu.
Tiến vân: Hạnh văn kim nhật quyết
Tòng thử miễn hốt vô.
Sư vân: Thiển nịch tài đề xuất,
Hồi đầu vạn trượng đàm.
Hựu vấn: “Niết-bàn thành nội thượng do nguy.” Như hà thị bất nguy chi

xứ?

Sư vân:Doanh sào liêm mạc thượng,
Mấn phát vi thiều hành.
Tiến vân:Nhược tao thời bách cận,
Lưỡng xứ thị hà vi?
Sư vân:Trượng phu tùy phóng đấng,
Phong nguyệt thả tiêu dao.
Hựu vấn:“Nhất thiết chúng sanh
Giai ngôn thị Phật.”
Thử lý vị minh,
Thỉnh Sư thù thị.
Sư vân:Khuyến quân thả vụ nông tang khứ,
Mạc học tha nhân đãi thố lao.
Tiến vân:Hạnh môn Sư hiển quyết,
Chung bất hướng tha cầu.
Sư vân:Khả lân tao nhất yết,
Cơ tọa khước vong xan.
Hựu vấn:Kỷ niên đa tích nang trung bảo,
Kim nhật đương trường địch diện tiền.
Sư vân:Chỉ đãi trung thu nguyệt,
Khước tao vân vũ xâm.
Tiến vân:Tuy văn Sư ngữ thuyết,
Thử lý vị phân minh.
Sư vân:Tiểu tha đồ bảo trụ,
Nịch tử hướng trung lưu.
Hựu vấn: Như hà thị nhất pháp?
Sư vân:Bất kiến xuân sinh kiêm hạ trưởng,
Hựu phùng thu thực cập đông tàng.
Tiến vân:Nhậm ma tức thành Phật đa dã?
Sư vân:Tổ Long khu tự chỉ,
Từ Phúc viễn đồ lao.
Hựu vấn: “Kiến tánh thành Phật”, kỳ nghĩa như hà?
Sư vân:Khô mộc phùng xuân hoa cạnh phát,
Phong xuy thiên lý phức thần hương.
Tiến vân: Học nhân bất hội, nguyện Sư tái chỉ.
Sư vân:Vạn niên gia tử thụ,
Thương thúy tửng vân đoan.
Hựu vấn:Ma-ni dữ chúng sắc,
Bất hợp bất phân ly.

Sư vân: Xuân hoa dữ hồ điệp,
Cơ luyến cơ tương vi.
Tiến vân: Nhậm ma tức thù tha hỗn tạp?
Sư vân: Bất thị Hồ tăng nhân,
Đồ lao sính biện châu.
Hựu vấn: Như hà thị xúc mục bồ-đề?
Sư vân: Kỷ kinh khúc mộc điểu,
Tần xuy lãnh tê nhân.
Tiến vân: Học nhân bất hội, cánh thỉnh biệt dụ.
Sư vân: Tung nhân thính cầm hưởng,
Manh giả vọng thiêm thờ.
Hựu vấn: Bản tự hữu hình kiêm hữu ảnh,
Hữu thời ảnh dã ly hình phủ?
Sư vân: Chúng thủy triều Đông hê vạn phái tranh lưu,
Quần tinh củng Bắc hê thiên cổ qui tâm.
Hựu vấn: Như hà thị “nhất cú liễu nhiên siêu bách ức”?
Sư vân: Viễn hiệp Thái sơn siêu Bắc hải,
Ngưỡng phao trụ trượng nhập thiêm cung.
Hựu vấn: “Duy thử nhất sự thật,
Dư nhị tắc phi chân.”
Như hà thị chân?
Sư vân: Trượng đầu phong dị động,
Lộ thượng vũ thành nê.
Hựu vấn: “Bất hưởng Như Lai thi diệu tạng,
Bất cầu Tổ diệm tục đấng chi.”
Ý chỉ như hà?
Sư vân: Thu thiên đoàn thử lệ,
Tuyết cảnh mẫu đơn khai.
Hựu vấn: Như hà thị tối diệu chi cú?
Sư vân: Nhất nhân hưởng ngưng lập,
Mãn tọa ẩm vô hoan?
Hựu vấn: Cổ kim đại sự ưng vô vấn,
Đặc địa Tây lai ý nhược hà?
Sư vân: Xảo ngôn lệnh sắc giả,
Toản qui đả ngõa nhân.
Hựu vấn: “Tâm pháp song vong tính tức chân.” Như hà thị “chân”?
Sư vân: Vũ trích nham hoa thần nữ lệ,
Phong xao đình trúc Bá Nha cầm.

Hựu vấn: Như hà thị tối diệu chi cú?
Sư vân:Hầu lý do tồn ngành,
Thường cư bất khoái nhiên.
Hựu vấn: Hữu tu hữu chứng khai tứ bệnh,
Xuất đầu hà khả thoát trần lung.
Sư vân:Sơn cao cánh đại dung trần trử,
Hải khoái năng thâm nạp tế lưu.
Hựu vấn:“Duy Phật dữ Phật nãi tri tư sự.” Như hà thị “tư sự”?
Sư vân:Giáp kính sâm sâm trúc,
Phong xuy khúc tự thành.
Hựu vấn:Bất dụng bình thường, bất dụng thiên nhiên, bất dụng tác dụng
nhi kim tác thập ma?
Sư vân:Bồng thảo thê đê yển,
Thương minh ẩn cự lân.
Hựu vấn:Tứ đại đới lai do khoáng kiếp,
Thỉnh Sư phương tiện xuất luân hồi.
Sư vân:Cử thế súc đồ tê thị bảo,
Thực ư kinh cực ngọa ư nê.
Hựu vấn:“Chủng chủng thủ xả, giai thị luân hồi.” Bất thủ bất xả thời
như hà?
Sư vân:Tòng lai hồng hiện thù thường sắc,
Hữu diệp sâm si bất hữu hoa.
Hựu vấn: “Ngôn ngữ đạo đoạn” kỳ ý như hà?
Sư vân:Giốc hưởng tùy phong xuyên trúc đảo,
Sơn nham đới nguyệt quá tường lai.
Hựu vấn:“Chư Phật thuyết pháp giai thị hóa vật. Nhược ngộ bản ý, thị
danh xuất thế.” Như hà thị “bản ý”.
Sư vân:Xuân chức hoa như cấm,
Thu lai diệp tự hoàng.
Hựu vấn: Như hà thị “trực tiệt nhất lộ”?
Sư vân:Đông tây xa mã tẩu,
Trần thổ hiểu hôn phi.
Hựu vấn:Hữu pháp hữu tâm khai vọng thức,
Như hà tâm pháp đặng câu tiêu?
Sư vân:Khả đoạt từng sao trường uất uất,
Khởi ưu sương tuyết lạc phân phân.
Hựu vấn:Tổ ý dữ giáo ý như hà?
Sư vân:Hưng lai huê trượng du vân kính,

Khốn tức thù liêm ngọc trúc sàng.
Hựu vấn: Tổ tổ tương truyền, hợp truyền hà sự?
Sư vân:Cơ lai tu tâm thực,
Hàn tức hương cầu y.
Hựu vấn:Thế nhân giai nhảm ốc, Lậu nhân hà sở tại?
Sư vân:Kim ô kiêm ngọc thố,
Doanh trắc mạn lao phân.
Hựu vấn: Như hà thị Tào Khê nhất lộ?
Sư vân:Khả lân khắc chu khách,
Đáo xứ ý thông thông.



Dịch nghĩa:

BÀY RÕ BÍ QUYẾT CHO NGƯỜI THAM VẤN

Một hôm ngồi trước Tăng đường, có vị tăng hỏi:
- Phật và Thánh khác nhau thế nào?
Sư đáp:Trùng dương cục nở dưới rào,
Trên cành oanh hót thanh tao dịu dàng.
Tăng thưa: Cảm tạ Thầy chỉ dạy, học nhân chẳng hội, xin lại nêu bày ra.
Sư đáp:Ngày thì vắng nhật chiếu,
Đêm đến ánh trăng soi.
Tăng lại hỏi: Đã được chân chỉ của Thầy, còn huyền cơ thì dạy thế nào?
Sư đáp:Bưng thau nước đầy không chú ý
Một lúc sẩy chân hối ích gì?
Tăng thưa: Đa tạ!
Sư bảo:Chớ rửa sông to sóng,
Chính mình đến chết chìm.
Tăng hỏi: Thiếu Thất, Ma-khệt rất huyền diệu, từ xưa đến nay ai kế thừa
làm chủ?
Sư đáp:Trời tối, sáng soi nhờ nhật nguyệt,
Đất hiểm, phân ranh có núi sông.
Tăng hỏi:Thế nào là đại đạo,
Cội nguồn một lối đi?
Sư đáp:Gió mạnh bờ cao biết cở cứng,
Nước nhà lặn đận thấy tôi trung.
Hỏi: Tất cả chúng sanh từ đâu tới,
Sau khi trăm tuổi sẽ về đâu?
Đáp: Rùa mù dùi vách đá,

Tranh què trèo núi cao.

Hỏi: “Trúc biếc xanh xanh trợn là chân như”, thế nào là “dụng” của chân như?

Đáp: Tặng anh đi ngàn dặm,
Cười trao một ấm trà.

Lại thưa: Thế là uống công đến mà vô ích?

Đáp: Ai biết được người chủ (Đông A),
Trên đường lại bạc đầu.

Hỏi: Dã Hiên một nhà kín,
Ai biết gõ dễ dàng.

Đáp: Kim Cốc tiêu điều hoa cỏ loạn,
Mà nay sớm tối mặc ngựa dê.

Hỏi: Tại sao như thế?

Đáp: Giàu sang vẫn kiêu sa,
Khiến thành lầu chợ hoại.

Hỏi: Long nữ dâng châu thành Phật quả,
Đàn-na bố thí phước thế nào?

Đáp: Quế trong trắng muôn thuở,
Héo tươi tại một vâng.

Lại thưa: Thế là nhọc mà không công?

Đáp: Trên trời như treo gương,
Nhân gian nơi nơi tỏ.

Hỏi: Qua sông cần dùng bè,
Đến bờ thuyền bỏ lại.
Khi không qua thì thế nào?

Đáp: Hồ khô cá mắc cạn,
Sống được muôn năm xuân.

Lại thưa: Thế là theo dòng mới được diệu lý?

Đáp: Thấy nói bạn Kinh Kha,
Một đi không trở lại.

Hỏi: Quặng, vàng lẫn lộn nguyên một loại,
Thỉnh Thầy phương tiện luyện cho tinh.

Đáp: Chẳng phải khách nước Tề,
Đâu biết cá to biển.

Lại thưa: Ông Quách chẳng chịu nhận,
Can gián cũng làm gì?

Đáp: Nếu muốn trước uống rượu,
Khéo vẽ rắn làm gì?

Hỏi: Rắn chết trên đường xin Thầy cứu sống?

Sư bảo: Ông là người phương nào?

Tăng thưa: Vốn là người ở núi.

Sư bảo:Núi xưa về ẩn gấp,

Chớ thấy Hứa Chân Quân.

Hỏi: Biển cả mênh mông trọn chẳng hỏi,

Tào Khê giọt giọt là thế nào?

Đáp: Trước gió thông reo tiếng buồn bã,

Mưa tạnh trên đường ít bùn lầy.

Lại thưa: Thế là chẳng khác thời nay?

Đáp: Dưới giậu trùng dương cúc,

Đầu cành xuân ấm oanh.

Hỏi: Rõ ràng trong khoảng tâm mắt,

Sáng chói ở trong sắc thân,

Mà lý không thể phân, tướng không thể thấy, tại sao không thấy?

Đáp: Trong vườn hoa khoe sắc,

Trên bờ cỏ xanh rì.

Hỏi: Năm lạnh các mầm thối,

Lấy gì để khoe xinh.

Đáp: Mừng ông đã thấu suốt,

Cũng chẳng vui hay sao.

Tăng nói:Hân hạnh nghe Thầy giải,

Từ đây khỏi chột không.

Sư đáp:Chìm cạn vừa ra khỏi,

Quay đầu muôn trượng đầm.

Hỏi: “Trong thành Niết-bàn vẫn còn nguy”, thế nào là chỗ chẳng nguy?

Đáp: Xây tổ trên rèm cháy,

Râu tóc cọng hoa lau.

Hỏi: Nếu gặp khi bức bách,

Hai chỗ là làm gì?

Đáp: Trượng phu tùy thông thả,

Gió trắng mặc tiêu dao.

Hỏi: “Tất cả chúng sanh đều nói là Phật,”

Lý này chưa rõ xin Thầy chỉ dạy?

Đáp: Khuyên ông hãy gắng việc nông tang,

Chớ học theo người đợi thổ nhọc.

Tăng nói:Được nhờ Thầy chỉ rõ,

Trọn chẳng đến ai cầu.

Sư nói: Đáng thương người mắc ghen,
Ngồi đói lại quên ăn.
Tăng nói: Nhiều năm cất giấu báu trong đây,
Ngày nay trước mắt thấy rõ ràng.
Sư nói: Chỉ đợi trăng thu sáng,
Đâu ngờ mây mưa che.
Tăng nói: Tuy nghe Thầy thuyết giảng,
Lý này vẫn chưa rành.
Sư đáp: Cười kẻ luống ôm cột,
Chết đuối nằm giữa dòng.
Hỏi: Thế nào là một pháp?
Đáp: Chẳng thấy xuân sanh cùng hạ trưởng,
Lại gặp thu chín và đông thu.
Lại thưa: Thế là nhiều người thành Phật?
Đáp: Tổ Long chợt tự dừng,
Từ Phúc xa luống nhọc.
Hỏi: “Kiến tánh thành Phật”, nghĩa này thế nào?
Đáp: Cây khô gặp xuân hoa đua nở,
Gió thổi hương thần thơm rất xa.
Tăng nói: Đệ tử chưa hiểu, xin Thầy chỉ lại.
Sư đáp: Muôn năm cây cà ấy,
Xanh tươi thối từng mây.
Hỏi: Ma-ni cùng các sắc,
Chẳng hợp cũng chẳng lia?
Đáp: Hoa xuân cùng bướm bướm,
Lúc mến lúc chia lia.
Hỏi: Thế là theo kia hỗn tạp?
Đáp: Chẳng phải mắt tăng Ấn,
Luống nhọc trình biện châu.
Hỏi: Thế nào là chạm mắt Bồ-đề?
Đáp: Chim từng sợ cây cong,
Người thối mãi rau nguội.
Hỏi: Đệ tử chẳng hiểu, xin Thầy cho dụ khác.
Đáp: Kẻ điếc nghe đàn sáo,
Người mù ngắm trăng lên.
Hỏi: Vốn tự có hình cùng có bóng,
Có khi bóng cũng lia hình chẳng?
Đáp: Các sông về Đông chừ muôn dòng tranh chảy.

Chúng sao châu Bắc chừ ngàn xưa về tâm.

Hỏi: Thế nào là một câu sáng tỏ siêu trăm ức?

Đáp: Xa ném Thái Sơn qua biển Bắc,
Ngược tung cây gậy đến cung trăng.

Hỏi: Chỉ một việc này là thực, còn hai ắt chẳng chân, thế nào là chân?

Đáp: Đầu gậy gió dễ động,
Trên đường mưa thành lầy.

Hỏi: “Chẳng hương Như Lai cầu diệu tạng,
Không mong được Tổ nối ngọn đèn.”
Ý chỉ câu này thế nào?

Đáp: Trời thu hoàng oanh hót,
Trong tuyết mẫu đơn xinh.

Hỏi: Thế nào là câu tuyệt diệu?

Đáp: Một người xây vách đứng,
Cả nhà uống chẳng vui.

Hỏi: Cổ kim việc lớn thôi không hỏi,
Chỉ chuyện Tây lai ý thế nào?

Đáp: Người nói khéo mặt lạnh,
Kẻ dùi rùa đập ngói.

Hỏi: “Tâm pháp đều quên, tánh tức chân”, thế nào là chân?

Đáp: Hoa núi mưa sa, Thần nữ khóc,
Tre sân gió thổi, Bá Nha đàn.

Hỏi: Thế nào là câu tuyệt diệu?

Đáp: Trong cổ vẫn còn nghẹn,
Thường ở chỗ bất an.

Hỏi: Còn tu còn chứng sanh bốn bệnh,
Xuất đầu sao được thoát lồng trần?

Đáp: Núi cao lại lớn dung chứa bụi,
Bể cả càng sâu nhận các dòng.

Hỏi: “Chỉ Phật với Phật mới biết việc này”, thế nào là việc này?

Đáp: Đường hẹp trúc um tùm,
Gió thổi thành khúc nhạc.

Hỏi: Chẳng dùng bình thường, chẳng dùng thiên nhiên, chẳng dùng tác dụng, thì nay phải làm sao?

Đáp: Cỏ bông chim én đậu,
Biển cả nấu cá kình.

Hỏi: Tứ đại đeo mang đã nhiều kiếp,
Thỉnh Thầy phương tiện thoát luân hồi?

Đáp: Tất cả súc sanh tê giác quý,
Ăn toàn gai góc, ngủ trong bùn.

Hỏi: “Các thứ thú xả đều là luân hồi”, khi không thú không xả thì sao?

Đáp: Xưa nay sam tía sắc thường khác,
So le cành lá chẳng có hoa.

Hỏi: “Đường ngôn ngữ dứt” là ý thế nào?

Đáp: Gió thổi tiếng còi xuyên trúc đến,
Đầu non mang nguyệt vượt tường sang.

Hỏi: “Chư Phật thuyết pháp đều nhằm giáo hóa mọi người, nếu ngộ bản ý gọi là xuất thế”, sao gọi là bản ý?

Đáp: Xuân dệt hoa như gấm,
Thu sang lá tợ vàng.

Hỏi: Thế nào là một đường thẳng dứt?

Đáp: Đông Tây xe ngựa chạy,
Sớm tối bụi mù bay.

Hỏi: Có pháp, có tâm mở vọng thức,
Làm sao tâm pháp thấy tiêu vong?

Đáp: Vượt được từng cao che rợp rợp,
Đâu lo sương tuyết rớt bởi bởi.

Hỏi: Ý Tổ cùng ý kinh thế nào?

Đáp: Hứng lên xách gậy chơi đường núi,
Nhọc tức xổ rèm nằm chõng tre.

Hỏi: Tổ Tổ truyền nhau là truyền việc gì?

Đáp: Đói đến cần tìm ăn,
Lạnh về phải mặc áo.

Hỏi: Người đời đều thuê nhà,
Nhà dột ở chỗ nào?

Đáp: Quạ vàng cùng thỏ bạc,
Đầy vơi chớ bận lòng.

Hỏi: Thế nào là một con đường Tào Khê?

Đáp: Đáng thương kẻ khắc thuyền.
Đến chốn ý lãng xăng.



Thiền Sư CỨU CHỈ

(Đời thứ 7, dòng Vô Ngôn Thông)

Sư họ Đàm, quê ở làng Phù Đàm, phủ Chu Minh. Thuở nhỏ Sư rất ham học, đọc suốt các sách Tam giáo. Một hôm, Sư tự than :

“Khổng và Mặc câu chấp về lẽ có, Lão và Trang đấm đui về lẽ không, những sách thế tục chẳng phải phương pháp giải thoát. Chỉ có Phật giáo chẳng kể có hay không, có thể liễu thoát sanh tử, nhưng phải siêng năng tu trì giữ giới thanh tịnh và tìm thiện tri thức ấn chứng mới được.”

Nhân đó Sư xả tục xuất gia, tìm đến Ấp Sơn, chùa Cảm Ứng xin làm đệ tử Trưởng Lão Định Hương.

Giờ tham thỉnh, Sư hỏi:- Thế nào là nghĩa cứu cánh ?

Trưởng Lão im lặng giây lâu, hỏi lại Sư:- Hiểu chưa ?

Sư thưa:- Chưa hiểu.

Trưởng Lão bảo:- Ta đã cho người nghĩa cứu cánh.

Sư suy nghĩ.

Trưởng Lão bảo:- Lắm qua rồi!

Ngay câu nói này, Sư thấu triệt ý chỉ. Nhân đó Trưởng Lão đặt tên Sư là Cứu Chỉ.

*

* *

Sau, Sư lên chùa Quang Minh, núi Tiên Du (Bắc Ninh) ở luôn trong đó chuyên tu hạnh Đầu-đà, trọn năm không bước chân xuống núi. Tiếng đồn tới kinh đô, vua Lý Thái Tông cho mời mấy phen mà Sư không đến. Đích thân vua ba lần đến chùa Sư thưa hỏi. Thái sư Lương Văn Nhậm rất kính trọng Sư.

*

Khoảng niên hiệu Long Thụy Thái Bình (1054-1059), Tế tướng Dương Đạo Gia lập chùa Diên Linh trên núi Long Đội, Yên Lãng thỉnh Sư trụ trì. Cố từ chối mà không được, Sư đành hạ sơn. Ngày ra đi, Sư nói: “Ta chẳng trở lại đây nữa.” Cầm thú trong núi kêu buồn suốt ba tuần mà chưa dứt.

*

* *

Trụ trì chùa Diên Linh được ba năm, khoảng niên hiệu Chương Thánh Gia Khánh (1059-1065), Sư sắp tịch, bèn gọi môn đồ đến dạy:

- Phàm tất cả các pháp môn vốn từ tánh của các người, tánh tất cả các pháp vốn từ tâm của các người. Tâm pháp nhất như, vốn không hai pháp. Phiền não trời buộc, tất cả đều không. Tội phước phải quấy, tất cả đều huyễn. Không cái nào chẳng phải quả, chẳng phải nhân. Không nên ở trong nghiệp mà phân biệt báo, không nên ở trong báo mà phân biệt nghiệp, nếu có phân biệt thì chẳng tự tại. Tuy thấy tất cả pháp mà không có chỗ thấy, tuy biết tất cả pháp mà không có chỗ biết. Biết tất cả pháp lấy nhân duyên làm gốc. Thấy tất cả pháp lấy chánh chân làm tông. Tuy chuyên nơi thật tế mà rõ thế gian đều như biến hóa. Rõ thấu chúng sanh chỉ là một pháp, không có hai pháp. Chẳng rời

cảnh nghiệp mà phương tiện khéo léo, ở trong cõi hữu vi hiện bày pháp hữu vi mà không phân biệt. Tướng vô vi là do hết dục, dứt ngã, quên niệm mà nhận lấy vậy.

Sư nói kệ:

Giác ngộ thân tâm vốn lặng yên,
Thần thông các tướng biến hiện tiền.
Hữu vi vô vi từ đây có,
Thế giới hà sa không thể lường.
Tuy nhiên đầy khắp cõi hư không,
Mỗi mỗi xem ra chẳng tướng hình.
Muôn đời ngàn đời nào sánh được,
Chốn chốn nơi nơi thường rạng ngời.
(Giác liễu thân tâm bản ngưng tịch
Thần thông biến hóa hiện chư tướng
Hữu vi vô vi từng thử xuất
Hà sa thế giới bất khả lường.
Tuy nhiên biến mãn hư không giới
Nhất nhất quan lai một hình trạng.
Thiên cổ vạn cổ nan tử hướng
Giới giới xứ xứ thường lăng lăng.)

Nói xong, Sư ngồi yên thị tịch.



Thiền Sư ĐẠO HẠNH

(? - 1115)-(Đời thứ 12, dòng Tỳ-ni-đa-lưu-chi)

Sư tục danh là Từ Lộ, con viên Tăng quan Đô Án Từ Vinh. Thuở nhỏ, Từ Vinh trọ học ở làng Yên Lãng, lấy người con gái họ Tăng, bèn theo quê quán bên vợ. Bà Tăng sanh ra Sư.

Sư tánh tình hào hiệp và có chí lớn. Thường làm bạn với nho giả tên Phí Sinh, đạo sĩ tên Lê Toàn Nghĩa và một phường chèo tên Vi Ất. Ban đêm, Sư cần cù đọc sách, ban ngày lại thổi sáo, đá cầu, đánh cờ vui chơi. Thân phụ thấy thế thường quở mắng về tội biếng nhác.

Một đêm, ông vào phòng dò xét thấy ngọn đèn đã tàn, sách vở chất đầy bên cạnh, Sư thì tựa án ngủ say, trong tay còn cầm quyển sách, tàn đèn rơi đầy cả mặt bàn. Ông mới biết con chăm lo học, chẳng còn lo lăng nữa.

Sau, Sư thi đỗ Tăng quan, do nhà vua tổ chức.

*

* *

Từ Vinh có sự trái ý với Diên Thành Hầu, Hầu nhờ pháp sư Đại Diên đánh chết. Sư muốn trả thù cho cha, định sang Ấn Độ học thuật linh dị để giết Đại Diên. Nhưng khi đi tới xứ mọi răng vàng, vì thấy đường sá hiểm trở, Sư đành trở về. Sư vào ẩn trong hang đá Từ Sơn chuyên trì Đại bi tâm Đà-la-ni. Thời gian sau, Sư thấy đủ khả năng trả thù cha, bèn tìm đến Đại Diên đánh ông ta mang bệnh rồi chết.

Từ đây, oan nghiệp xưa sạch như tuyết tan, các việc đời lặng như tro lạnh, Sư trải khắp từng lâm tìm học pháp thiền.

*

* *

Nghe Kiều Trí Huyền hóa đạo ở Thái Bình, Sư thân đến tham vấn. Sư nói kệ hỏi về chân tâm:

Lấn lộn phàm trần chưa hiểu vàng
Chẳng biết nơi nào phải chân tâm?
Cúi mong chỉ thẳng bày phương tiện
Thấy rõ như như hết khổ tâm.
(Cửu hỗn phàm trần vị thức tâm (kim)
Bất tri hà xứ thị chân tâm?
Nguyện thù chỉ đích khai phương tiện
Liễu kiến như như đoạn khổ tâm.)

Trí Huyền đáp:

Trong ngọc ẩn thanh diễn diệu âm,
Nơi kia đầy mắt bày thiền tâm.
Hà sa cảnh là Bồ-đề cảnh,
Nghĩ đến Bồ-đề cách vạn tâm.
(Ngọc lý bí thanh diễn diệu âm
Cá trung mãn mục lộ thiền tâm.
Hà sa cảnh thị Bồ-đề cảnh,
Nghĩ hưởng Bồ-đề cách vạn tâm.)

Sư vẫn mờ mịt chẳng hiểu, lại tìm đến pháp hội của Thiền sư Sùng Phạm ở chùa Pháp Vân. Đến đây, Sư cũng lặp lại câu hỏi:

- Thế nào là chân tâm ?

Sùng Phạm đáp: - Cái gì chẳng phải chân tâm ?

Sư hoát nhiên nhận được. Lại hỏi: - Làm sao gìn giữ ?

Sùng Phạm bảo: - Đói ăn, khát uống.

Sư liền lễ bái rồi lui.

Sau, Sư trụ trì chùa Thiên Phúc ở núi Phật Tích, (Chùa Thiên Phúc cũng gọi là chùa Thầy ở núi Phật Tích, nay là núi Sài Sơn, huyện Quốc Oai, tỉnh Hà

Tây. Nơi sanh Thiền sư Đạo Hạnh có lập chùa Chiêu Thiền cũng gọi là chùa Láng để thờ Ngài. Chùa Láng ở làng Yên Lãng, huyện Từ Liêm, kinh thành Thăng Long, hiện nay là phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội. Ca dao có câu: Nhớ ngày mồng bảy tháng ba, Trở về chùa Láng, trở ra hội Thầy.) tăng chúng tìm đến tham vấn. Có vị tăng hỏi:

- Đi đứng nằm ngồi thấy đều Phật tâm, thế nào là Phật tâm ?

Sư nói kệ đáp:

Có thì muôn sự có,
Không thì tất cả không.
Có, không trắng đáy nước,
Đừng mắc có cùng không.
(Tác hữu trần sa hữu,
Vi không nhất thiết không.
Hữu không như thủy nguyệt,
Vật trước hữu không không.)

Sư lại tiếp:

Nhật nguyệt tại non đầu
Người người tự mất châu.
Kẻ giàu sẵn ngựa mạnh
Bộ hành chẳng ngồi xe.
(Nhật nguyệt tại nham đầu,
Nhân nhân tận thất châu.
Phú nhân hữu câu tử
Bộ hành bất kỵ câu.)

Sư sắp tịch, tắm rửa sạch sẽ, thay đổi y phục, gọi các môn đồ đến dạy:

- Túc nhân của ta chưa hết phải còn sanh lại thế gian này tạm làm vị quốc vương. Sau khi mạng chung ta lại sanh lên cõi trời thứ ba mươi ba làm Thiên chủ. Nếu thấy thân ta bị hư hoại thì ta mới thật vào Niết-bàn, chẳng còn trụ trong vòng sinh diệt này nữa.

Môn đồ nghe lời dạy này ai nấy đều buồn thảm rơi lệ. Sư nói kệ dạy:

Thu về chẳng hẹn nhận cùng bay,
Cười lạt người đời lống xót vay.
Thôi! Hỡi môn nhân đừng lưu luyến,
Thầy xưa mấy lượt hóa Thầy nay.
(Thu lai bất báo nhận lai qui,
Lãnh tiểu nhân gian tạm phát bi.
Vị báo môn nhân hưu luyến trước,
Cổ sư kỷ độ tác kim Sư.)

Nói xong, Sư an nhiên mà hóa, mãi đến sau này thân xác vẫn còn [Đến năm Vĩnh Lạc nhà Minh, bị người Minh đốt cháy. Người làng ấy đắp tượng để thờ như cũ, hiện nay hãy còn (Theo Đại Việt Sử Ký Toàn Thư)]



Thiền Sư BẢO TÁNH và Thiền Sư MINH TÂM

(? - 1034)-(Đời thứ 7, dòng Vô Ngôn Thông)

Hai Sư quê ở Chu Minh, Bảo Tánh họ Nghiêm, Minh Tâm họ Phạm. Cùng xuất gia thuở nhỏ đồng làm bạn chí thân với nhau. Hai vị cùng với Thiền sư Viên Chiếu đồng thờ Trưởng lão Định Hương và sâu được cốt tủy của Thiền.

Về sau, mỗi người mang tâm ấn tùy phương giáo hóa, đều là hàng tuấn kiệt trong từng lâm. Riêng hai Sư cùng trụ tại chùa Cảm Ứng ở Sơn Ấp, phủ Thiên Đức, chuyên trì tụng kinh Pháp Hoa, trải 15 năm chưa khi nào thiếu sót. Mỗi khi hai vị tụng đến phẩm Dược Vương thầy đều rơi nước mắt, bảo nhau:

- Nhân địa của Bồ-tát đã nhiều huân tu, đối với tâm Đại thừa vẫn hay phát đại đồng mãnh tinh tiến chẳng tiếc thân mạng. Huống là chúng ta ở trong đời Mạt pháp, là người sơ phát tâm, nếu không có lòng chí thành như thế, thì đối với Đại Bồ-đề tâm chân đại thừa, làm sao có thể trông mong ?

Tháng 4 niên hiệu Thiên Thành thứ bảy (1034), hai Sư muốn thiêu thân, vua Thái Tông được tin, cho sứ thỉnh về triều, lập hội giảng kinh. Giảng kinh xong, hai Sư đồng nhập hỏa quang tam-muội, hài cốt còn lại đều thành bảy báu. Vua ra chiếu lưu hài cốt để ở chùa Trường Thánh cúng dường. Do có sự linh dị, vua Thái Tông đổi niên hiệu là Thông Thụy, xây chùa tháp.



Thiền Sư QUẢNG TRÍ

(Đời thứ 7, dòng Vô Ngôn Thông)

Sư họ Nhan, người ở kinh đô, là anh của Hoàng phi Chương Phụng, vốn người không ưa cái đẹp xa xỉ bên ngoài, chỉ thích giữ khí tiết thanh cao của mình. Năm đầu niên hiệu Chương Thánh Gia Khánh (1059), Sư từ bỏ thế tục, đến tham vấn với Thiền Lão Thiền Sư ở Tiên Du. Ngay một câu nói của thầy, Sư nhận được yếu chỉ. Từ đó, năm tháng miệt mài. Sư dốc hết ý chí vào thiền học, chưa bao lâu tiếng tăm vang xa khắp nơi.

Về sau, Sư trụ chùa Quán Đỉnh núi Không Lộ, thường mang một y nạp, ăn uống rất đạm bạc. Sư cùng tăng Minh Huệ kết bạn đồng tu. Người đời cho là “Hàn Sơn, Thập Đắc tái thế”. Công bộ Thượng thư Đoàn Văn Khâm rất kính trọng Sư, có làm thơ tặng:

Chống gậy non cao bỏ sáu trần,

Ở yên huyệt mộng hỏi phù vân.
Ân cần không cách tham Trùng, Thập
Trót vờng bầy cò lớp mũ cân.
(Quả tích nguy phong bãi lục trần,
Mặc cứ huyệt mộng vấn phù vân.
Ân cần vô kế tham Trùng, Thập
Sách bán trâm anh tại lộ quần.)

Khoảng niên hiệu Quảng Hựu (1085-1091) đời Lý Nhân Tông, Sư qui tịch. Đoàn Văn Khâm thương tiếc làm lời văn điệu rằng:

Lánh chợ vào rừng tóc bạc phơ,
Non cao rữ áo ngát hương thừa,
Chùn khăn những muốn hầu bên chiếu,
Treo dép đà nghe khéps cửa chùa.
Trăng dọi sân trai chim khắc khoái,
Tháp không bia chữ, mộ thờ ơ,
Bạn thiền thôi cũng đừng thương xót!
Non nước ngoài am đó dáng xưa. (Ngô Tất Tố)
(Lâm man bạch thủ độn kinh thành
Phất tụ cao sơn viễn cánh hình.
Kỷ nguyện tịnh trung xu trượng tịch,
Hốt văn di lý yểm thiền quynh.
Trai đình u điệu không đề nguyệt,
Cơ tháp thù nhân vi tác minh,
Đạo lữ bất tu thương vỹn biệt,
Viện tiền sơn thủy thị chân hình.)



Thiền Sư THUẬN CHÂN

(? - 1101)-(Đời thứ 12, dòng Tỳ-ni-đa-lưu-chi)

Sư họ Đào, quê làng Cửu Ông, huyện Tế Giang. Thuở nhỏ Sư bác thông kinh sử. Lớn lên Sư gặp Thiền sư Pháp Bảo ở chùa Quang Tịnh, qua một câu nói, liền nhận được yếu chỉ. Bấy giờ, tất cả sở học Sư đều buông bỏ.

Chẳng bao lâu, Sư mở tung được cánh cửa áo diêu, tia sáng đá lửa xuất hiện. Từ đó, Sư đến trụ trì chùa Hoa Quang, làng Tây Kết, Thượng Nghi. Tùy người đến thưa hỏi, Sư phát huy tông chỉ, dẫn dắt những kẻ mờ tối.

Ngày 7 tháng 2 nhằm năm đầu niên hiệu Long Phù đời Lý Nhân Tông (1101), Sư báo tin sắp tịch. Có đệ tử là Bồn Tịch vào thất thưa hỏi thêm, Sư nói kệ dạy:

Chân tánh thường không tánh,
Đâu từng có sanh diệt.
Thân là pháp sanh diệt,
Pháp tánh chưa từng diệt.
(Chân tánh thường vô tánh
Hà tăng hữu sanh diệt
Thân thị sanh diệt pháp
Pháp tánh vị tăng diệt.)

Nói xong, Sư tịch. Phụ quốc Thái bảo là Cao Công trông nom việc hỏa thiêu và dựng tháp.



Thiền Sư TRÌ BÁT

(1049 - 1117)-(Đời thứ 12, dòng Tỳ-ni-đa-lưu-chi)

Sư họ Vạn, quê ở Luy Lâu, tuổi trẻ mà tâm mộ Phật pháp rất thiết tha. Đến độ 20 tuổi, Sư theo Thiền sư Sùng Phạm ở chùa Pháp Vân xin xuất gia và thọ giới cụ túc.

Thiền sư Sùng Phạm thấy Sư siêng năng tu học, đức hạnh hoàn bị, làm việc rất cẩn thận, thâm ẩn chứng và ban đạo hiệu là Trì Bát.

Sau khi Sùng Phạm tịch, Sư dạo khắp các thiền tịch, tham yết các vị tôn túc, và đến trụ trì chùa Tổ Phong ở núi Thạch Thất, làng Đại Cầu, Tân Trại để giảng cứu. Tướng quốc Lý Thường Kiệt là một thí chủ của Sư. Những tài vật tín thí cung cấp, Sư đều để hết vào Phật sự trùng tu các ngôi chùa: Pháp Vân, Thiền Cư, Thê Tâm, Quảng An... để báo đáp phần nào công ân pháp nhũ.

Niên hiệu Hội Tường Đại Khánh thứ tám (1117) đời Lý Nhân Tông, ngày 18 tháng 2, Sư gọi đồ chúng đến nói bài kệ thị tịch:

Có tử ắt có sanh,
Có sanh ắt có tử.
Chết là người đời buồn,
Sanh là người đời vui.
Buồn, vui hai không cùng
Chợt vậy thành kia đây.
Đổi sanh tử chẳng để lòng,
Án tố rô tố rô tất rị.
(Hữu tử tất hữu sanh
Hữu sanh tất hữu tử
Tử vi thế sở bi
Sanh vi thế sở hỷ

Bi hỉ lưỡng vô cùng
Hốt nhiên thành bỉ thử
Ư chư sanh tử bất quan hoài
Án tố rô tố rô tất rị.)

Nói kệ xong, Sư ngồi ngay thẳng mà đi, thọ 69 tuổi. Đệ tử là Thiền sư Tịnh Hạnh, Pháp Nhãn... làm lễ hỏa táng thu xá-lợi xây tháp cúng dường.



Thiền Sư HUỆ SINH

(? - 1063)-(Đời thứ 13, dòng Tỳ-ni-đa-lưu-chi)

Sư họ Lâm tên Khu quê làng Đông Phù Liệt, dòng dõi Lâm Phú ở Trà Sơn, Vũ An. Cha Sư tên Khoáng kết duyên với con gái nhà họ Quách, vì theo quê vợ nên lập nghiệp ở làng Phù Liệt. Sư có hai anh em, người anh cả làm quan đến chức Thượng Thư Binh Bộ Viên Ngoại Lang và Sư.

Sư tướng mạo khôi ngô biện luận lưu loát, lại nổi tiếng văn hay, chữ tốt, vẽ khéo. Ngoài giờ học Nho, Sư nghiên cứu sách Phật, chư kinh bách luận không bộ nào chẳng qua mắt Sư. Mỗi khi luận đến chỗ cốt yếu của Phật pháp, Sư thường than thở rơi nước mắt.

Năm 19 tuổi, Sư xả tục xuất gia cùng Sư Pháp Thông ở Hạc Lâm thờ Thiền sư Định Huệ ở chùa Quang Hưng làm thầy. Từ đây, huyền học càng ngày càng tiến. Định Huệ an ủi và ấn chứng cho Sư.

Sau đó, Sư lê gót khắp từng lâm tham vấn đầy đủ yếu chỉ Thiền. Rồi trụ ở Trà Sơn, ngọn núi Bồ-đề. Mỗi lần Sư vào Thiền định ít ra cũng năm ngày. Thời nơn gọi Sư là nhục thân Đại sĩ.

Vua Lý Thái Tông (1028-1054) nghe danh Sư, sai sứ đến mời về kinh.

Sư bảo sứ rằng:

- Ông không thấy con vật đem tế lễ sao? Khi chưa tế thì người ta cho nó ăn cỏ thơm, mặc áo gấm, đến khi dẫn vào Thái miếu thì chỉ xin một chút sống cũng không được, huống là việc gì !

Nói xong, Sư từ chối không đi. Sau vì nhà vua cố ép bắt đắc dĩ Sư phải đến cửa khuyết. Sau khi đàm đạo với Sư, vua rất kính phục, phong chức Nội Cung Phụng Tăng và sắc Trụ trì tại chùa Vạn Tuế gần thành Thăng Long.

Một hôm, nhân lễ trai tăng trong Đại nội, vua hỏi:

- Trẫm nghĩ nguồn tâm của Phật Tổ, học giả các nơi tranh cãi nhau mãi. Vậy xin các bậc thượng đức ở đây, mỗi vị tự thuật chỗ thấy của mình, để trẫm rõ cách dụng tâm của các Ngài thế nào ?

Sư ứng thỉnh đọc kệ:

Pháp gốc như không pháp,

Chẳng có cũng chẳng không.
Nếu người biết pháp ấy,
Chúng sanh cùng Phật đồng.
Trăng Lãng-già vắng lặng
Thuyền Bát-nhã rộng không.
Biết không, không giác có
Chánh định mặc thong dong.
(Pháp bản như vô pháp
Phi hữu diệt phi vô
Nhược nhân tri thử pháp
Chúng sanh dữ Phật đồng.
Tịch tịch Lãng-già nguyệt
Không không độ hải chu.
Tri không, không giác hữu
Tam-muội nhậm thông châu.)

Vua nghe qua càng mến phục, phong Sư chức Đô Tăng Lục.

Bấy giờ, các vương công như: Phụng Càn Vương, Uy Vũ, Hỉ Từ, Thiện Huệ Chiêu Khánh, thái tử Hiến Minh, Thượng tướng Vương Công Tại, Thái sư Lương Văn Nhậm, Thái bảo Đào Xử Trung, Tham chánh Kiều Bồng v.v... đều tới lui thưa hỏi đạo lý với Sư.

Đến đời vua Lý Thánh Tông (1054-1072), lại thăng Sư chức Tả Nhai Đô Tăng Thống, ngang với tước Hầu.

Niên hiệu Chương Thánh Gia Khánh thứ năm (1063), Sư sắp tịch, liền họp chúng nói kệ:

Nước lửa ngày hỏi nhau,
Nguyên do chưa thể bàn.
Đáp anh không nơi chốn,
Tam tam lại tam tam.
Xưa nay kẻ tham học,
Người người chỉ vì Nam.
Nếu người hỏi việc mới,
Việc mới, ngày mừng ba.
(Thủy hỏa nhật tương tham
Do lai vị khả đàm.
Báo quân vô xứ sở
Tam tam hựu tam tam.
Tự cổ lai tham học
Nhân nhân chỉ vị Nam.)

Nhược nhân vấn tân sự
Tân sự, nguyệt sơ tam.)

Nói xong, Sư tắm gội, thắp hương, vào giữa đêm lặng lẽ viên tịch.

Sư có soạn văn bia các chùa: Thiên Phúc, Thiên Thánh, Khai Quốc ở Tiên Du; Diệu Nghiêm, Báo Đức v.v. ở Vũ Ninh. Các tác phẩm: Pháp Sự Trai Nghi, Chư Đạo Tràng Khánh Tán Văn... vẫn còn lưu hành.



Thiền Sư NGỘ ẮN

(1019 - 1088)-(Đời thứ 8, dòng Vô Ngôn Thông)

Sư họ Đàm, tên Khí, quê ở Tư Lý làng Kim Bài. Theo truyền thuyết, mẹ Sư họ Cù, khi chưa lấy chồng nhà bà ở gần khu rừng cạnh làng. Một hôm, bà đang dệt vải ở trong nhà, bỗng có một con khỉ lớn vào ôm sau lưng bà trọn cả ngày rồi mới đi. Sau đó, biết có thai. Khi bà sanh được một đứa con trai, bà ghét lắm đem bỏ trong rừng. Trong làng có một nhà sư họ Đàm, người Chiêm Thành, lượm đem về nuôi đặt tên là Khí.

Năm Sư lên mười, nhà sư Chiêm Thành cho Sư theo học Nho, học vấn càng ngày càng tiến. Sư thông cả hai thứ chữ Hán và Phạn. Năm 19 tuổi, Sư xuất gia thọ giới cụ túc, chuyên học hai bộ kinh Viên Giác và Pháp Hoa, nghĩa lý thông suốt. Sư theo học thiền với Thiền sư Quảng Trí ở chùa Quán Đỉnh và được Quảng Trí truyền tâm ấn.

Sau, Sư đi vào Ninh Sơn phủ Thiên Ứng kết cỏ làm am tranh ở tu (sau thành chùa hiệu là Long Ân), lấy hiệu là Ngộ Ắn.

Có vị tăng đến hỏi: - Thế nào là đại đạo ?

Sư đáp:- Là đường cái.

- Con hỏi đại đạo, Hòa thượng đáp đường cái, chưa biết bao giờ đạt được đại đạo ?

- Con mèo chưa biết bắt chuột.

- Con mèo có Phật tánh chăng ?

- Không.

- Hòa thượng có Phật tánh chăng ?

- Không.

- Tất cả chúng hàm linh đều có Phật tánh, vì sao riêng Hòa thượng không có ?

- Vì ta chẳng phải hàm linh.

- Đã chẳng phải hàm linh tức là Phật chăng ?

- Ta chẳng phải Phật, cũng chẳng phải hàm linh.

*

* *

Có người đến hỏi:- Thế nào là Phật, Pháp và Thiền ?

Sư đáp:

- Đấng Pháp Vương Vô Thượng, ở thân là Phật, ở miệng là Pháp, ở tâm là Thiền. Tuy có ba thứ, kỳ thật là một. Ví như nước ba con sông, tùy chỗ đặt tên tuy chẳng đồng, mà tánh nước không khác.

*

* *

Niên hiệu Quảng Hựu thứ tư (1088), ngày 14 tháng 6, sắp thị tịch Sư nói bài kệ:

Diệu tánh rỗng không chẳng thể vin,
Rỗng không tâm ngộ việc dễ tin.
Tươi nhuận sắc ngọc trong núi cháy,
Lò lửa hoa sen nở thật xinh.
(Diệu tánh hư vô bất khả phân,
Hư vô tâm ngộ đắc hà nan.
Ngọc phần sơn thượng sắc thường nhuận,
Liên phát lô trung thấp vị càn.)

Nói kệ xong, Sư vui vẻ thị tịch, thọ 69 tuổi, môn nhân để tâm tang ba năm.



Thiền Sư MÃN GIÁC

(1052 - 1096)-(Đời thứ 8, dòng Vô Ngôn Thông)

Sư họ Nguyễn tên Trường, quê ở Lũng Chiền làng An Cách. Thân phụ là Hoài Tố làm chức Trung Thợ Viên Ngoại Lang.

Lúc vua Lý Nhân Tông còn làm Thái tử, triều đình có chọn con em của các danh gia vào hầu. Sư là người học rộng hiểu nhiều lại thông cả Nho, Lão, Phật nên được dự tuyển. Những lúc rảnh, Sư thường chú tâm vào Thiền-na. Đến khi vua Lý Nhân Tông lên ngôi, vì lòng mến Sư nên ban hiệu Hoài Tín.

Khoảng niên hiệu Anh Võ Chiêu Thắng (1076-1084), Sư dâng biểu xin xuất gia, theo học với Thiền sư Quảng Trí. Sau khi được tâm ấn, Sư thường chống gậy mang bát vân du khắp nơi, để tìm thiện tri thức. Sư đến nơi nào thường có học giả vân tập đông đảo.

Sau, Sư xem Đại tạng kinh được Trí vô sư, là bậc lãnh tụ pháp môn trong một thời vậy.

Vua và bà Hoàng Thái hậu Cảm Linh Nhân (Ỗ Lan) đang để tâm học Thiền, bèn dựng ngôi chùa bên cạnh cung Cảnh Hưng hiệu là Giáo Nguyên,

thỉnh Sư trụ trì để tiện việc tới lui học hỏi. Đối với Sư chẳng dám gọi danh thường, chỉ xưng là Trưởng Lão.

Một hôm, nhà vua bảo Sư:

- Bậc chí nhân thị hiện, cốt cứu vớt chúng sanh, không hạnh nào chẳng đủ, không việc nào chẳng tu, chẳng phải chỉ sức định huệ, mà cũng có công giúp ích, nên phải kính nhận đó.

Bèn phong hiệu Giáo Nguyên Thiên Viện, Hoài Tín Đại Sư truyền Tổ Vô Tu Vô Chứng Tâm Ấn.

Sư phụng chiếu nhận chức Nhập Nội Đạo Tràng, Tứ Tử Đại Sa-môn, Đồng Tam Ty Công Sự, được quyền 50 hộ.

Niên hiệu Hội Phong thứ năm (1096), cuối tháng 11, Sư cáo bệnh để kệ dạy chúng:

Xuân đi trăm hoa rụng,
Xuân đến trăm hoa cười.
Trước mắt việc đi mãi,
Trên đầu già đến rồi.
Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết,
Đêm qua, sân trước, một cành mai.
(Xuân khứ bách hoa lạc, .
Xuân đáo bách hoa khai.
Sự trục nhãn tiền quá,
Lão tùng đầu thượng lai.
Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận,
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.)

Nói kệ xong, Sư ngồi kiết già thị tịch, thọ 45 tuổi, được 19 tuổi hạ.

Vua kính lễ rất hậu, các công khanh đi đưa đều có đốt tía hương, làm lễ hỏa táng thu xá-lợi xây tháp thờ tại chùa Sùng Nghiêm làng An Cách. Vua ban thụy là Mãn Giác.



Quốc Sư THÔNG BIỆN

(? - 1134)-(Đời thứ 8, dòng Vô Ngôn Thông)

Sư họ Ngô, quê ở Đan Phượng, vốn con nhà họ Thích, tánh rất thông minh lại hiểu tốt Tam học.

Ban đầu, Sư đến chùa Kiết Tường tham vấn với Thiền sư Viên Chiếu, thâm nhận được ý chỉ. Sau, Sư đến trụ tại Quốc tự trong kinh đô Thăng Long, từ đó Sư lấy hiệu là Trí Không.

Năm thứ năm niên hiệu Hội Phong (1096), ngày rằm tháng hai, bà Hoàng thái hậu Phù Thánh Cảm Linh Nhân (Ỗ Lan) đến chùa thiết lễ trai tăng. Khi đó, bà hỏi các vị kỳ túc:

- Nghĩa Phật, Tổ có gì hơn kém ? Phật ở phương nào ? Tổ ở thành nào ? Đến nước này từ bao giờ? Truyền trao đạo này ai trước ai sau ? Người niệm danh hiệu Phật, người đạt tâm ấn Tổ, chưa rõ ý chỉ thế nào ?

Mọi người đều không đáp được, Sư bèn tâu:

- Thường trụ thế gian, không sanh không diệt gọi là Phật. Rõ biết tâm tông của Phật, hạnh và giải tương ứng gọi là Tổ. Phật và Tổ chỉ là một, bởi những kẻ lam học dối nói có hơn kém mà thôi. Vả lại, Phật là giác. Cái giác này xưa nay lặng lẽ thường trụ. Tất cả chúng sanh đều đồng có lý này, chỉ vì tình trần che lấp, theo nghiệp trôi lăn, chuyển thành các cõi.

Phật do lòng từ bi, cho nên thị hiện sanh ở Ấn Độ, mười chín tuổi xuất gia, ba mươi tuổi thành đạo, ở đời nói pháp bốn mươi chín năm, mở bày pháp phương tiện khiến người ngộ đạo, đây là một thời đại hưng giáo vậy. Sắp nhập Niết-bàn, Phật sợ người đời lầm mắc kẹt, nên bảo ngài Văn Thù rằng: “Ta bốn mươi chín năm chưa từng nói một chữ, sẽ bảo là có nói ư ?”

Nhân Phật đưa cành hoa sen lên, trong hội chúng đều mờ mịt, chỉ có tôn giả Ca-diếp chum chím miệng cười, Phật biết Ca-diếp đã ngộ, bèn đem Chánh pháp nhãn tạng trao cho, đó là vị Tổ thứ nhất. Đây gọi là Tâm tông giáo ngoại biệt truyền vậy.

Sau ngài Ma-đăng mang giáo pháp vào Lưu Hán, Tổ Đạt-ma đem ý chỉ này vào nước Ngụy, nước Lương. Người truyền giáo pháp đến ngài Trí Giả ở núi Thiên Thai là thanh, gọi là Giáo tông. Người được tông chỉ thiền đến Tổ Huệ Năng ở Tào Khê là sáng tỏ, gọi là Thiền tông.

Hai tông truyền vào nước Việt chúng ta đã lâu. Về Giáo tông, lấy ngài Mâu Bác, Khương Tăng Hội làm đầu. Về Thiền tông lấy ngài Tỳ-ni-đa-lưu-chi làm trước, ngài Vô Ngôn Thông là sau. Đây gọi là Tổ của hai phái vậy.

Thái Hậu lại hỏi:

- Phần Giáo tông thì gác lại, còn hai phái Thiền tông có hiệu nghiệm gì ?
Sư tâu:

- Xét theo truyện Pháp sư Đàm Thuyên có nói, vua Tùy Cao Tổ bảo các Pháp sư rằng: “Trẫm nghĩ ơn từ bi dạy dỗ của đấng Điều Ngự, ân đức đó không biết lấy gì báo đền. Trẫm thẹn ở ngôi nhân vương, muốn hộ trì tam bảo rộng khắp, cho góp hết xá-lợi ở trong toàn quốc, xây dựng bốn mươi chín ngôi bảo tháp tôn thờ, để tiêu biểu cho đời và sửa sang xây cất một trăm năm mươi ngôi chùa. Những cõi ngoài như xứ Giao Châu, cũng muốn xây dựng các ngôi chùa tháp để cho đạo đức thấm nhuần khắp cõi đại thiên. Nhưng xứ Giao Châu tuy

nội thuộc nước ta (Trung Quốc) vẫn là sự liên hệ ràng buộc. Pháp sư nên chọn những vị Sa-môn danh đức sang xứ ấy giáo hóa họ, khiến tất cả đều được đạo Bồ-đề.” Pháp sư tâu: “Cõi Giao Châu có đường thông Thiên Trúc gần hơn nước ta (Tàu), lúc Phật pháp mới du nhập Giang Đông chưa truyền khắp, mà xứ này đã xây dựng trên hai mươi ngôi bảo tháp, độ hơn năm trăm vị tăng, phiên dịch được mười lăm quyển kinh, do đó ở bên ấy có Phật pháp trước ta vậy. Thuở ấy đã có các Tỳ-kheo Ma-ha Kỳ-vực, Khương Tăng Hội, Chi Cương Lương và Mâu Bác đến đó truyền đạo. Hiện nay lại có Pháp Hiền thượng sĩ đắc pháp nơi ngài Tỳ-ni-đa-lưu-chi, kế thừa truyền bá tông phái của Tam tổ, là hàng Bồ-tát trong loài người, hiện Trụ trì tại chùa Chúng Thiện, thu nhận môn đồ giáo hóa trong hội không dưới ba trăm người, cùng Trung Quốc không khác. Bệ hạ là cha lành khắp trời, muốn bình đẳng bố thí nên muốn phái chư tăng đến đó giáo hóa, song họ đã có đủ người rồi, ta chẳng cần phải sang.”

Lại, Tướng quốc nhà Đường hiệu Quyền Đức Dư, làm bài tựa truyền pháp rằng: “Sau khi Tổ Tào Khê mất, pháp thiền được thanh hành, mỗi nơi đều có dòng dõi: Thiền sư Chương Kính Uẩn mang tâm yếu Mã Tổ giáo hóa thanh hành ở xứ Ngô Việt. Đại sĩ Vô Ngôn Thông truyền tông chỉ của Tổ Bá Trượng khai ngộ ở đất Giao Châu.”

Lấy đây để nghiệm xét biết vậy.

Thái Hậu lại hỏi:- Sự truyền thừa của hai tông thứ tự thế nào ?

Sư đáp:

- Người kế thừa phái Lưu-chi hiện nay chính là Thiền sư Huệ Sinh, Thiền sư Chân Không vậy. Người kế thừa phái Vô Ngôn Thông hiện là Thiền sư Viên Chiếu, Thiền sư Quảng Trí. Bên phái Khương Tăng Hội hiện nay có Lô Hà Trạch ấy vậy. Ngoài ra những vị kế thừa phụ nhiều không thể kể hết.

Thái Hậu rất hoan hỉ lễ bái phong Sư chức Tăng Lục, ban tử y ca-sa và hiệu là Thông Biện Đại Sư cùng trọng thưởng rất hậu. Bởi kính trọng Sư, Thái Hậu thường triệu thỉnh vào nội và lễ bái phong làm Quốc Sư. Do sự giáo hóa của Sư, Thái Hậu nhận được yếu chỉ. Chính bà làm kệ ngộ đạo rằng:

Sắc là không, không tức sắc,
Không là sắc, sắc tức không.
Sắc không đều chẳng quán,
Mới được hợp chân tông.
(Sắc thị không, không tức sắc,
Không thị sắc, sắc tức không.
Sắc không câu bất quán,
Phương đắc khế chân tông.)

Lúc tuổi cao, Sư về trụ chùa Phổ Minh ở Từ Liêm, mở đàn thuyết pháp. Sư dạy người tu thường lấy kinh Pháp Hoa làm dụng. Thế nên thời nhân gọi Sư là Ngô Pháp Hoa.

Ngày rằm tháng hai năm Giáp Dần, nhằm niên hiệu Thiên Chương Bảo Tự thứ hai (1134), đời Lý Thần Tông, Sư cho hay có bệnh rồi tịch.



Thiền Sư BỔN TỊCH

(? - 1140)-(Đời thứ 13, dòng Tỳ-ni-đa-lưu-chi)

Sư họ Nguyễn, trước tên Pháp Mật, quê làng Tây Kết, dòng dõi Nội cung phụng đô úy Nguyễn Kha dưới triều Lê. Thuở nhỏ Sư đã có tư thái khác thường. Có một vị tăng lạ khen: “Đứa bé này cốt tướng phi thường, nếu xuất gia ắt thành tựu giống pháp chân thực.”

Lớn lên, Sư đến thụ nghiệp với Thiền sư Thuần Chân chùa Hoa Quang. Sau khi nhận được yếu chỉ, Sư xin thầy thọ giới cụ túc. Thuần Chân thấy Sư giới, định đều được tròn đầy thanh tịnh, học một biết mười, bèn xoa đánh bảo: “Chánh pháp ở phương Nam đợi người xiển dương đây !”

Bấy giờ, đối với chánh pháp, Sư đã vượt ngoài có, không và gồm thông cả đốn, tiệm. Nơi nào Sư đến đều rưới những trận mưa pháp, làm chấn động huyền phong, Tăng Ni sĩ thứ đều quý mộ.

Sau, Sư trụ trì chùa Chúc Thánh làng Nghĩa Trụ, khiến Phật pháp nơi đây càng hưng thịnh.

Đến niên hiệu Thiệu Minh thứ ba (1140) ngày 14 tháng 6, Sư gọi đồ chúng lại bảo: - Vô sự ! Vô sự !

Nói xong, Sư tịch.



Thiền Sư THIÊN NHAM

(1093 - 1163)-(Đời thứ 13, dòng Tỳ-ni-đa-lưu-chi)

Sư họ Khương, tên Thông, gia thế đời đời làm Tăng quan, tinh thần quắc thước, tiếng nói trong thanh.

Triều đình mở khoa thi về các kinh điển Đại thừa: Pháp Hoa, Bát Nhã, Sư đỗ Giáp khoa (thủ khoa). Sư tìm đến chùa Thành Đạo tham vấn với Thiền sư Pháp Y, qua một câu nói Sư lãnh hội, liền được ấn chứng. Nhân đó, Sư mới xuất gia.

Ban đầu Sư trụ trì chùa Thiên Phúc trong núi Tiên Du, giới hạnh tinh nghiêm, tâm đạo rộng lớn. Đói thì ăn lá cây, khát thì uống nước suối, suốt sáu

năm trường như vậy. Sau, Sư trở về quê trùng tu ngôi chùa Trí Quả làng Cổ Châu, Long Biên và trụ trì nơi đây.

Khoảng niên hiệu Thiên Thuận (1128-1132), triều đình gọi chiếu vời Sư về kinh đô cầu mưa. Bởi có linh nghiệm nên vua Lý Thần Tông trọng Sư vào hàng danh tăng và ban cho Sư thượng phục.

Năm Chính Long Bảo Ứng thứ nhất (1163), khoảng giữa mùa xuân, lúc ban ngày, Sư đốt hương từ biệt mọi người, ngồi an nhiên mà tịch, thọ 71 tuổi.

Thời gian sau, thể xác của Sư vẫn còn, thời nhân gọi Sư là “Phật sống”.



Thiền Sư MINH KHÔNG

(1076 - 1141)-(Đời thứ 13, dòng Tỳ-ni-đa-lưu-chi)

Sư tên Nguyễn Chí Thành, sinh ngày 14 tháng 8 năm Bính Thìn (1076) tại làng Loại Trì, huyện Chân Định, tỉnh Nam Định, thường cùng với Giác Hải, Đạo Hạnh làm bạn thân. Năm 29 tuổi, Sư cùng hai vị ấy sang Thiên Trúc học đạo với Thầy Sa-môn, được phép Lục trí thần. Trở về quê, Sư tạo ngôi chùa Diên Phước, ở đó chuyên trì chú Đại bi.

Bấy giờ, Sư muốn tạo Đại Nam Tứ Khí (tượng Phật, hồng chung, cái đỉnh, cái vạc) không nệ nhà nghèo sức mỏng. Một hôm, Sư suy nghĩ: “Nước Tống ắt có nhiều đồng tốt, có thể dùng đúc được.” Nghĩ xong, Sư thẳng đường sang Bắc triều (Trung Quốc). Trước nhất, Sư ghé trọ một nhà trưởng giả xin mảnh đất bằng chiếc ca-sa để lập Kỳ Viên. Trưởng giả cười bảo: “Xưa kia Thái tử nhà Lương muốn lập Kỳ Viên, khoảng đất rộng đến ngàn dặm, lấy vàng lót đất. Tại sao ông chỉ xin mảnh đất bằng áo ca-sa, chỉ bằng chuồng gà mà làm gì ?” Đêm ấy, Sư trải chiếc ca-sa khắp mười dặm đất. Trưởng giả thấy Sư có phép thần liền dẫn vợ con ra lễ bái, từ đây cả nhà đều quy y Tam bảo.

Hôm khác, Sư đắp y mang bát chống gậy trước thêm rồng đứng khoanh tay. Vua Tống vào triều, bá quan văn võ tung hô xong, xem thấy vị sư già bèn triệu vào, hỏi:

- Thầy già ốm này là dân phương nào, tên họ là gì ? đến đây có việc chi ?

Sư tâu:

- Thần là kẻ bần tăng ở tiểu quốc, xuất gia đã lâu, nay muốn tạo Đại Nam Tứ Khí, mà sức không tùy tâm, nên chẳng sợ xa xôi lặn lội đến đây, cúi mong Thánh đế mở rộng lòng thương ban cho chút ít đồng tốt, để đem về đúc tạo.

Vua Tống hỏi:- Thầy đem theo bao nhiêu đồ đệ ?

Sư tâu:- Bần tăng chỉ có một mình, xin đầy đây này quảy về.

Vua bảo:

- Phương Nam đường xa diệu vợi, tùy sức Sư lấy được bao nhiêu thì cho bấy nhiêu, đủ quấy thì thôi.

Sư vào kho đồng lấy gần hết sạch mà chưa đầy đầy, quan giữ kho le lưỡi lắc đầu, vào triều tâu việc ấy cho vua. Vua ngạc nhiên hối hận, nhưng lỡ hứa rồi, không biết làm sao.

Sư nhận đồng xong, vua Tống sai bá quan tiễn Sư đưa về nước. Sư từ rằng:

- Một đầy đồng này, tự thân bản tăng vận sức quấy nổi, không dám làm phiền nhọc các ngài tiễn đưa.

Nói xong, Sư bước ra lấy đầy máng vào đầu gậy nhẹ nhàng mang đi. Đến sông Hoàng Hà, Sư lấy nón thả xuống nước sang sông chỉ trong khoảng chớp mắt đã đến bờ.

Về nước, Sư đến chùa Quỳnh Lâm huyện Đông Triều, tỉnh Hải Dương đúc một tượng Phật Di-đà thật cao lớn. Tại kinh đô nơi tháp Báo Thiên, Sư đúc một cái đỉnh. Ở Phả Lại, Sư đúc một quả đại hồng chung. Tại Minh Đảnh, Sư đúc một cái vạc.

Phần còn dư, Sư đem về chùa quê làng đúc một đại hồng chung nặng ba ngàn ba trăm cân, và đúc một đại hồng chung ở chùa Diên Phước Giao Thủy nặng ba ngàn cân. Công quả hoàn thành, Sư làm bài tán rằng:

Nón nổi vượt biển cả,
Một hơi muôn dặm đường.
Một đầy sạch đồng Tống,
Dang tay sức ngàn ngựa.
(Lạ phù viết đại hải,
Nhất tức vạn lý trình.
Tống đồng nhất nang tận,
Phấn tý thiên câu lực.)

Thời vua Lý Nhân Tông kiến tạo điện Hưng Long cả năm mới xong, điện cực kỳ tráng lệ. Bỗng trên nóc có hai con chim cáp đậu kêu to, tiếng vang như sấm. Vua lo buồn chẳng vui, quan chỉ huy thấy thế tâu: “Điềm này chỉ có Minh Không và Giác Hải mới trừ được.” Vua bèn sai ông đi thỉnh Sư, ngày rằm tháng giêng, ông đến trước am Sư. Sư hỏi: “Quan chỉ huy sao đến chậm vậy?” Ông hỏi lại: “Sao Thầy biết trước chức của tôi?” Sư đáp: “Ta cỡi trăng đạp gió chợt vào thành vua, sớm đã nghe biết việc này.” Liền hôm ấy, Sư đến kinh đô, thẳng đến điện Hưng Long, Sư tụng chú thầm, hai con chim lạ ấy nghẹn cổ chẳng kêu, giây lát sau liền rơi xuống đất. Vua thưởng cho Sư một ngàn cân vàng, và năm trăm khoảnh ruộng để hương hỏa cho chùa và phong chức Quốc Sư.

Năm vua Lý Thần Tông 21 tuổi, bỗng nhiên mắc bệnh biến thành cọp, ngồi xổm chụp người, cuồng loạn đáng sợ. Triều đình phải làm cũi vàng nhốt vua trong đó. Khi ấy có đứa bé ở Chân Định hát rằng:

Nước có Lý Thần Tông,
Triều đình muôn việc thông.
Muốn chữa bệnh thiên hạ,
Cần được Nguyễn Minh Không.

Triều đình sai quan chỉ huy đi đón Sư. Đến am, Sư cười bảo: “Đâu không phải là việc cứu cọp đó ư?” Quan chỉ huy hỏi: “Sao Thầy sớm biết trước?” Sư bảo: “Ta đã biết việc này trước ba mươi năm.” Sư đến triều vào trong điện ngồi, lên tiếng bảo: “Bá quan đem cái đánh dầu lại mau, trong đó để một trăm cây kim, và nấu cho sôi, đem cũi vua lại gần đó.” Sư lấy tay mò trong đánh lấy một trăm cây kim găm vào thân vua, nói: “Quý là trời.” Tự nhiên lông, móng, răng đều rụng hết, thân vua hoàn phục như cũ. Vua tạ ơn Sư một ngàn cân vàng và một ngàn khoảnh ruộng để hương hỏa cho chùa, ruộng này không có lấy thuế.

Đến năm Đại Định thứ hai (1141) Sư qui tịch.

Hiện nay tại Hà Nội, trước đền thờ Lý Quốc Sư vẫn còn tượng Sư và có bia ký. Dân chọi Tiên Du muôn đời hương khói phụng thờ.

*

Chú thích: Nguyễn Minh Không hay Khổng Minh Không chùa Lý Quốc Sư, thôn Tiên Thị huyện Thọ Xương, nay là phố Lý Quốc Sư, quận Hoàn Kiếm, Thủ đô Hà Nội.

Lời người soạn: Thiền sư Không Lộ không có trị bệnh vua Lý Thần Tông, vì khi vua mắc bệnh hóa hổ lúc 21 tuổi, nhằm năm 1136, còn Thiền sư Không Lộ tịch vào niên hiệu Hội Tường Đại Khánh thứ 10 tức là năm 1119. Thế là Không Lộ tịch trước khi vua Lý Thần Tông hóa hổ 17 năm.

Thiền sư Nguyễn Minh Không tịch năm 1141 mới thực sự là người trị bệnh hóa hổ cho vua Lý Thần Tông.

Thiền sư Nguyễn Minh Không là họ Nguyễn, sinh ngày 14 tháng 8 năm Bính Thìn (1076) tại làng Loại Trì, huyện Chân Định, tỉnh Nam Định. Thiền sư Không Lộ họ Dương, không biết năm sanh, quê ở Hải Thanh. Thiền sư Minh Không sau về quê tạo ngôi chùa Diên Phước ở đó. Thiền sư Không Lộ tạo chùa Nghiêm Quang sau đổi tên là Thần Quang. Cả hai họ khác, tên khác, xứ sở khác, tuổi tác khác và chỗ trụ trì khác mà nói là một người là không hợp lý.



Thiền Sư KHÁNH HỸ

(1066 - 1142)-(Đời thứ 14, dòng Tỳ-ni-đa-lưu-chi)

Sư họ Nguyễn, quê ở Cổ Giao, Long Biên, vốn hạt giống tịnh hạnh. Thuở nhỏ, Sư đã không ăn thịt cá. Lớn lên theo thọ học với Thiền sư Bồn Tịch ở chùa Chúc Thánh.

Một hôm, trên đường đến nhà đàn việt thọ trai, Sư hỏi:

- Thế nào là ý chính của Tổ sư ?

Ngay lúc đó nghe tiếng trống lên đồng trong nhà dân, Bồn Tịch nói:

- Lời nói ấy đâu không phải đồng cốt giáng thân ?

- Hòa thượng chớ chuyên nói đùa.

- Ta không từng có mảy may nói đùa.

Sư không hội, bèn từ thầy mà đi.

Đến chùa Vạn Tuế, Sư ra mắt Thiền sư Biện Tài. Biện Tài hỏi:

- Người từ đâu đến ?

Sư thưa:- Con từ Bồn Tịch đến.

- Thầy ấy cũng là thiện tri thức một phương, đã từng nói với người câu gì ?

- Con đã thờ Thầy nhiều năm, chỉ một câu hỏi mà chẳng khứng cho, nên con bỏ đi.

- Người đã từng hỏi câu gì ?

Sư liền thuật lại câu hỏi trước. Biện Tài bảo:

- Ôi ! Tịch sư vì người đã nói tốt rồi, chớ hủy báng Bồn sư không tốt.

Sư dừng lại suy nghĩ, Biện Tài bảo:

- Đâu không nghe nói khi đạt khắp cảnh đầy đủ, chẳng ngộ häng trái xa.

Sư bỗng nhiên đốn ngộ, liền trở về yết kiến Bồn Tịch.

Bồn Tịch thấy Sư trở về bèn hỏi:

- Người đến đâu mà về mau thế ?

Sư sụp xuống lạy thưa:

- Con mang tội hủy báng Hòa thượng nên trở về xin sám hối.

- Tướng tội, tánh nó không, người làm sao sám hối ?

- Phải như thế mà sám hối.

Bồn Tịch liền thôi.

*

* *

Sư cùng hai Thiền giả Tịnh Nhãn, Tịnh Như đứng hầu thầy.

Bồn Tịch bảo:

- Các nhân giả ở trong tông môn của ta, học hỏi đã lâu. Các ông hãy trình kiến giải của mình, để ta xem xét chỗ tiến đạo của các ông thế nào ?

Tịnh Nhãn, Tịnh Như toan mở miệng đáp, Sư bèn nói to:

- Một khi mắt bị bệnh, hoa đốm rơi loạn giữa hư không.

Bổn Tích khen:

- Xà-lê Khánh Hỷ! Sao dùng thuyền lại đập bể gàu múc nước ?

- Dùng thuyền làm gì ?

- Kẻ lanh lợi, chớ có mở hoác, người chỉ giỏi nói đến việc bên này, nếu việc bên kia vẫn còn chưa mộng thấy.

- Tuy nhiên chỉ là y.

- Rời khỏi đầu sào trăm trượng buông tay đi, người nói làm sao ?

Sư nắm hai tay, thưa:

- Chẳng liễm ! Chẳng liễm !

- Tha người một gậy.

Do đây, danh tiếng Sư đồn khắp từng lâm.

*

* *

Khoảng niên hiệu Thiên Chương Bảo Tự (1133-1138), vua Lý Thần Tông mời Sư vào kinh. Sư ứng đối xứng hợp ý chỉ, vua bái phong chức Tăng Lục, lại thăng chức Tăng Thống.

Một hôm, đệ tử Pháp Dung hỏi:

- Liễu đạt sắc không, sắc là phàm hay là thánh ?

Sư ứng thình đáp bài kệ:

Uổng công thôi hỏi sắc cùng không,

Học đạo gì hơn phỏng Tổ tông.

Ngoài trời tìm tâm thật khó thấy,

Thế gian trông quế đầu thành tòng.

Đầu lông trùm cả càn khôn thấy,

Hạt cải bao gồm nhật nguyệt trong.

Đại dụng hiện tiền tay nắm vững,

Ai phân phàm thánh với tây đông.

(Lao sanh hữu vấn sắc kiêu không,

Học đạo vô như phỏng Tổ tông.

Thiên ngoại mịch tâm nan định thể,

Nhân gian thực quế khởi thành tòng.

Càn khôn tận thị mao đầu thượng,

Nhật nguyệt bao hàm giới tử trung.

Đại dụng hiện tiền quyền tại thủ,

Thùy tri phàm thánh dữ tây đông?)

*

* *

Niên hiệu Đại Định năm thứ ba (1142) nhằm năm Nhâm Tuất, ngày 27 tháng giêng, Sư thị hiện có chút bệnh rồi tịch, thọ 76 tuổi.

Sư có sáng tác “Ngộ Đạo Ca Thi Tập”, được lưu hành ở đời.

Theo Sử ký ghi Sư tịch vào năm Thiên Chương Bảo Tự thứ ba (1135).



Thiền Sư GIỚI KHÔNG

(Đời thứ 15, dòng Tỳ-ni-đa-lưu-chi)

Sư tục danh là Nguyễn Tuân, con một lương gia trong quận Mãn Đầu. Thuở nhỏ, Sư đã mến Phật pháp, theo Thiền sư Quảng Phước ở chùa Nguyên Hòa trên núi Chân Ma xuất gia và thọ giới Cụ túc. Theo Thầy tu học mấy năm, Sư nhận được ý chỉ.

Sau, Sư đến Lịch Sơn dựng một am nhỏ, chuyên tu thiền định khoảng năm, sáu năm. Rồi am, Sư chống gậy xuống núi, tùy phương hóa đạo. Trên đường ngang qua vùng Nam Sách, Sư lại vào trong hang đá Thánh Chúa cấm túc sáu năm, tu hạnh đầu-đà.

Vua Lý Thần Tông (1128-1138) nhiều lần vời về kinh, Sư từ chối mãi, sau bắt đắc dĩ mới nhận lời. Về đến kinh, vua sắc Sư ở chùa Gia Lâm để giáo hóa.

Về già, Sư trở về quê trụ trì chùa làng Tháp Bát quận Mãn Đầu. Chính Sư trùng tu lại được chín mươi lăm ngôi chùa.

Một hôm không bệnh Sư nói kệ dạy chúng:

Ta có một việc kỳ đặc,
Chẳng xanh vàng đen đỏ trắng.
Cả người tại gia, xuất gia,
Thích sanh, chán tử là giặc.
Chẳng rõ sanh tử khác đường,
Sanh tử chỉ là được mất.
Nếu cho sanh tử khác đường,
Lừa cả Thích-ca, Di-lặc.
Ví biết sanh tử, sanh tử,
Mới hiểu lão tăng chỗ náu,
Môn nhân, hậu học, các người,
Chớ nhận khuôn mẫu pháp tắc.
(Ngã hữu nhất sự kỳ đặc,
Phi thanh huỳnh xích bạch hắc.
Thiên hạ tại gia xuất gia,
Thân sanh ố tử vi tặc.

Bất tri sanh tử dị lộ,
Sanh tử chỉ thị thất đắc.
Nhược ngôn sanh tử dị đồ,
Trám khước Thích-ca Di-lặc.
Nhược tri sanh tử, sanh tử,
Phương hội lão tăng xứ nặc.
Nhữ đẳng hậu học môn nhân,
Mạc nhận bàn tinh quĩ tắc.)

Nói kệ xong, Sư cười một tiếng lớn, rồi chấp tay viên tịch. Môn nhân và đệ tử là Châu mục Lê Kiếm sai các tráng đinh lo việc hỏa táng, thu xá-lợi xây tháp thờ, đồng thời đắp tượng Sư để cúng dường.



Thiền Sư PHÁP DUNG

(? - 1174)-(Đời thứ 15, dòng Tỳ-ni-đa-lưu-chi)

Sư họ Lê quê ở Bối Lý, là dòng dõi Châu mục Ái Châu Lê Lương dưới thời Đường. Trãi mười lăm đời làm Châu mục, gia tộc vinh hiển. Cha là Huyền Nghi hiệu Tăng Phán. Sư hình thái đẹp đẽ, giọng nói trong thanh, đối với kinh văn ngọc kệ không đâu chẳng tán tụng.

Thuở bé, Sư theo Tăng thống Khánh Hỷ xuất gia. Khánh Hỷ thấy Sư khen là kỳ đặc, bèn đem pháp ấn trao cho.

Từ đó, Sư mặc ý ngao du sơn thủy, tùy duyên hóa đạo. Kế, Sư dừng ở chùa Khai Giác trên ngọn Thấu Phong. Hằng ngày môn đồ tìm đến tham vấn đầy thất. Sau, Sư về núi Ma Ni ở phủ Thanh Hóa, dựng ngôi chùa Hương Nghiêm rồi trụ trì.

Niên hiệu Thiên Cảm Chí Bảo thứ nhất (1174) nhằm năm Giáp Ngọ, ngày mùng 5 tháng 2, Sư không bệnh mà tịch.

Môn nhơn là Đạo Lâm... làm lễ hỏa táng, xây tháp thờ Sư tại bốn sơn.



Thiền Sư KHÔNG LỘ

(? - 1119)-(Đời thứ 9, dòng Vô Ngôn Thông)

Sư họ Dương, không rõ tên thực là gì, quê ở làng Hải Thanh. Ông cha chuyên nghề chài lưới, đến đời Sư mới bỏ nghề ấy đi tu đạo Phật. Khoảng niên hiệu Chương Thánh Gia Khánh (1059-1065), Sư theo Thiền sư Lôi Hà Trạch xuất gia, cùng làm bạn với Thiền sư Giác Hải và Từ Đạo Hạnh.

Phong cách Sư thoát tục, ăn mặc thế nào xong thôi, không vướng mắc vật chất thường tình, chỉ tinh chuyên thiền định, trải bao năm tu tập, ăn cây mặc cỏ, quên cả thân mình.

Sau khi đắc đạo, Sư có thể bay trên không, hoặc đi trên mặt nước, cọp thấy phải cúi đầu, rồng gặp cũng nép phục. Những pháp thuật thần bí của Sư không đo lường được.

Đến ngày 3 tháng 6 năm Hội Tường Đại Khánh thứ mười (1119) đời Lý Nhân Tông, Sư viên tịch. Môn đồ làm lễ hỏa táng, thu xá-lợi, xây tháp thờ ở trước chùa Nghiêm Quang [Thiền sư Không Lộ chùa Nghiêm Quang: Chùa Nghiêm Quang đổi tên là Thần Quang (1167), nguyên ở hữu ngạn sông Hồng đã bị hủy hoại vì bão lụt. Năm 1630 dân sở tại dựng lại chùa ở tả ngạn sông Hồng, nay thuộc xã Vũ Nghĩa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, thường gọi là chùa Keo dưới.] là nơi Sư trụ trì.

Tác phẩm của Sư có bài kệ Ngôn Hoài và bài thơ Ngư Nhân.

Kệ Ngôn Hoài:

Trạch đắc long xà địa khả cư,
Dã tình chung nhật lạc vô dư.
Hữu thời trực thượng cô phong đánh,
Trường khiếu nhất thanh hàn thái hư.

Dịch: Lựa nơi rồng rắn đất ưa người,
Cả buổi tình quê những mảng vui.
Có lúc thẳng lên đầu núi thăm,
Một hơi sáo miệng, lạnh bầu trời.

(Ngô Tất Tố)

Thơ Ngư Nhân:

Vạn lý thanh giang vạn lý thiên,
Nhất thôn tang giá nhất thôn yên.
Ngư ông thùi trước vô nhân hoá,
Quá ngọ tỉnh lai tuyết mãn thuyền.

Dịch:

Muôn dặm sông dài, muôn dặm trời,
Một làng dâu giá, một làng hơi.
Ông chài mê ngủ, không người gọi,
Tỉnh giấc quá trưa tuyết đầy thuyền.



Thiền Sư ĐẠO HUỆ

(? - 1172)-(Đời thứ 9, dòng Vô Ngôn Thông)

Sư họ Âu, quê ở Chân Hộ làng Như Nguyệt, tướng mạo đoan trang, tiếng nói rất trong trẻo.

Năm 25 tuổi, Sư theo Ngô Pháp Hoa (Thông Biện) ở chùa Phổ Ninh xuất gia. Ở đây Sư thăm hỏi về huyền môn và thâm đắc đến chỗ uyên áo.

Sau, Sư tìm đến chùa Quang Minh núi Thiên Phúc trong huyện Tiên Du dừng trụ. Sư khép mình trong giới luật, chuyên tu thiền định, suốt ngày đêm không nằm, ngót sáu năm trường. Cảm đến loài khỉ vượn trong núi họp lại nghe pháp. Do đó, tiếng Sư vang dậy đến kinh sư.

Niên hiệu Đại Định thứ hai mươi (1159), Hoàng cô Thụy Minh có bệnh, vua sai sứ thỉnh Sư vào xem bệnh. Khi Sư xuống núi khỉ vượn đều kêu la bi thảm, như quyến luyến trong sự chia ly. Khi vào cung, Sư vừa đến cửa ngoài thì bệnh Hoàng cô được lành. Vua Lý Anh Tông rất vui mừng, mời Sư ở lại chùa Báo Thiên trong khoảng mười ngày. Các công khanh và bạn đạo khắp nơi nghe danh Sư tìm đến thăm viếng đông đảo không kể xiết. Nhân đó, Sư khai đường giáo hóa, không trở về núi lại.

Đến niên hiệu Chính Long Bảo Ứng thứ mười (1172) ngày mùng một tháng tám, Sư có chút bệnh, than rằng: “Loạn ly lan rộng, ái chừ, từ đó mà đến.”

Lại nói kệ:

Đất nước lửa gió thức,
Nguyên lai thấy đều không.
Như mây lại tan hợp,
Phật nhật chiếu không cùng.
Sắc thân cùng diệu thể,
Chẳng hợp chẳng chia lìa.
Nếu người cần phân biệt,
Trong lò một cành hoa.
(Địa thủy hỏa phong thức,
Nguyên lai nhất thiết không.
Như vân hoàn tụ tán,
Phật nhật chiếu vô cùng.
Sắc thân dữ diệu thể,
Bất hiệp bất phân ly.
Nhược nhân yếu chân biệt,
Lô trung hoa nhất chi.)

Đến canh ba, Sư im lặng mà hóa. Môn nhân đưa linh cữu Sư về cố quận làm lễ hỏa táng, xây tháp thờ tại chùa Bảo Khâm, núi Tiên Du, lại đưa một phần xá-lợi về an trí.



Thiền Sư BẢO GIÁM

(? - 1173)-(Đời thứ 9, dòng Vô Ngôn Thông)

Sư họ Kiều tên Phù, quê ở làng Trung Thụy. Tánh tình trung thực, giản dị và điềm đạm. Thuở nhỏ học Nho, thông hiểu Thi, Thư, Lễ, Dịch, chữ viết rất đẹp. Sư làm quan đến chức Cung Hậu Xá Nhân đời Lý Anh Tông.

Năm 30 tuổi, Sư bỏ quan đến chùa Bảo Phước quận Mỹ Lương thọ giáo xuất gia với Thiền sư Đa Vân. Tặng kinh trong chùa này, chính tay Sư chép lại. Đến khi Thiền sư Đa Vân tịch, Sư kế tiếp trụ trì chùa này. Đời sống của Sư rất là đạm bạc, suốt năm chỉ mặc áo gai thô sơ, trong mình không dính một sợi tơ. Công việc tu trì thì không bao giờ trễ nải.

Sư thường bảo môn đồ:

- Muốn tiến đến tông thừa của Phật là phải siêng năng, song thành Phật chánh giác phải nhờ trí tuệ. Ví như nhắm bắn cái đích ngoài trăm bước, mũi tên đến được là nhờ sức mạnh, song trúng được đích không phải do sức.

Đến ngày 7 tháng 5 niên hiệu Chính Long Bảo Ứng thứ mười một (1173), sắp viên tịch, Sư nói kệ:

Được thành chánh giác ít nhờ tu,
Ấy chỉ nhờ nhàn, trí tuệ ưu.
Nhận được ma-ni lý huyền diệu,
Ví thể trên không hiện vầng hồng.
Người trí khác nào trăng rọi không,
Chiếu soi khắp cõi sáng khôn ngần.
Nếu người cần biết, nên phân biệt,
Khói mù man mác phủ non chiều.
(Đắc thành chánh giác hãn bằng tu,
Chỉ vị lao lung, trí tuệ ưu.
Nhận đắc ma-ni huyền diệu lý,
Chỉ như thiên thượng hiển kim ô.
Trí giả du như nguyệt chiếu thiên,
Quang hàm trần sát chiếu vô biên.
Nhược hơn yếu thức tu phân biệt,
Lãnh thượng phù sơ tỏa mộ yên.)

Sư lại dạy:

- Tâm ý Như Lai đều không thể được, chỉ nên gọi là Vô lượng trí. Cho nên biết, tâm Như Lai như hư không, là chỗ nương của tất cả, trí tuệ của Như Lai cũng như thế.

Nói xong Sư tịch, môn đồ trà tỳ thu xá-lợi xây tháp thờ.



Thiền Sư BỔN TỊNH

(1100 - 1176)-(Đời thứ 9, dòng Vô Ngôn Thông)

Sư họ Kiều quê ở Phù Diễn, Vĩnh Khương. Thuở nhỏ rất hiếu học, thấu tột được lẽ sinh tử của đạo Phật, thông suốt thuyết nhân nghĩa của đạo Nho.

Sư xuất gia theo học với Thiền sư Mãn Giác ở chùa Giáo Nguyên, đạt được thâm chỉ Thiền tông.

Năm Đại Định thứ hai (1141), Sư lên núi Chí Linh, tu tại am Bình Dương. Quan Hữu Bất Ngự Quốc Bảo mến phục đức hạnh của Sư, kính thờ làm thầy. Sau Sư nhận lời thỉnh của Thành Dương Công, đến trụ trì chùa Kiên An. Sư thường phát đại nguyện:

- Nguyện con đời đời chẳng lìa tông chỉ của Phật, hạnh tự giác giác tha không bao giờ gián cách, dùng phương tiện dẫn dắt mọi người đồng vào một đạo.

Niên hiệu Trinh Phù năm đầu (1176), tháng giêng, Sư không bệnh gọi chúng đến dạy:

Một đạo một đạo,
Mèo đá vẩy đuôi,
Nhảy bỏ chụp chuột,
Lại hóa thành quỉ.
Nếu cần rành rõ
Vàng sanh sông Lê.
(Nhất quĩ nhất quĩ
Thạch miêu diêu vĩ
Trịch thân tróc thử
Hoàn hóa vi quỉ
Nhược yếu phân minh
Kim sanh Lê thủy.)

Và kệ:

Thân huyễn vốn từ không tịch sanh,
Dường tợ trong gương hiện bóng hình.
Bóng hình giác rõ không tất cả,
Thân huyễn chớp mắt chứng tướng chân.
(Huẩn thân bản tự không tịch sanh,
Du như cảnh trung xuất hình tượng.
Hình tượng giác liễu nhất thiết không,

Huyền thân tu du chứng thật tướng.)
Nói kệ xong, Sư thị tịch, thọ 77 tuổi.



Thiền Sư TRÍ

(Đời thứ 16, dòng Tỳ-ni-đa-lưu-chi)

Sư họ Lê tên Thước, dòng dõi Ngự Man Vương triều Lê Đại Hành quê ở Phong Châu. Ông nội tên Thuận Tông làm quan triều Lý, chức Trung thư đại liêu ban, kết duyên với công chúa Kim Thành. Ông thân sinh Sư tên Đạc làm quan chức Minh Tự. Người anh tên Kiểm bổ chức Tam Nguyên Đô Tuần Kiểm và Châu mục. Thuở nhỏ, Sư vẫn theo nghiệp trường ốc, thi đỗ Tiến sĩ, sung chức Cung Hầu Thư Gia.

Năm 27 tuổi, Sư theo ông anh đến Pháp tịch của Thiền sư Giới Không, nghe giảng kinh Kim Cang đến câu:

Tất cả pháp hữu vi,
Như mộng huyễn bọt bóng,
Như sương cũng như điện,
Phải quán sát như thế.
(Nhất thiết hữu vi pháp,
Như mộng huyễn bào ảnh,
Như lộ diệc như điện,
Ứng tác như thị quán.)

Bỗng nhiên Sư cảm ngộ, bèn nghĩ: “Năm lời của đức Như Lai chẳng phải luống dối. Bởi tất cả pháp trong thế gian đều hư huyễn không thật chỉ có Đạo mới là chân thật. Ta còn cầu cái gì? Nhà Nho thì truyền bá đạo vua tôi cha con; Phật pháp thì dạy rõ công đức của Thanh văn, Bồ-tát. Hai lối dạy tuy có khác, tựu trung chỉ về một mối mà thôi. Nhưng muốn vượt khỏi khổ lớn sanh tử, dứt chấp có không, ngoài Phật giáo không thể được vậy.”

Nghĩ xong Sư xin cạo tóc xuất gia.

*

* *

Sau khi được tâm ấn, Sư thẳng vào núi Từ Sơn tạm trú dưới gốc cây, ngày đêm thiền định chuyên tu khổ hạnh, thệ trọn sáu năm.

Một hôm Sư đang ngồi thấy con cọp đuổi con nai chạy đến. Sư dụ bảo chúng: “Tất cả chúng sanh đều yêu tiếc tánh mạng, các người chớ nên hại nhau.” Cọp nghe lời Sư cúi đầu sát đất nhận qui y rồi đi.

Mãn sáu năm, Sư xuống chân núi cất am tên Phù Môn, thu nhận đồ chúng giáo hóa. Tín thí bốn phương dâng lễ cúng dường chất đầy cả am.

Quanh núi có bọn man rợ tụ tập nhau làm trộm cướp. Mỗi khi Sư đi ra ngoài, thường có cọp lớn nằm duỗi chân trước cửa am. Kẻ trộm thấy thế chẳng dám xâm phạm, chúng lại cầu xin Sư chỉ dạy đạo lý. Những người được Sư dạy dỗ trở về con đường lương thiện rất nhiều.

Triều Lý hai vua Anh Tông và Cao Tông nhiều lần vời Sư về kinh, mà Sư đều từ chối.

Quan Phụ quốc Thái úy Tô Hiến Thành và Thái bảo Ngô Hòa Nghĩa đều xin làm đệ tử Sư, mà suốt mười năm chưa từng biết mặt thầy. Bỗng một hôm, thầy trò gặp nhau rất hoan hỉ. Vừa hỏi thăm xong, Sư bèn nói kệ dặn dò:

Đã mang giống Phật dưỡng trong lòng,
Nghe nói lời mâu ý thích mong.
Vất ngoài ngàn dặm niềm tham muốn,
Lý nhiệm càng ngày càng bao dong.
(Ký hoài xuất tố dưỡng hung trung,
Văn thuyết vi ngôn ý duyệt tùng.
Tham dục truất trừ thiên lý ngoại,
Hy di chi lý nhật bao dung.)

Lại nói:

Đạm bạc tự giữ
Chỉ đức là vụ.
Hoặc nói lời lành
Tha thiết một câu:
Lòng không bỉ ngã,
Đã dứt bụi mù,
Ngày đêm lên xuống,
Không hình khá trụ,
Như bóng như vang,
Không vết khá đến.
(Đạm nhiên tự thủ
Duy đức thị vụ.
Hoặc vân thiện ngôn
Quyền quyền nhất cú
Tâm vô bỉ ngã
Ký tuyệt hôn mai,
Nhật dạ trắc giáng,
Vô hình khả trụ.
Như ảnh như hưởng
Vô tích khả thú.)

Nói xong, Sư chấp tay ngồi ngay thẳng vui vẻ thị tịch. Các công khanh và đệ tử gào khóc thảm thiết, tiếng vang cả núi.



Thiền Sư CHÂN KHÔNG

(1045 - 1100) - (Đời thứ 16, dòng Tỳ-ni-đa-lưu-chi)

Sư họ Vương tục danh Hải Thiêm, quê làng Phù Đổng huyện Tiên Du, con nhà sang trọng. Lúc mẹ mang thai Sư, cha mộng thấy vị Tăng trao cho cây tích trượng. Sau đó, sinh ra Sư.

Thuở nhỏ, Sư thích ở riêng một mình, siêng năng đọc sách, chẳng màng những việc vặt vãnh. Năm 15 tuổi, Sư đã bác thông sách sử. Đến 20 tuổi, Sư xuất gia, rồi dạo khắp từng lâm tìm nơi khế hợp.

Sư đến pháp hội chùa Tĩnh Lự núi Đông Cứu nghe giảng kinh Pháp Hoa, hoát nhiên tỉnh ngộ. Cơ duyên khế hợp ấy, khác nào con rùa mù gặp bông cây. Sư ở đây nhập thất sáu năm, sự tham vấn càng ngày càng sâu. Nhân đó, được truyền tâm ấn.

Sau, Sư đến núi Từ Sơn dừng trụ. Tự lấy giới luật giữ mình, trên hai mươi năm không hề xuống núi. Danh tiếng vang dậy xa gần. Vua Lý Nhân Tông nghe danh, xuống chiếu mời vào Đại nội giảng kinh Pháp Hoa. Thính giả nghe giảng ai nấy đều kính phục.

Bấy giờ, Thái úy Lý Thường Kiệt, Thích sử Lạng Châu, Tướng quốc Thân Công rất kính trọng Sư thường xả tài vật cúng dường. Những phần cúng dường Sư đều dùng vào việc sửa chùa xây tháp, đúc hồng chung để lại đời.

Về sau, Sư trụ trì chùa Chúc Thánh trên núi Phả Lại, có vị tăng đến hỏi:

- Thế nào là diệu đạo ?

Sư đáp:

- Sau khi giác rồi mới biết.

- Giáo chỉ từ trước học nhân chưa rõ, lời dạy hôm nay làm sao hội được ?

- Nếu đến tiên gia trong động sâu,

Hoàn đan hoá cốt được mang về.

- Thế nào là hoàn đan ?

- Nhiều kiếp tối tăm không hiểu thấu,

Hôm nay chợt ngộ được khai minh.

- Thế nào là khai minh ?

- Khai minh chiếu khắp cõi ta-bà,

Tất cả chúng sanh chung một nhà.

Tăng lại thưa:

- Tuy nhiên không biện rõ.

- Chốn chốn đều gặp y.

- Cái gì là y ?

Sư đáp:

- Kiếp hỏa cháy tan mây may sạch,

Núi xanh như cũ, mây trắng bay.

Tăng hỏi:

- Khi sắc thân bại hoại thì thế nào ?

- Xuân đến, xuân đi ngõ xuân hết,

Hoa nở, hoa tàn chỉ là xuân.

Tăng suy nghĩ, Sư quát rằng:

- Đất bằng sau binh lửa,

Thực vật đều ngát thơm.

(Bình nguyên kinh hỏa hậu,

Thực vật các thù phương)

Tăng lễ bái.

*

* *

Văn niên, Sư trở về quận nhà, trùng tu lại ngôi chùa Bảo Cảm. Công việc vừa xong, ngày mùng 1 tháng 11 niên hiệu Hội Phong thứ chín (1100), Sư báo tin sắp tịch nói kệ:

Diệu bản thân thang rõ tự bà,

Gió hòa thổi dậy khắp ta-bà.

Người người nhận được vô vi lạc,

Nếu được vô vi mới là nhà.

(Diệu bản hư vô minh tự khoa,

Hòa phong xuy khởi biến ta-bà.

Nhân nhân tận thức vô vi lạc,

Nhược đắc vô vi thủy thị gia.)

Đến nửa đêm, Sư lại bảo: “Đạo của ta đã thành, ta giáo hóa đã xong, vậy ta tùy ý ra đi.” Bèn ngồi kiết già mà tịch, thọ 55 tuổi, được 36 tuổi hạ.

Hoàng Thái Hậu, Công chúa Thiên Thành, Ni sư Diệu Nhân và đông đảo đệ tử làm lễ cúng dường trai tăng hai ngày. Đại sư Nghĩa Hải ở chùa Đại Minh, được vua ban tử y. Sa-môn Pháp Thành, toàn thể đồ chúng lo đủ lễ an táng Sư, xây tháp bên ngoài trai đường.

*

Học sĩ Nguyễn Văn CỬ vâng chiếu soạn lời minh ghi trên tháp. Công bộ thượng thư Đoàn Văn Khâm làm thơ truy điệu Sư:

Trong triều, ngoài nội kính gia phong,

Chống gậy đường mây quyện bóng rờng.
Cửa từ chốt hoảng rường cột đở,
Rừng đạo bụi ngùi cội thông long.
Cỏ biếc quanh mồ thêm tháp mới,
Non xanh nước thắm gửi thân trong.
Văng vể cửa thiên ai đến gõ,
Văng vẳng chuông chiều nát cõi lòng.
Hạnh cao triều dã chấn thanh phong,
Tích trụ như vân mộ tập long.
Nhân vũ hốt kinh băng huệ đống,
Đạo lâm trường thán yển trình tông,
Phần oanh bích thảo thêm tân tháp
Thủy trảm thanh sơn nhận tạ dung.
Tịch tịch thiên quan thùy cánh khấu,
Kinh qua sâu thính mộ thiên chung.)



Thiền Sư ĐẠO LÂM

(? - 1203) - (Đời thứ 16, dòng Tỳ-ni-đa-lưu-chi)

Sư họ Tăng quê ở Cửu Cao (?), Chu Diên. Lúc nhỏ Sư đã mộ Không tông, ý chí cao cả nét hạnh thuần khiết. Sư theo học với Thiền sư Pháp Dung ở chùa Hương Nghiêm, chẳng bao lâu đã được thầy truyền tâm ấn.

Về sau, Sư trụ trì chùa Long Vân làng Siêu Loại, Long Phúc, tùy duyên nối tiếp ngọn đuốc chánh pháp khiến được rạng rỡ. Khi tiếp xúc với mọi người tùy chỗ khế hợp, Sư làm lợi ích cho họ chẳng ít.

Đến niên hiệu Thiên Gia Bảo Hựu thứ hai (1203) nhằm năm Quý Hợi, khoảng tháng năm, Sư ngồi kiết già viên tịch.



Ni Sư DIỆU NHÂN

(1041 - 1113)-(Đời thứ 17, dòng Tỳ-ni-đa-lưu-chi)

Bà tên Ngọc Kiều là trưởng nữ của Phụng Càn Vương. Thuở nhỏ bà thiên tư thuần hậu, ngôn hạnh đoan trang, được vua Lý Thánh Tông nuôi trong cung. Lớn lên vua gả cho người họ Lê, làm quan Châu mục ở Chân Đăng. Chồng mất, bà tự thệ thủ tiết không chịu tái giá.

Một hôm bà than:

- Ta xem tất cả pháp trong thế gian như giấc mộng, huyễn ảo, huống là các thứ phù vinh mà đáng trông cậy sao ?

Thế rồi bà đem tất cả tư trang ra bố thí, cạo tóc xuất gia, đến Thiền sư Chân Không ở làng Phù Đổng xin thọ giới Bồ-tát, và học hỏi tâm yếu. Thiền sư Chân Không cho bà pháp danh Diệu Nhân và dạy trụ trì Ni viện Hương Hải ở làng Phù Đổng, Tiên Du. (Ni sư Diệu Nhân Hương Hải Ni Viện: cũng gọi là chùa Linh Ứng hiện nay nằm bên cạnh chùa Kiến Sơ, xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh.)

Hằng ngày, bà gìn giữ giới luật và hành thiền được chánh định, là bậc mẫu mực trong ni chúng thời ấy. Có người đến cầu học, bà thường dạy họ tu tập Đại thừa, dạy rằng:

- Chỉ tánh mình trở về nguồn, đốn tiệm liền tùy đó mà vào.

Thường ngày, bà chỉ thích ngồi lặng lẽ, có bệnh kỵ thanh sắc, ngôn ngữ. Có học giả hỏi:

- Tất cả chúng sanh bệnh nên ta bệnh, tại sao lại kỵ sắc thanh ?

Bà nương theo kinh đáp:

Nếu dùng sắc thấy ta,
Dùng âm thanh cầu ta,
Người ấy hành đạo tà,
Không thể thấy Như Lai.
(Nhược dĩ sắc kiến ngã
Dĩ âm thanh cầu ngã
Thị nhân hành tà đạo
Bất năng kiến Như Lai.)

- Tại sao ngồi yên?

- Xưa nay không đi.

- Thế nào chẳng nói ?

- Đạo vốn không lời.

Năm Hội Tường Đại Khánh thứ tư (1113), ngày mùng 1 tháng 6, bà có bệnh, nói kệ dạy chúng:

Sanh già bệnh chết
Xưa nay lẽ thường.
Muốn cầu thoát ra
Mở trói thêm ràng.
Mê đó tìm Phật,
Lầm đó cầu thiền.
Phật, thiền chẳng cầu,
Uổng miệng không lời.
(Sanh lão bệnh tử
Tự cổ thường nhiên

Dục cầu xuất ly
Giải phược thêm triền.
Mê chi cầu Phật
Hoặc chi cầu thiên
Thiên, Phật bất cầu
Uổng khẩu vô ngôn.)

Nói kệ xong, bà cạo tóc, tắm rửa thân thể, ngồi kiết già viên tịch, thọ 72 tuổi.



Thiền Sư VIÊN HỌC

(1073 - 1136)-(Đời thứ 17, dòng Tỳ-ni-đa-lưu-chi)

Sư họ Hoàng, quê làng Như Nguyệt, tu ở chùa Đại An Quốc, huyện Tế Giang. Thuở nhỏ, Sư đọc hết các loại sách ngoài đời, đến năm 20 tuổi mới nghiên tâm nội điển.

Nhơn nghe một câu nói của Thiền sư Chân Không mà tâm Sư được mở sáng. Từ đó, thiền học càng cao, luật nghi cũng hoàn bị. Suốt năm, Sư chỉ khoác một áo nạp, hai mùa lạnh nóng cũng thế thôi. Bình bát, tích trượng chẳng rời thân, Sư tùy phương giáo hóa. Cho đến việc sửa cầu, đắp đường... chẳng việc nào Sư không đứng ra làm trước, rồi mới khuyến bảo người.

Về sau, Sư trùng tu ngôi chùa Quốc Thanh ở làng Phù Cầm và đúc một quả chuông. Sư có làm bài kệ hóa duyên:

Sáu thức tối tăm khổ đêm dài,

Vô minh che đậy mãi mê say.

Sớm tối nghe chuông lòng tỉnh giác,

Thần lười dứt sạch, được thần thông.

(Lục thức thường hôn chung dạ khổ,

Vô minh bị phú cửu mê dung.

Trú dạ vẫn chung khai giác ngộ,

Lãn thần tịnh sát đắc thần thông.)[Ở đây chữ “sát”, bản khác chữ “khước”.]

Năm Thiên Chương Bảo Tự thứ tư (1136) nhằm năm Bính Thìn ngày 14 tháng 6, Sư thị tịch, thọ 64 tuổi.

Môn đệ là Ngô Thông Thiên, Lưu Vương Nhân, Lữ Pháp Hoa, Châu Diệu Dụng... thu di thể Sư xây tháp thờ.



Thiền Sư TỊNH THIÊN

(1121 - 1193)-(Đời thứ 17, dòng Tỳ-ni-đa-lưu-chi)

Sư họ Phí tên Hoàn, quê làng Cổ Giao, quận Long Biên. Lúc đầu, Sư cùng bạn đồng học là Tịnh Không thờ Thiên sư Đạo Lâm chùa Long Vân làm thầy. Ngày ngày Sư thiết tha vì đạo, nên thâm nhập được huyền yếu. Đạo Lâm biết Sư là pháp khí, ban cho pháp hiệu là Tịnh Thiên và ấn chứng rằng:

Tịnh là trí tịnh tròn mầu
Thiền là tâm thiền lặng lẽ.

Đạo Lâm qua đời, Sư mới dạo khắp các thiền hội, tìm bạn đạo và học hỏi thêm. Đạo duyên thuận thực, Sư về quê nhà trùng tu ngôi chùa Long Hoa rồi trụ trì tại đây. Hằng ngày ngoài giờ tu tập thiền luật, mọi hoạt động Sư đều nhắm vào tâm niệm lợi tha.

Năm Thiên Tư Gia Thụy thứ tám (1193) nhằm năm Quý Sửu, ngày 12 tháng 8, Sư tịch, thọ 73 tuổi. Môn đệ là Pháp Ký soạn văn bia chùa ghi rằng:

Sư sanh đồng thời, họ Lý trị đời,
Sáu độ đâu quên, tứ hoằng nào bỏ.
Chỗ uống trà, là chỗ thập phương thí chủ dồn về,
Khi chống tích, bốn bộ học đồ qui tụ.
Thần thông khó lường, huyền dụng khôn xét.

Tự chẳng đến trường Phật giác thì đâu thể nêu cao thắng nghiệp.

Thực là vầng trăng báu trong bầu trời, là hoa pháp của linh hồn xóm làng...

(Sư sanh đương Lý nhật xuất trị minh thời.

Lục độ ninh vong, tứ hoằng vật xả.

Hương bôi phù xứ, thập phương tín chủ ba tùy.

Tích trượng chấn thời, tứ bộ học đồ vụ tập.

Thần thông cự trắc, huyền dụng nan lường.

Tự phi phó Phật giác tràng, an năng du dương thắng nghiệp.

Chân sở vị: Thích thiên bảo nguyệt, pháp uyển hồn thôn...)



Quốc Sư VIÊN THÔNG

(1080 - 1151)-(Đời thứ 18, dòng Tỳ-ni-đa-lưu-chi)

Sư tục danh Nguyễn Nguyên Úc, quê làng Cổ Hiền sau dời về phường Thái Bạch, kinh đô Thăng Long, lập nghiệp luôn tại đây. Thế tộc làm Tăng quan, cha tên Huệ Dục làm quan dưới triều Lý đến chức Tả Hữu Nhai Tăng Lục, đạo hiệu là Bảo Giác thiền sư.

Sư tư chất thông minh, học hiểu đến chỗ tinh diệu, xuất gia lúc còn nhỏ. Thọ học với Thiền sư Viên Học ở chùa An Quốc, huyện Cổ Hiền, Sư được thầy truyền tâm ấn.

Năm thứ sáu niên hiệu Hội Phong (1097), Sư đậu thủ khoa kỳ thi Tam giáo, sung chức Đại Văn. Đến năm thứ tám niên hiệu Long Phù Nguyên Hóa (1108) Sư lại đứng đầu kỳ tuyển khoa hoằng tài để bổ khuyết Tăng Đạo. Nhà vua quá quý kính muốn đem chính sự giao phó cho Sư, Sư cố từ chối chẳng dám nhận. Vua bèn tiến chức Nội Cung Phụng Truyền Giảng Pháp Sư. Bấy giờ, Sư tùy cơ giảng giải giáo lý, khiến người giác ngộ, phá ngu giải hoặc không còn dư thừa. Những người thụ giáo nơi Sư đều nổi tiếng sau này.

Năm thứ ba niên hiệu Hội Tường Đại Khánh (1112), sau khi trùng hưng ngôi chùa Diên Thọ, vua sắc Sư làm bài văn bia. Vua mến phục tài, phong Sư lên chức Tả Nhai Tăng Lục.

Năm thứ ba niên hiệu Thiên Thuận (1130), vua Lý Thần Tông triệu Sư vào cung để hỏi việc trị loạn, hưng vong của đất nước. Sư đáp:

- Thiên hạ ví như món đồ dùng, đặt vào chỗ yên thì yên, đặt vào chỗ nguy thì nguy, chỉ ở đức vua thực hành khác nhau đó thôi. Đức hiếu sinh của vua nhuần thấm đến nhân dân thì nhân dân yêu vua như cha mẹ, tôn vua như mặt trời, mặt trăng, thế tức đặt thiên hạ vào chỗ yên vậy.

Sư lại tiếp:

- Việc trị loạn còn ở các quan, được lòng người thì trị an, mất lòng người thì loạn lạc. Tôi trải xem các đế vương đời trước, chưa từng chẳng do dùng quân tử mà được hưng thịnh, vì dùng tiểu nhân mà bị nguy vong. Xét lý do như thế, không phải tại ngay một sớm một chiều, mà nguyên do của nó phát từ từ đã lâu lắm vậy.

Trời đất không thể làm nóng lạnh ngay, ắt phải dần dần từ xuân sang thu; nhân quân không thể làm trị loạn ngay, ắt phải dần dần từ thiện ác. Các thánh vương đời xưa biết thế, nên bắt chước trời tu đức sửa mình, bắt chước đất chăm tu đức để an dân. Sửa mình là cẩn thận bên trong, run sợ như dẫm đi trên lớp băng mỏng. Yêu dân là kính cẩn công chúng, nơm nớp như cầm roi nắm cương ngựa. Được như thế thì đâu mà chẳng hưng; nếu trái lại thì đâu mà chẳng vong. Lý do hưng vong từ từ như thế.

Vua nghe qua rất hài lòng, lại thăng Sư chức Hữu Nhai Tăng Thống, Tri Giáo Môn Công Sư. Sư nghiêm trang đến gần dâng vua một bài châm để làm qui củ, lúc nào cũng chăm chỉ chưa từng thiếu sót.

Năm thứ năm niên hiệu Thiên Chương Bảo Tự (1137) vua sắp băng, Sư có dự vào hàng Cố mệnh thảo tờ di chiếu. Vua phó thác mọi việc cho Sư.

Năm thứ nhất niên hiệu Thiệu Minh (1138), vua Lý Anh Tông lên ngôi, Thái hậu xét thấy Sư có công lớn nên rất trọng hậu.

Sau, Sư về làng Cổ Hiền tỉnh Nam Định lập ngôi chùa hiệu Quốc Ân trụ trì đến già. Những thôn gần đây lấy thuế cung cấp mọi phí dụng cho Sư.

Năm thứ tư niên hiệu Đại Định (1143) nhà vua vinh thăng Sư chức Tả Hữu Nhai Tăng Thống, Nội Cung Phụng Tri Giáo Môn Công Sự, Truyền Giảng Tam Tạng Văn Chương, Ứng Chế Hộ Quốc Quốc Sư và ban tử y.

Ngày 21 tháng 4 năm Tân Mùi, niên hiệu Đại Định (1151), Sư hạp chúng từ biệt, không bệnh mà tịch, thọ 72 tuổi.

Tác phẩm của Sư:

- 1.- Chư Phật Tích Duyên Sự, 30 quyển.
- 2.- Hồng Chung Văn Bi Ký.
- 3.- Tăng Gia Tạp Lục, hơn 50 quyển.
- 4.- Viên Thông Tập, hơn một ngàn bài thơ.



Thiền Sư GIÁC HẢI

(Khoảng thế kỷ 11-12)-(Đời thứ 10, dòng Vô Ngôn Thông)

Sư họ Nguyễn, quê làng Hải Thanh, thuở nhỏ làm nghề chài lưới, thường dùng một chiếc thuyền con làm nhà, sống lênh đênh trên khắp sông hồ. Năm 25 tuổi, Sư dứt bỏ thế nghiệp xuất gia làm tăng. Ban đầu, Sư cùng Thiền sư Không Lộ đồng thờ thầy Hà Trạch ở chùa Diên Phước, Hải Thanh. Sau, Sư lại kế thừa dòng pháp của Không Lộ và trụ trì luôn chùa này.

Đời vua Lý Nhân Tông (1072-1127), Sư cùng Thông Huyền bị triệu vào hầu. Bỗng đâu có hai con cắc kè cất tiếng kêu chát tai. Vua bảo Thông Huyền làm cho nó đừng kêu. Thông Huyền trầm niệm thần chú, một con rơi xuống. Thông Huyền cười nhìn Sư, bảo: “Để lại một con cho Sa-môn.” Sư chú mắt nhìn nó, chốc lát nó cũng rơi xuống. Nhà vua kinh dị, làm thơ tặng:

Giác Hải tâm như biển,
Thông Huyền đạo lại huyền.
Thần thông gồm biến hóa,
Một Phật, một thần tiên.
(Giác Hải tâm như hải,
Thông Huyền đạo hựu huyền.
Thần thông kiêm biến hóa,
Nhất Phật nhất thần tiên.)

Sư nổi tiếng khắp thiên hạ, tăng tục đều quý kính. Vua Nhân Tông mỗi khi ra chơi hành cung Hải Thanh đều ghé chùa thăm Sư.

Một hôm vua hỏi:

- Phép chân thần tức có thể được nghe chăng?

Sư liền hiện tám phép thần biến: Thân vọt lên hư không cách đất vài trượng, chột lại trở xuống...

Vua và quần thần vỗ tay khen ngợi. Từ đó vua ban cho Sư tự do ra vào cung vua.

Đến đời vua Lý Thần Tông (1128-1138), nhiều lần triệu vào cung, nhưng Sư từ chối viện cớ già bệnh chẳng đến được.

*

Có vị tăng hỏi:

- Phật và chúng sanh ai khách ai chủ?

Sư dùng bài kệ đáp:

Gái để chỏm đầu bạc,
Bảo ông, tác giả biết.
Nếu hỏi cảnh giới Phật,
Long môn bị điểm trán.
(A giác nữ đầu bạc,
Báo nhĩ tác giả thức.
Nhược vấn Phật cảnh giới,
Long môn tao điểm ngạch.)

Lúc sắp tịch, Sư gọi chúng nói kệ:

Xuân về hoa bướm gặp nhau đây,
Hoa bướm phải cần họp lúc này.
Hoa bướm xưa nay đều là huyễn,
Giữ tâm bền chặt bướm hoa thây.
(Xuân lai hoa điệp thiện tri thì,
Hoa điệp ứng tu cộng ứng kỳ.
Hoa điệp bốn lai giai thị huyễn,
Mạc tu hoa điệp hưởng tâm trì.)

Đêm ấy có ngôi sao lớn rơi xuống góc Đông nam thất Sư, Sư ngồi ngay thẳng an nhiên thị tịch. Vua hạ chiếu quyên ba mươi hộ để cúng hương hỏa. Hai đứa con Sư cũng được ân thưởng làm quan.



Thiền Sư TỊNH KHÔNG

(? - 1170)-(Đời thứ 10, dòng Vô Ngôn Thông)

Sư họ Ngô quê ở Phúc Xuyên. Ban đầu đến viện Sùng Phước trong bản châu xuất gia và thọ giới cụ túc.

Năm 30 tuổi, Sư đi hành khước phương Nam đến chùa Khai Quốc, phủ Thiên Đức dừng lại Trụ trì. Khoảng năm sáu năm chuyên tu hạnh đầu-đà, ngày chỉ dùng một ít đậu, một ít mè, ngồi hoài không ngủ. Mỗi khi Sư nhập định đến nhiều ngày mới xuất. Đàn thí bốn phương đem lễ vật cúng dường chất cao như núi. Những kẻ gian đến rình mò, Sư trông thấy bảo “tự do lấy đi.”

Bà công chúa Nam Khương ý muốn xuất gia, sắp soạn lễ vật định xin xuống tóc. Triều đình hay được, xuống chiếu bắt Sư vào triều. Vào đến cửa khuyết, thân sắc Sư vẫn bình thường, vua thấy thế càng thêm kính nể, bái phong là bậc danh tăng.

Một hôm, có một vị thiền khách đến chùa Sư, hỏi thăm sự tu hành, biết Sư chưa đạt yếu chỉ Thiền tông, liền giới thiệu Sư đến tham vấn Thiền sư Đạo Huệ ở núi Tiên Du, Sư bèn giao chùa đi thẳng đến núi Tiên Du.

Đến nơi Sư hỏi Đạo Huệ:

- Nơi này có tông chỉ Thiền tông chăng?

Đạo Huệ đáp:

- Nơi đây tông chỉ chẳng phải không, nhưng Xà-lê làm sao đảm nhận?

Sư suy nghĩ trả lời. Đạo Huệ nạt:

- Ngay trước mặt đã lắm qua rồi!

Sư liền lãnh hội yếu chỉ. Sư ở lại đây hầu hạ thầy ba năm.

Sau, Sư về chùa cũ thu nhận đồ chúng. Một hôm Sư hội chúng nói kệ:

Trên không miếng ngói che,
Dưới không đất cắm dùi.
Hoặc đổi áo thẳng đến,
Hoặc xách trượng mà đi.
Khoảng chuyển động xúc chạm,
Tợ rồng vẩy đớp mồi.
(Thượng vô phiến ngõa giá,
Hạ vô trác chùy địa.
Hoặc dịch phục trực nghệ,
Hoặc sách trượng nhi chí.
Chuyển động xúc xứ gian,
Tợ long dước thôn nhĩ.)

Có vị tăng đến hỏi:

- Từ trước chỉ thẳng là nói cái gì ?

Sư đáp:

- Ngày ngày đi gặt lúa, giờ giờ kho lắm không.

(Nhật nhật khứ hoạch hòa,
Thì thì không thương lắm)

- Con chẳng hội.
- Nhật nguyệt hằng sáng, mây nổi phủ che.
(Nhật nguyệt trường minh,
phù vân cái ảm)

Sư nói kệ:

Người trí không ngộ đạo,
Ngộ đạo tức kẻ ngu.
Khách nằm thẳng duỗi chân,
Nào biết ngụy và chơn.
(Trí nhân vô ngộ đạo,
Ngộ đạo tức ngu nhân.
Thân cước cao ngọa khách,
Hề thức ngụy kiêm chân.)

*

* *

Tăng hỏi:- Thế nào là Phật ?

Sư đáp:- Nhật nguyệt sáng trời trùm ỨC CÔI,
Ai biết mây mù rơi núi sông.
(Nhật nguyệt lệ thiên hàm ỨC SÁT,
Thùy tri vân vụ lạc sơn hà.)

- Thế nào hội được ?
- Mục đồng chỉ thích nằm lưng trâu,
Kẻ sĩ thường khoe được anh hùng.
(Mục đồng chí quán ngọa ngư bối,
Thổ hữu anh hùng khóa đắc y.)
- Ý tổ và ý kinh là đồng là khác ?
- Muôn dặm nhờ thuyền đều đến triều vua.
- Hòa thượng có việc kỳ đặc, tại sao không nói cho con ?
- Người thổi lửa, ta hốt gạo, người khát thực, ta giữ bát, ai mà cô phụ người ?

Tăng nghe xong liền khai ngộ.

Năm thứ tám niên hiệu Chính Long Bảo Ứng (1170) đời Lý Anh Tông, sắp tịch Sư từ già chúng dặn:

- Các người khéo tự gìn giữ như lúc ta còn, chớ nhiễm thế gian sanh ra quyển luyến.

Đến nửa đêm, Sư ngồi kiết già mà tịch, thọ hơn 80 tuổi.



Thiền Sư ĐẠI XÁ

(1120 - 1180)-(Đời thứ 10, dòng Vô Ngôn Thông)

Sư họ Hứa, quê ở phường Đông Tác (nay thuộc huyện Hoàng Long, Hà Đông). Xuất gia từ thuở bé, theo học với Thiền sư Đạo Huệ, nhận được chút ít yếu chỉ thiền học, Sư thường trì tụng kinh Hoa Nghiêm và thần chú của ngài Phổ Hiền làm việc thường nhật. Có lúc, Sư xõa tóc bỏ ăn, chỗ ở không nhất định. Các vương công đều quý kính, Kiến Ninh Vương và công chúa Thiên Cực cũng rất kính trọng.

Sư thường ở Tuyên Minh Hồ Nham lập chùa giáo hóa, học giả các nơi đến học rất đông. Có vị tăng nước Tống hiệu Nham Ông, nghe tiếng Sư cảm mộ đốt ngón tay để cúng dường. Có người nghi Sư dùng yêu thuật, nên trong khoảng niên hiệu Thiên Cảm Chí Bảo (1174-1175) Thái úy Đỗ Anh Vũ ra lệnh bắt Sư vào giam, hành phạt nặng nề mà Sư không có vẻ sợ hãi. Sau đó, có lệnh thả Sư.

Vua Lý Anh Tông triệu Sư vào hỏi:

- Trẫm bị phiền muộn, Sư có thuật gì trị chẳng ?

Sư đáp:

- Pháp Mười hai môn duyên là căn bản tiếp nối sự sống chết, cần lấy đó để trị, nó thật là phương thuốc hay vậy.

Vua hỏi:- Ý chỉ nó thế nào ?

Sư đáp:

- Vô minh là nhân duyên của Hành cho đến lo buồn khổ não, muốn cầu quả Bích-chi Phật nên nói Mười hai môn duyên. Đem trị trong thân này thì không còn phiền não.

Vua hỏi:- Thế thì, trẫm phải tĩnh tâm tu tập ?

Sư đáp:

- Khi giữ được nghiệp thức yên tịnh, tức là lóng trong phiền não, không còn pháp nào khác đáng tu tập cả. Xưa kia vua Lương Võ Đế thường đem vấn đề này hỏi Thiền sư Bảo Chí, Bảo Chí cũng đáp như thế. Hôm nay trộm vì bề hạ đưa ra điều tương tự ấy.

*

* *

Đến ngày 2 tháng 5 niên hiệu Trinh Phù thứ năm (1180), Sư gọi đệ tử dặn dò nói kệ:

Bốn rấn chung rường trước giờ không,

Núi cao năm uẩn đâu chủ ông.

Chân tánh sáng ngời không chướng ngại,

Niết-bàn sanh tử mặc che lồng.
(Tứ xà đồng khiếp bốn lai không,
Ngũ uẩn sơn cao diệc bất tông.
Chân tánh linh minh vô quái ngại,
Niết-bàn sanh tử nhậm già lung.)

Lại nói:

Ngựa đá nhe răng cuông,
Ăn mạ ngày tháng kêu.
Đường cái người đồng qua,
Trên ngựa không người đi.
(Thạch mã xử cuông nanh,
Thực miêu nhật nguyệt minh.
Đồ trung nhân cộng quá,
Mã thượng nhân bất hành.)

Nói kệ xong, đến canh năm Sư tịch, thọ 61 tuổi.



Thiền Sư TÍN HỌC

(? - 1190)-(Đời thứ 10, dòng Vô Ngôn Thông)

Sư họ Tô quê ở làng Chu Minh, phủ Thiên Đức. Gia đình chuyên nghề khắc bản kinh. Thuở nhỏ Sư theo học với thầy Thành Giới, không thích giao du.

Năm 32 tuổi, Sư đến Thiền sư Đạo Huệ ở núi Tiên Du thọ giáo. Ở đây hầu Thầy ba năm, Sư nhận được tông chỉ thiền tông một cách sâu sắc. Sau đó, Sư một mình chống gậy du phương, đến chùa Quán Đảnh núi Không Lộ huyện Thạch Thất, Sơn Tây dừng lại trụ trì.

Sư ở trước Phật đốt ngón tay cúng dường và phát nguyện lớn:

- Con đã nhiều kiếp trôi lăn trong trần lao, nay nguyện dứt hẳn không còn tạo lại.

Sư chuyên tu Tam quán theo trong kinh Viên Giác, ngày chỉ ăn một bữa, đến hình dung tiêu tụy, trải nhiều năm như thế mà chẳng thối chí. Do đây, thâm đắc Chánh định tam quán. Công khanh sĩ thứ ngưỡng mộ phong thái cao nhã của Sư đưa nhau đến học hỏi rất đông.

Một hôm Sư tự bảo:

- Có lợi ắt có nhiễm, có nhiễm ắt có lợi; có lợi có nhiễm Bồ-tát chẳng làm; không lợi không nhiễm, Bồ-tát mới làm.

Đến ngày 9 tháng giêng năm Thiên Tư Gia Thụy thứ năm (1190) đời Lý Cao Tông, Sư cáo bệnh nói kệ:

Núi rừng cọp beo,

Vần vận lẫn lộn.
Nếu muốn phân rành,
Con kêu, mẹ mỗ.
(Sơn lâm hổ báo,
Hoành văn ban bác.
Nhược đục chân biệt,
Tử thốt mẫu trác.)
Nói kệ xong, Sư thị tịch.



Thiền Sư TRƯỜNG NGUYÊN

(1110 - 1165)-(Đời thứ 10, dòng Vô Ngôn Thông)

Sư họ Phan, quê ở Trường Nguyên, Tiên Du, dòng dõi theo Phật. Khi mới xuất gia thọ giáo với Thiền sư Đạo Huệ. Sau khi được Đạo Huệ ấn chứng, Sư đi thẳng vào núi Từ Sơn ẩn tịch. Ở đây, hàng ngày Sư mặc áo cỏ, ăn trái dẻ, làm bạn cùng sỏi, đá, khỉ, vượn. Suốt mười hai giờ, Sư nhồi nặn thân tâm lặng lẽ thành một mảnh. Trải qua năm, sáu năm, người đời không ai xem thấy được chỗ ảnh hưởng của Sư.

Vua Lý Anh Tông nghe tiếng ái mộ, muốn gặp Sư mà không thể được. Vua thăm sai Phiên thần họ Lê là bạn cũ của Sư khéo dẫn dụ về triều. Họ Lê dụ được Sư về đến nhà trọ chùa Hương Sát. Sư tự hối hận, liền trốn trở về núi xưa. Sư bảo đồ đệ:

- Hạng người thân khô tâm nguội như ta, không phải những vật phù nguy thế gian có thể cám dỗ được. Bởi vì chí, hạnh của ta chưa thuần nên bị các thứ bầy lộng vây khốn. Nghe ta nói kệ đây:

Khỉ vượn bồng con lại núi xanh,
Từ xưa hiền thánh không mối manh.
Xuân về oanh hót trong vườn uyển,
Thu đến cúc cười mất dáng hình.
Viên hầu bảo tử qui thanh chướng
Tự cổ thánh hiền một khả lượng.
Xuân lai oanh chuyển bách hoa thâm,
Thu chí cúc khai một mô dạng.)

Sư thường bảo mọi người:

- Lạ thay ! Lạ thay ! Tại sao các chúng sanh này có đủ trí tuệ Như Lai, mà ngu si mê hoặc chẳng thấy chẳng biết. Ta thường đem đạo lý dạy dỗ, khiến họ lia hẳn vọng tưởng chấp trước trong tự thân, mà thấy trí tuệ rộng lớn Như Lai của mình, được lợi ích an lạc.

Đến ngày 7 tháng 6 niên hiệu Chính Long Bảo Ứng thứ ba (1165), Sư có chút bệnh, nói kệ dạy chúng:

Ở chỗ bóng trần,
Thường lia bóng trần,
Tâm phủ lóng tột,
Cùng vật không thân.
Thể vốn tự nhiên,
Hiện vật không thiên,
Tài bằng trời đất,
Vượt cả nhân luân.
Dưỡng nuôi muôn vật,
Cùng vật làm xuân,
Đứng múa gái sắt,
Đánh trống người cây.
(Tại quang tại trần,
Thường ly quang trần,
Tâm phủ trường triệt,
Dữ vật vô thân.
Thể ư tự nhiên.
Ứng vật vô ngân,
Tông tượng nhị nghi,
Đào thải nhân luân.
Đình độc vạn vật,
Dữ vật vi xuân,
Tác vũ thiết nữ,
Đả cổ mộc nhưn.)

Nói kệ xong, Sư viên tịch, thọ 56 tuổi.



Thiền Sư TỊNH LỰC

(1112 - 1175)-(Đời thứ 10, dòng Vô Ngôn Thông)

Sư họ Ngô tên Trạ, quê ở Cát Lăng, Vũ Bình. Thuở nhỏ, Sư rất thông minh, lớn lên càng giỏi về văn chương, nghệ thuật và chữ viết. Sư gặp Thiền sư Đạo Huệ thầy trò tương ứng như cây kim hạt cải. Tâm dừng nơi cảnh Phật, mặc cỏ ăn cây, phước huệ song tu. Trải qua nhiều năm giữ tâm càng vững chắc. Thiền sư Đạo Huệ bảo:

- Tâm ấn của chư Phật, người tự có đó, chẳng phải từ nơi người mà được.

Sư thưa:

- Đã nhờ Thầy chỉ dạy, con phải trụ nơi nào ?

- Chẳng cần đi xa, nên ở Vũ Ninh là tốt.

Sư vâng lời thầy thẳng lên núi cất một am cỏ tên Vương Trì, làng Cường Việt, Vũ Ninh rồi trụ trì nơi đây. Trong mười hai giờ, Sư lễ Phật sám hối, được niệm Phật tam-muội. Bảy giờ tiếng nói của Sư trong vắt như tiếng Phạm Thiên. Sư thường giảng kinh Viên Giác, nghĩa lý chỗ nào chẳng ổn, đích thân Sư cải chính. Thời nhân bảo trong miệng Sư có chất thư hoàng (Thư Hoàng: là một khoáng chất có màu vàng đỏ. Đời xưa dùng tán nhỏ hòa nước làm mực để bôi những chữ viết lầm. Câu này dùng chỉ người có tài biện bác, lẽ nói sai sửa được ngay, như trong miệng có sẵn thư hoàng.)

Đến niên hiệu Thiên Cảm Chí Bảo thứ hai (1175) một hôm Sư cáo bệnh nhóm môn đồ dạy:

- Các người! Tất cả các người học đạo lấy tâm siêng năng cúng dường Phật, không gì khác hơn chỉ cầu dứt được các nghiệp ác. Tâm miệng niệm tụng, tin hiểu nghe nhận, ở chỗ vắng vẻ yên lặng, gần thiện tri thức. Nói ra lời hòa nhã, nói phải thời đúng lúc, trong tâm không khiếm nhược. Liễu đạt nghĩa lý, xa lìa ngu mê, an trụ chỗ bất động. Quán tất cả pháp vô thường vô ngã, vô tác vô vi. Nơi nơi lìa phân biệt, ấy là người học đạo. Nay phần hóa duyên của ta đã xong.

Lại nói kệ:

Trước tuy nói kiết, sau gọi hung,
Từ đời Thái Tổ kiêng chẳng tụng.
Vì thấy rồng lên làm Phật tử,
Chợt trông chuột hiện lặng vô cùng.
(Tiên tuy ngôn kiết, hậu ngôn hung,
Tự thị Thái Tổ hứu bất tụng,
Vi ngộ kiến long vi Phật tử,
Hốt tao thử xuất tịch vô cùng.)

Nói xong, Sư ngồi ngay thẳng an nhiên thị tịch, thọ 64 tuổi.



Thiền Sư TRÍ BẢO

(? - 1190)-(Đời thứ 10, dòng Vô Ngôn Thông)

Sư họ Nguyễn, quê ở Ô Diên, Vĩnh Khương, là cậu ruột Tô Hiến Thành, một đại công thần đời Lý Anh Tông.

Sư xuất gia vào tu ở chùa Thanh Tước trên núi Du Hý làng Cát Lợi, đất Thường Lạc. Thường ngày mặc áo vá ăn cơm hẩm, cả mười năm không đổi chiếc áo, đến ba ngày chẳng thổi lửa nấu cơm, tay chân chai cộp, thân thể khô

khan. Thấy có người đến thì khoanh tay đứng nép một bên, gặp bậc Sa-môn thì quì gối lễ bái. Sư chuyên tu như vậy đến sáu năm mới xuống núi.

Xuống núi, Sư chuyên tạo phước nào sửa đường, bắc cầu, cất chùa, xây tháp, tùy duyên khuyến khích người, không vì lợi dưỡng.

Chợt gặp một vị tăng hỏi:- Sanh từ đâu lại, tử đi về đâu ?

Sư liền suy nghĩ. Vị tăng ấy bảo:

- Trong lúc ông suy nghĩ, mây trắng bay ngàn dặm.

Sư không đáp được. Vị tăng ấy quát:- Chùa tốt mà không có Phật.

Nói rồi bèn bỏ đi. Sư tự than rằng:

- Ta tuy có tâm xuất gia, nhưng chưa được yếu chỉ của người xuất gia, ví như kẻ đào giếng, dù đào đến chín, mười thước mà chưa có nước, vẫn phải bỏ đi. Huống là, tu thân mà chẳng ngộ đạo thì có ích gì ?

Từ đây, Sư dạo khắp bốn phương tìm bậc thiện tri thức. Nghe Thiền sư Đạo Huệ giáo hóa ở Tiên Du, Sư liền đến đó.

Sư hỏi Đạo Huệ:- Sanh từ đâu lại, tử đi về đâu ?

Đạo Huệ bảo:- Sanh không từ đâu lại, tử chẳng đi về đâu.

Sư thưa:- Thế ấy, đâu chẳng rơi vào chỗ không sao ?

Đạo Huệ bảo:

- Chân tánh diệu viên, thể tự không tịch, vận dụng tự tại, chẳng đồng với sanh tử. Thế nên, sanh không từ đâu đến, tử chẳng đi về đâu.

Ngay câu nói này, Sư liền lãnh ngộ, nói:

Chẳng nhân gió cuốn mây trôi hết,

Đâu thấy trời trong muôn dặm thu.

(Bất nhân phong quyển phù vân tận,

Tranh kiến thanh thiên vạn lý thu.)

Đạo Huệ hỏi:- Người thấy cái gì ?

Sư thưa:- Biết nhau khắp thiên hạ,

Tri âm có mấy người.

(Tương thức mãn thiên hạ,

Tri âm năng kỉ nhân.)

Sư bèn từ tạ trở về núi.

Từ đây, Sư nói ngang nói dọc, như chọi đá nháng lửa. Một hôm, Sư thẳng đường, tăng tục vây quanh, có người hỏi:

- Thế nào là tri túc ?

Sư đáp:

- Phạm người xuất gia và tại gia đều phải biết tri túc. Nếu người biết tri túc thì ngoài chẳng lấn người, trong không tổn mình. Vật nhỏ nhút như rau cỏ, người không cho, mình chẳng nên lấy. Huống là, những vật lớn khác thuộc của

người, khởi tưởng là vật của người, trọn không do đây mà sanh tâm trộm cắp. Cho đến, thê thiếp của người, khởi tưởng là thê thiếp người, cũng không do đây mà sanh tâm dâm. Các người nghe ta nói kệ:

Của dùng Bồ-tát biết vừa đủ,
Đối người thương xót chẳng lẩn tham.
Vật mọn không cho ta chẳng lấy,
Chẳng quản của người đức ngọc lành.
Bồ-tát vợ nhà còn biết đủ,
Tại sao vợ người lại khởi tham ?
Thê thiếp của người người bảo hộ,
Đâu nữ lòng mình khởi vạy tà.
(Bồ-tát tư tài tri chỉ túc,
Ư tha từ bi bất dâm dục.
Thảo diệp bất dữ ngã bất thủ,
Bất tưởng tha vật đức như ngọc.
Bồ-tát tự thê phương tri túc,
Như hà tha thê khởi tham dục ?
Ư tha thê, thiếp, tha sở hộ,
An nhẫn tự tâm khởi tâm khúc.)

Đến ngày 14 tháng 4 năm thứ năm niên hiệu Thiên Tư Gia Thụy (1190) đời Lý Cao Tông (Thiền Uyển Tập Anh ghi “Lý triều Anh Tông hoàng đế Thiên Tư Gia Thụy ngũ niên” là nhầm. Theo Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, niên hiệu này thuộc triều Cao Tông.)Sư cáo bệnh và thị tịch. Đệ tử làm lễ hỏa táng, thu linh cốt, xây tháp thờ tại sơn môn.



Thiền Sư NGUYỄN HỌC

(? - 1174)-(Đời thứ 10, dòng Vô Ngôn Thông)

Sư họ Nguyễn, quê ở làng Phù Cầm. Thuở nhỏ, Sư thọ pháp với Thiền sư Viên Trí ở chùa Mật Nghiêm, đã lãnh hội yếu chỉ.

Ban đầu, Sư ở ẩn trên núi Vệ Linh chuyên tu phạm hạnh mười hai năm. Mỗi khi nhập thiền quán đến ba ngày mới xuất. Sư thường trì Hương Hải Đà-la-ni nên các môn trị bệnh, cầu mưa rất được linh nghiệm.

Vua Lý Anh Tông cảm nhận sự linh nghiệm của Sư, cho Sư được ra vào cung vua tự do.

Sau Sư viện cố già bệnh về trụ trì chùa Quảng Báo làng Chân Hộ, Như Nguyệt, tăng chúng đến tham học thường có mặt không dưới một trăm người.

Đến ngày 11 tháng 6 niên hiệu Thiên Cảm Chí Bảo năm đầu (1174), sắp
thị tịch, Sư bảo chúng:

Đạo không hình tướng,
Trước mắt chẳng xa,
Xoay lại tìm kiếm,
Chớ cầu nơi khác.
Dù cho cầu được,
Được tức chẳng chân.
Ví có được chân,
Chân ấy vật gì?
Vì thế,
Chư Phật ba đời,
Lịch đại Tổ sư,
Ấn thọ tâm truyền,
Cũng nói như thế.
(Đạo vô ảnh tượng
Xúc mục phi diêu
Tự phản suy cầu
Mạc cầu tha đắc.
Túng nhiều cầu đắc
Đắc tức bất chân,
Thiết sử đắc chân
Chân thị hà vật
Sở dĩ
Tam thế chư Phật,
Lịch đại Tổ sư,
Ấn thọ tâm truyền,
Diệc như thị thuyết.)

Nghe ta nói kệ đây:

Thân tâm liễu ngộ mắt tuệ mở,
Biến hóa linh thông bày tướng báu.
Đi đứng ngồi nằm riêng vững vàng,
Hóa thân ứng hiện đâu tính được.
Mặc dầu đầy dẫy cả hư không,
Xem ra nào thấy có tướng gì.
Thế gian không có vật để sánh,
Thường hiện linh quang sáng khắp nơi.
Luôn luôn diễn nói không nghĩ bàn,

Không có một lời cho thỏa đáng.
(Liễu ngộ thân tâm khai tuệ nhãn,
Biến hóa linh thông hiện bảo tướng,
Hành trụ tọa ngọa độc trác nhiên,
Ứng hiện hóa thân bất khả lượng.
Tuy nhiên sung tác biến hư không,
Quan lai bất kiến như hữu tướng.
Thế gian vô vật khả tử huống,
Trường hiện linh quang, minh lãng lãng.
Thường thời diễn thuyết bất tư nghì,
Vô đắc nhất ngôn dĩ vi đáng.)

Nói xong, Sư ngời kiết già thị tịch.



Thiền Sư MINH TRÍ

(? - 1196)-(Đời thứ 10, dòng Vô Ngôn Thông)

Sư họ Tô, tên Thiền Trí, quê ở làng Phù Cầm. Tư chất thông minh, đọc khắp sách vở ngoài đời. Lúc trẻ gặp Thiền sư Đạo Huệ liền xả tục xuất gia. Theo hầu Đạo Huệ, Sư thấu đạt lý huyền diệu của Thiền, trực nhận được ý chỉ các bộ kinh Viên Giác, Nhân Vương, Pháp Hoa và sách Truyền Đăng. Do chuyên cần đọc tụng quên cả nhọc nhằn, nên nhà vua ban hiệu cho Sư là Minh Trí.

Sau Sư trụ trì chùa Phúc Thánh, tăng chúng theo học đông đảo. Một hôm Sư đang bàn luận với một vị tăng, có vị tăng bên cạnh nói:

- Nói là Văn Thù, nín là Duy Ma.

Sư bảo:- Không nói, không nín, đâu chẳng phải là ông ?

Vị tăng ấy liền chấp nhận. Sư bảo:- Sao chẳng hiện thần thông ?

Vị tăng thưa:

- Chẳng từ chối hiện thần thông, chỉ sợ Hòa thượng bắt vào dạy.

Sư bảo:- Người chưa phải là con mắt giáo ngoại biệt truyền.

Bèn nói kệ:

Giáo ngoại nên biệt truyền,

Lâu xa Phật Tổ sâu.

Nếu người cầu phân biệt,

Ánh nắng tìm khói mây.

(Giáo ngoại khả biệt truyền,

Hy di Tổ Phật uyên.

Nhược nhân dục biện đích,

Dương diễm mịch cầu yên.)

Đến niên hiệu Thiên Tư Gia Thụy thứ mười một (1196) Sư sắp thị tịch, nói kệ:

Gió từng, trăng nước sáng,
Không bóng cũng không hình.
Sắc tướng chỉ thế ấy,
Trong không tìm tiếng vang.
(Từng phong thủy nguyệt minh,
Vô ảnh diệc vô hình.
Sắc tướng giá cá thị,
Không không tầm hưởng thanh.)

Nói xong, Sư lặng lẽ thị tịch.



Thiền Sư TỊNH GIỚI

(? - 1207)-(Đời thứ 10, dòng Vô Ngôn Thông)

Sư tên Chu Hải Ngung, quê làng Giang Mão. Xuất thân trong gia đình hàn vi, nhưng tánh tình Sư rất thuần hậu, lúc nhỏ theo học Nho. Đến năm 26 tuổi, Sư mang bệnh nặng, mộng thấy thần nhân cho thuốc. Tỉnh giấc, bệnh được lành, Sư bèn quyết chí xuất gia. Theo một vị kỳ túc trong làng, Sư được thọ giới cụ túc và chuyên nghiên cứu về Luật tạng.

Nghe ở vùng Lăng Sơn thanh u vắng vẻ, tiện cho sự tu học, Sư chống gậy đi về phương đông. Trải qua bảy năm tham học, Sư gặp được Thiền sư Bảo Giác ở chùa Viên Minh, qua một câu nói, Sư liền kế hội.

Khoảng niên hiệu Chính Long Bảo Ứng (1163-1173), lúc Thiền sư Bảo Giác sắp tịch có nói:

- Sanh già bệnh chết là việc thường của người đời, riêng ta há lại khỏi sao?

Sư liền hỏi:- Ngày nay Tôn đức thế nào ?

Bảo Giác cười nói kệ:

Muôn pháp về không không thể nương,
Chân như lặng lẽ hiện tỏ tường,
Thấu tốt nguồn tâm không chỗ chỉ,
Nước tâm bóng nguyệt bật nghĩ lường.
(Vạn pháp qui không vô khả y,
Qui tịch chân như mục tiền ky,
Đạt ngộ tâm viên vô sở chỉ,

Thủy tâm thủy nguyệt dẫn tâm nghi. (Câu này nguyên văn “thủy thủy tâm nguyệt dẫn tâm nghi”, hai chữ thủy viết lộn nên đổi lại.)

Nói kệ xong, Bảo Giác truyền tâm ấn cho Sư.

Từ đây, tùy phương giáo hóa, dần dần đến chùa Quốc Thanh trên núi Linh Bí ở An Phủ, Sư bèn dừng lại trụ trì. Sư ở đây cấm túc sáu năm chuyên tu hạnh đầu-đà. Quan Châu mục tên Phạm Từ nghe danh đức rất quý mến, đến ra mắt và kính lễ, ông phát tâm thỉnh Sư đúc hồng chung để tại sơn môn.

Sau, Sư trở về làng cũ trùng tu lại ngôi chùa Quảng Thánh và quyên tiền đúc chuông, mua trống, dựng bia. Sư trụ luôn ở đây thu nhận môn đồ giáo hóa.

Có vị tăng hỏi:- Thế nào là Phật lý ?

Sư đáp:- Người, ta.

Sư thường bảo:

- Tánh của tâm chính là tánh của Như Lai tạng tâm. Thế nên tự tánh tâm thanh tịnh vậy.

Đến ngày 7 tháng 7 niên hiệu Trị Bình Long Ứng thứ ba (1207), sắp tịch Sư nói kệ:

Thời nay giảng đạo hiếm tri âm,
Chỉ bởi vì người mất đạo tâm.
Nào giống Tử Kỳ nghe nhạc giỏi,
Nghe qua suốt cả Bá Nha cầm.
(Thử thời thuyết đạo hãn tri âm,
Chỉ vị như tư tán đạo tâm.
Hề tợ Tử Kỳ đa sảng sấm,
Thính lai nhất đạt Bá Nha cầm.)

Lại nói:

Thu về mát mẻ thích trong lòng,
Tám đấu tài cao hát thông dong.
Cửa thiền những thẹn người si độn,
Biết lấy câu gì để truyền tâm.
(Thu lai lương khí sảng hung khâm,
Bát đấu tài cao đối nguyệt ngâm.
Kham tiểu thiền gia si độn khách,
Vi hà tương ngữ dĩ truyền tâm?)
Nói kệ xong, Sư ngồi kiết già thị tịch.



Thiền Sư QUẢNG NGHIÊM

(1121 - 1190)-(Đời thứ 11, dòng Vô Ngôn Thông)

Sư họ Nguyễn, quê huyện Đan Phượng, mồ côi từ thuở bé, theo học Phật pháp với người cậu là thầy Bảo Nhạc. Sau khi thầy Nhạc qua đời, Sư đi hành khước bốn phương, viếng khắp các nơi thiền tứ. Nghe Thiền sư Trí Thiền giáo hóa ở chùa Phúc Thánh hạt Diên Lãn, Sư liền đến đây tham vấn.

Một hôm nhân nghe Trí Thiền giảng ngữ lục của ngài Tuyết Đậu, đến chỗ Đạo Ngô và Tiệm Nguyên đến nhà người điều tang đối đáp về vấn đề sanh tử, Sư có sở đắc liền hỏi:

- Một câu thoại đầu ấy, người xưa nói ở trong sanh tử, lại có lý hay không ?

Trí Thiền đáp:

- Người nhận được lý này chăng ?
- Thế nào là lý không sanh tử ?
- Chỉ ở trong sanh tử khéo nhận lấy.
- Đạt vô sanh rồi.
- Vậy thì tự liễu.

Ngay câu nói này, Sư càng thấu suốt, lại hỏi:

- Làm sao bảo nhậm (gìn giữ) ?
- Đã liễu ngộ lại đồng chưa liễu.

Sư sụp xuống lạy.

*

* *

Từ đây tiếng Sư vang khắp từng lâm. Trước Sư đến chùa Thánh Ân ở làng Siêu Loại dừng trụ. Binh bộ thượng thư Phùng Giáng Tường nghe danh kính mộ, thỉnh Sư về trụ trì chùa Tịnh Quả do chính ông lập. Nơi đây Sư xiển dương tông chỉ, thiền giả đến học đều được lợi ích.

Một hôm, đệ tử nhập thất là Thường Chiếu đem kinh Kim Cang hỏi:

- “Pháp Như Lai đã được, pháp này không thật không hư”, ấy là pháp gì ?

Sư đáp:

- Người chớ hủy báng Như Lai.
- Hòa thượng chớ hủy báng kinh.
- Kinh này là ai nói?
- Hòa thượng chớ đùa với con, đâu không phải là Phật nói sao ?
- Nếu là Phật nói, vì sao trong kinh lại nói: “Nếu nói Như Lai có nói pháp tức là hủy báng Phật!” ?

Thường Chiếu không đáp được.

*

* *

Có vị tăng hỏi:- Thế nào là pháp thân ?

Sư đáp:- Pháp thân vốn không tướng.
- Thế nào là Bát-nhã ?
- Bát-nhã không hình.
- Thế nào là cảnh Tịnh Quả ?
- Cây thông, cây thu bên ngôi mộ xưa.
- Thế nào là người trong cảnh ?
- Một mình ngồi bịt miệng bình.
- Chợt gặp tri âm làm sao tiếp ?
- Tùy duyên nương đôi mày.
- Thế ấy là cháu chất Kiến Sơ, là con Âu Tông ?
- Người ngu nước Sở.
Tăng không đáp được.

*

Đến ngày 15 tháng 2 năm Canh Tuất, nhằm niên hiệu Thiên Tư Gia Thụy thứ năm (1190), Sư sắp tịch liền nói kệ:

Lìa tịch mới bàn câu tịch diệt,
Được vô sanh, sau nói vô sanh.
Làm trai có chí xông trời thăm,
Chớ dẫm Như Lai vết đã qua.
(Ly tịch phương ngôn tịch diệt khứ,
Sanh vô sanh hậu thuyết vô sanh.
Nam nhi tự hữu xung thiên chí,
Hữu hưởng Như Lai hành xứ hành.)

Nói kệ xong, Sư chấp tay vui vẻ thị tịch, thọ 69 tuổi.



Thiền Sư THƯỜNG CHIẾU

(? - 1203)-(Đời thứ 12, dòng Vô Ngôn Thông)

Sư họ Phạm, quê làng Phù Ninh. Triều Lý Cao Tông (1176-1210), Sư làm quan Lệnh Đô Tào ở cung Quảng Từ. Sau từ quan đi xuất gia theo học với Thiền sư Quảng Nghiêm ở chùa Tịnh Quả, chính Sư là người được tâm ấn. Sư ở đây hầu thầy nhiều năm.

Sau đó, Sư tìm đến phường Ông Mạc trụ trì một ngôi chùa cổ, mở mang giáo hóa môn đồ. Rồi sau, Sư dời về chùa Lục Tổ ở làng Dịch Bàng, phủ Thiên Đức trụ trì. Tăng chúng tìm đến tu học càng ngày càng đông.

Có vị tăng hỏi:- Khi vật ngã vin nhau thì thế nào?

Sư đáp:

- Về tâm tánh thì vật ngã cả hai đều quên, vì nó vô thường dễ sanh dễ diệt, sát-na (chớp mắt) không dừng thì có cái gì vin nhau ? Sanh là vật sanh, diệt là vật diệt, pháp đã được kia, thường không sanh diệt.

Tăng thưa:

- Con vẫn chưa hiểu, xin Thầy thương xót chỉ dạy ?

Sư bảo:

- Rõ được tâm mà tu hành thì tính lực dễ thành, không rõ tâm mà tu hành thì phí công vô ích.

- Thế nào là pháp thân khắp tất cả chỗ ?

- Như một lỗ chân lông khắp cả pháp giới, tất cả lỗ chân lông thấy đều như thế. Nên biết, nếu tâm không thì không có một tí kẽ hở nào không phải thân Phật. Vì cố sao? Vì pháp thân ứng hóa thành Phật không chỗ nào chẳng đến? Thế nên, phải biết đúng như thế. Như Lai dùng sức tâm tự tại, trong chỗ không khởi chuyển mà chuyển pháp luân; biết tất cả pháp thường không khởi, dùng ba thứ pháp nói đoạn, nhưng thật không đoạn mà chuyển pháp luân, biết tất cả pháp lìa biên kiến (chấp một bên) nên ở mé ly dục, nhưng không phải trừ mà chuyển pháp luân. Vào mé hư không của tất cả pháp, nên không có ngôn thuyết mà chuyển pháp luân; biết tất cả pháp là tánh Niết-bàn, nên nói rằng: tánh không tướng, tánh không tận, tánh không sanh, tánh không diệt, tánh không ngã, tánh chẳng phải chẳng ngã, tánh không chúng sanh, tánh chẳng phải chẳng chúng sanh, tánh không Bồ-tát, tánh không pháp giới, tánh không hư không, cũng không có tánh thành Phật.

Nói xong liền nói kệ:

Ở đời làm thân người,

Nơi tâm Như Lai tạng.

Chiếu soi cùng khắp nơi,

Tìm đó lại càng rộng.

(Tại thế vi nhân thân,

Tâm vi Như Lai tạng,

Chiếu diệu thả vô phương,

Tâm chi cánh tài khoáng.)

Đến ngày 24 tháng 9 niên hiệu Thiên Gia Bảo Hựu thứ hai (1203), Sư cho hay đau bụng, nhóm chúng nói kệ:

Đạo vốn không nhan sắc,

Ngày ngày lại mới tươi,

Ngoài đại thiên sa giới,

Chỗ nào chẳng là nhà.

(Đạo bản vô nhan sắc,

Tân tiên nhật nhật khoa,
Đại thiên sa giới ngoại,
Hà xứ bất vi gia.)

Nói kệ xong, Sư ngồi kiết già thị tịch.

Tác phẩm của Sư:

1. Thích Đạo Khoa Giáo, 1 quyển.
 2. Nam Tông Tự Pháp Đồ, 1 quyển.
- Và hai bài kệ trên.



Thiền Sư Y SƠN

(? - 1213)-(Đời thứ 19, dòng Tỳ-ni-đa-lưu-chi)

Sư họ Nguyễn, quê ở làng Cẩm tỉnh Nghệ An, dáng người xinh đẹp, nói năng hoạt bát. Thuở nhỏ, Sư học thông sách sử, thích việc giao du, rất chú ý đến kinh điển Phật.

Năm 30 tuổi, Sư xuất gia với một vị trưởng lão trong làng. Sau đến kinh đô tham học với Quốc sư Viên Thông. Qua câu nói của Viên Thông, Sư ngộ được huyền chỉ.

Về sau, Sư tùy phương hành hóa chí tại lợi người. Nếu được tín thí cúng dường, Sư đều để vào Phật sự. Sư thường làm văn khuyến hóa rằng:

Mến danh thích lợi, đều như bọt nước mặt ghềnh,
Cấy phước gieo duyên, trọn là trong lòng hoài bão.
(Điều danh thị lợi, giai như thủy thượng phù âu,
Thực phước chủng duyên, tận thị hung trung hoài bão.)

Sư trụ trì tại chùa Đại Bi, tràng Đại Thông, hạt Long Phước. Về già lại dời đến chùa Nam Mô, làng Yên Lãng trụ trì. Sư từng dạy môn đồ:

- Các người nên biết, Như Lai thành đẳng Chánh Giác, đối tất cả nghĩa không còn chỗ nào quán sát, đối với pháp bình đẳng không có nghi hoặc, không tâm không tướng, không đi không dừng, không lường không ngần, xa lìa hai bên, trụ ở trung đạo, vượt ngoài tất cả văn tự, truyền được tất cả chúng sanh lượng đẳng thân, được tất cả tam giới lượng đẳng thân, được tất cả Phật lượng đẳng thân, được tất cả ngôn ngữ lượng đẳng thân, được chân như lượng đẳng thân, được pháp giới lượng đẳng thân, được hư không giới lượng đẳng thân, được vô ngại giới lượng đẳng thân, được tất cả nguyện lượng đẳng thân, được tất cả hạnh lượng đẳng thân, được tất cả tịch diệt lượng đẳng thân.

Sư nói kệ:

Như Lai thành chánh giác,
Tất cả lượng bằng thân.

Xoay lại chẳng xoay lại,
Trong mắt con người nằm.

*

Chân thân thành vạn tượng,
Vạn tượng thành chân thân.
Cung trăng càn quét đỏ,
Quét đỏ tại một vầng.
(Như Lai thành chánh giác,
Nhất thiết lượng đẳng thân.
Hồi hồi bất hồi hồi,
Nhãn tình đồng tử thần.

*

Chân thân thành vạn tượng,
Vạn tượng thành chân thân.
Nguyệt điện vinh đan quế,
Đan quế tại nhất luân.)

Sắp tịch, Sư gọi môn đồ bảo: “Ta chẳng trở lại cõi này nữa.” Khi ấy, cây hoa trước nhà tự nhiên rụng bông, chim yến chim sẻ kêu vang bi thảm suốt ba tuần không dừng. Khi đó, nhằm ngày 18 tháng 3, năm thứ ba niên hiệu Kiến Gia (1213), Sư an lành thị tịch.



Thiền Sư THÂN NGHI

(? - 1216)-(Đời thứ 13, dòng Vô Ngôn Thông)

Sư họ Quách, quê ở Ngoại Trại, gia đình tu hành trong sạch. Sư xuất gia thờ Thiền sư Thường Chiếu làm thầy.

Đến khi Thiền sư Thường Chiếu sắp tịch, Sư hỏi:

- Mọi người đến thời tiết này, vì sao đều theo thế tục mà chết?

Thường Chiếu bảo:

- Người nhớ được mấy người không theo thế tục ?

Sư thưa:

- Một mình Tổ Đạt-ma.

Thường Chiếu hỏi:

- Có những đặc biệt gì ?

Sư thưa:

- Một mình đạp trên sóng trở về Tây.

- Núi Hùng Nhĩ là nhà ai ?

- Chỉ là chỗ chôn chiếc giày trong hòm mà thôi.

- Lừa người lấy lợi, đứng đầu là Thần Nghi.
- Đâu thể nói Tống Vân truyền dối, việc vua Trang Đế quật mồ thì sao ?
- Một con chó lớn sủa láo.
- Hòa thượng cũng tùy tục chẳng ?
- Tùy tục.
- Vì sao như thế ?
- Ấy là cùng người đồng điều (đồng điều tử).

Sư bỗng nhiên tỉnh ngộ, liền lễ bái thưa:- Con đã hiểu lầm rồi.

Thường Chiếu liền hét.

Sư lại thưa:

- Con thờ Hòa thượng nhiều năm, mà không biết người truyền đạo này buổi đầu là ai ? Cúi xin Hòa thượng chỉ dạy việc thứ lớp truyền pháp, khiến học giả biết được nguồn gốc.

Thường Chiếu khen Sư có lòng khẩn thiết, bèn lấy Chiếu Đối Bản của Thiền sư Thông Biện ra và ghi những điều trong tông phái làm thành Nam Tông Tự Pháp Đồ để chỉ dạy Sư. Sư xem qua xong, liền hỏi:

- Phái Nguyễn Đại Diên, phái Nguyễn Bát Nhã, vì sao không thấy trong Đồ-Bản này ?

Thường Chiếu đáp: - Ý của Thông Biện ắt có lý vậy.

*

* *

Thường Chiếu tịch, Sư về trụ trì chùa Thắng Quang làng Thị Trung, Kim Bài. Nơi đây, Sư diễn hóa tông thừa, đồ chúng theo học rất đông.

*

* *

Đến ngày 18 tháng 2 năm Bính Tý, nhằm niên hiệu Kiến Gia thứ sáu (1216) đời Lý Huệ Tông, Sư gọi đệ tử là Ân Không đến lấy Đồ-Bản của Thường Chiếu trao cho dặn: “Phương này hiện nay tuy loạn, người khéo giữ Đồ-Bản này, cẩn thận đừng để cho binh lửa làm hoại, ắt là Tổ phong của ta không mất vậy.”

Nói xong Sư tịch.



Đại Sĩ THÔNG THIÊN

(? - 1228)-(Đời thứ 13, dòng Vô Ngôn Thông)

Sư họ Đặng quê làng Ốc, An La. Sư cùng Quách Thần Nghi ở chùa Thắng Quang đồng thờ Thiền sư Thường Chiếu ở chùa Lục Tổ làm thầy.

Một hôm Sư vào thất thưa hỏi rằng:- Thế nào biết rõ Phật pháp ?

Thường Chiếu đáp:

- Phật pháp không thể biết rõ, đây đâu có pháp biết. Chư Phật như thế, tu tất cả pháp mà không thể được.

Sư ngay câu nói này lãnh ngộ yếu chỉ.

*

* *

Sư trở về cố hương, học giả nghe pháp tụ hội rất đông. Phàm có người thưa hỏi, Sư thầy đều dùng tâm ấn tâm.

Có vị tăng hỏi:- Thế nào là người xuất thế ?

Sư đáp:

- Đâu chẳng nghe người xưa nói: “Chỉ xem năm uẩn đều không, tứ đại vô ngã, chân tâm không tướng, không đi không lại, khi sanh tánh chẳng đến, khi tử tánh chẳng đi, yên tĩnh tròn lặng, tâm cảnh nhất như.” Chỉ hay như thế, liền đó chóng liễu ngộ, không bị ba đời ràng buộc, bèn là người xuất thế. Cần thiết chẳng được có một mảy may thú hưởng.

*

* *

Có vị tăng khác hỏi:- Thế nào là nghĩa vô sanh ?

Sư đáp:

- Phân biệt các uẩn này tánh nó vốn không tịch, vì không, nên không thể diệt, đây là nghĩa vô sanh.

- Thế nào là lý vô sanh ?

- Do việc điều uẩn, mới hiểu tánh không, tánh không chẳng thể diệt, ấy là lý vô sanh.

- Thế nào là Phật ?

- Tâm vốn là Phật, do đó ngài Huyền Trang nói: “Chỉ liễu ngộ tâm địa nên hiệu là Tổng Trì, ngộ pháp vô sanh gọi là Diệu Giác.”

*

* *

Đến niên hiệu Kiến Trung thứ tư (1228), đời Trần Thái Tông, vào lúc tháng 7, Sư tịch.



Thiền Sư HIỆN QUANG

(? - 1221)-(Đời thứ 14, dòng Vô Ngôn Thông)

Sư tên Lê Thuần, quê ở thành Thăng Long, tiếng nói êm ái, dung mạo xinh đẹp, mồ côi từ thuở nhỏ, nếm đủ mùi gian nan. Năm mười một tuổi được Thiền sư Thường Chiếu đem về nuôi và nhận làm học trò. Sư tư chất rất thông

minh, mỗi ngày đọc hàng vạn chữ. Không đầy mười năm, Sư thông suốt Tam học. Nhưng về tông chỉ của Thiền môn, Sư chưa kịp suy cứu thì Thiền sư Thường Chiếu đã qui tịch. Về sau, mỗi khi biện luận với ai đến chỗ thâm yếu, bị bắt bẻ, Sư trả lời không được, Sư hối hận tự than:

- Ta cũng như con nhà giàu to, lúc cha mẹ còn sống, chỉ biết ăn chơi lơ đãng, đến khi cha mẹ mất đi, thành ra mờ mờ mịt mịt, chẳng biết của cải nhà mình để đâu, rốt cuộc chỉ là kẻ nghèo thiếu.

Từ đó Sư dạo khắp từng lâm, tham tâm thiện tri thức. Đến chùa Thánh Quả gặp Thiền sư Trí Thông nói cho một câu, Sư liền phát minh tâm địa, bèn ở lại đây hầu hạ.

Sau vì nhận món đồ của bà Công chúa Hoa Dương, mà tiếng ong ve nổi lên vang dậy. Sư nghe rồi tự nghĩ:

- Phàm cùng người thế tục tới lui, ắt chẳng khỏi bị hủy nhục. Xét lại ta phải chịu như thế sao? Bồ-tát đối với Phật pháp hoặc rộng hoặc lược, là kẻ sĩ trung dung vô lượng, mà vẫn còn buồn khóc thay! Nếu không tỉnh giác mạnh mẽ, lấy nhẫn nhục làm áo giáp, lấy tinh tấn làm binh khí, thì lấy gì để đánh ma quân, dẹp phiền não, cầu được Vô thượng bồ- đề ?

Rồi Sư vào thẳng trong núi Uyên Trừng, phủ Nghệ An theo Thiền sư Pháp Giới thọ cụ túc.

Một hôm, Sư thấy thị giả bưng cơm, sẩy tay làm rơi xuống đất, sợ quá thị giả lấy tay hốt cơm vẫn còn lộn đất. Sư tự hối nói:

- Ta sống không làm lợi ích gì cho ai, luống nhọc người cung cấp, đến phải như thế.

Từ đây Sư mặc bằng lá cây, ăn các thứ trái lượm được, không dùng cơm nữa. Trải qua mười năm như thế.

Sau vì muốn tìm chỗ riêng để an dưỡng tuổi già, Sư vào sâu trong núi Từ Sơn kết cỏ làm am mà ở. Mỗi khi đi kinh hành dưới rừng, Sư dùng gậy quấy một túi vải, ngồi nằm chỗ nào các loài dã thú trông thấy đều nép phục.

Vua Lý Huệ Tông kính trọng đạo đức của Sư sắp bày đủ lễ đón tiếp. Sư ẩn tránh, sai thị giả đáp lời sứ rằng:

- Bần đạo sống nhờ đất vua, ăn lộc của vua, được xuất gia thờ Phật, đã trải nhiều năm, công đức chưa thuần thực, thật lấy làm hổ thẹn. Nếu bảo ra yết kiến vua, chẳng những không bổ ích về việc trị dân, lại chuốc lấy sự chê bai của chúng sanh. Huống là, hiện nay Phật pháp thanh hành, những bậc thầy mẫu mực trong đạo đã tụ họp về cấm túc uy nghi trong điện các. Xét lại phận hèn quê mùa này, một lá y nương trong núi hành đạo, đâu dám đến nơi ấy.

Từ đó, Sư quyết định không xuống núi.

Có vị tăng hỏi:- Hòa thượng từ ngày ở núi này đến giờ làm việc gì ?

Sư đáp bài kệ:

Hứa Do tập theo đức,
Nào biết đời mấy xuân,
Vô vi sống đồng rộng,
Người tự tại thông dong.
(Na dĩ Hứa Do đức,
Hà tri thế kỷ xuân.
Vô vi cư khoáng dã,
Tiêu diêu tự tại nhân.)

Đến mùa xuân năm Tân Ty, niên hiệu Kiến Gia thứ mười một (1221) đời Lý Huệ Tông, trước khi thị tịch, Sư ngồi ngay thẳng trên gộp đá nói kệ:

Pháp huyện đều là huyện,
Tu huyện đều là huyện,
Hai huyện đều chẳng nhận,
Tức là trừ các huyện.
(Huyện pháp giai thị huyện,
Huyện tu giai thị huyện,
Nhị huyện giai bất tức,
Tức thị trừ chư huyện.)

Nói kệ xong, Sư an nhiên mà hóa. Môn nhân là Đạo Viên sắm đủ lễ táng Sư trong hang núi.



Thiền Sư TỨC LỰ

(Đời thứ 14, dòng Vô Ngôn Thông)

Sư quê ở Chu Minh, lúc nhỏ thông minh đọc hết các sách thế tục. Một hôm, Sư bỏ hết sở học, theo làm đồ đệ Đại sĩ Thông Thiền thưa hỏi chỗ huyền yếu.

Thường đến ngày giải hạ Sư đặt bẫy, bắt được một con chim Mãi Quĩ đem về dâng cho thầy.

Thông Thiền kinh ngạc bảo:

- Người đã làm tăng, sao lại phạm tội sát sanh? Làm sao tránh khỏi quả báo ngày sau ?

Sư thưa:

- Con chính khi ấy chẳng thấy có vật này, và cũng chẳng thấy có thân con, cũng chẳng biết có quả báo sát sanh, cho nên mới làm thế này.

Thông Thiền biết Sư là pháp khí bèn cho vào thất, mật truyền tâm ấn rằng:

- Người nếu dùng đến chỗ đất ấy, dù có tạo tội ngũ nghịch, thất giá, cũng được thành Phật.

Có vị tăng bên cạnh nghe trộm lời này, bèn kêu to rằng:

- Khổ thay, dù có việc thế ấy, tôi cũng chẳng nhận.

Thông Thiên lên tiếng bảo:

- Trộm! Trộm! Đâu nên, phi nhân sẽ gặp cơ hội tốt.

Sư nghe câu nói ấy liền lãnh ngộ.

Sau Sư trở về chùa Thông Thánh làng Chu Minh, phủ Thiên Đức trụ trì. Ở đây, Sư giảng dạy cho môn đồ tông chỉ Thiên tông. Có người học trò lanh lợi là cư sĩ Ứng Thuận kế thừa tông của Sư.



CƯ SĨ ỨNG THUẬN VƯƠNG

(Đời thứ 15, dòng Vô Ngôn Thông)

Ông tên Đỗ Văn, quê phường Hoa Thị, kinh đô Thăng Long. Tánh tình khoáng đạt không chịu đeo đuổi theo việc đời. Ban đầu làm chức quan trong triều Chiêu Lăng (Trần Thái Tông), đến hàng Trung phẩm Phụng ngự.

Khi rảnh việc, ông dốc chí học thiền, tay không rời kinh sách, sưu tầm cùng tận ý Tổ, thấu suốt tâm tông. Ông làm đệ tử Thiền sư Tức Lự ở chùa Thông Thánh và thông suốt mật chỉ. Do đó, Thiền sư Tức Lự chẳng ngại đem tâm ấn trao truyền cho ông.

Sau khi đắc truyền, ông là người tai mắt trong tông lâm, đồng loạt với Quốc sư Nhất Tông, Thiền sư Tiêu Dao, Thiền sư Giới Minh, Thiền sư Giới Viên ấy vậy.



TRẦN THÁI TÔNG ÔNG VUA THIỀN SƯ

(1218 - 1277)

Trần Thái Tông tên Trần Cảnh, con thứ của Trần Thừa, sinh năm Mậu Dần niên hiệu Kiến Gia thứ tám (1218) triều Lý. Gia thế ở hương Tức Mặc, phủ Thiên Trường (nay là xã Tức Mặc huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định); ông cha làm nghề đánh cá. Nhờ có công dẹp loạn, họ Trần dần dần có thế lực từ đời Lý Cao Tông. Trần Cảnh mới có tám tuổi được Lý Chiêu Hoàng nhận làm chồng và truyền ngôi cho, lấy hiệu là Thái Tông.

Năm Thái Tông lên 20 tuổi, Lý Chiêu Hoàng 19 tuổi đang là Hoàng hậu, bị Trần Thủ Độ ép Thái Tông giáng Chiêu Hoàng làm Công chúa, lấy Thuận Thiên là vợ Trần Liễu (anh ruột Thái Tông) làm Hoàng hậu. Lý do, vì Thủ Độ nôn nóng Thái Tông có con để kế thừa, mà Chiêu Hoàng chậm con, Thuận

Thiên đang mang thai. Trần Liễu phẫn uất nổi loạn tháng giêng năm Bính Thân (1236).

Do nhiều nỗi khổ và lòng ray rứt bất an, lúc 10 giờ đêm ngày mồng ba tháng tư năm 1236, vua Thái Tông bỏ ngai vàng, trốn lên núi Yên Tử đi tu. Vua đem theo một số tùy tùng, nói đi để nghe dư luận dân gian, biết rõ sự thực cho dễ bề trị nước. Sang sông, đoàn người đi về phía đông. Bây giờ vua mới nói rõ ý định đi tu với các người tùy tùng và bảo họ trở về. Mọi người đều ngạc nhiên và khóc lóc. Vào khoảng sáu giờ sáng hôm sau vua đến bến đò Đại Than ở núi Phả Lại. Trời sáng, sợ người nhận ra, vua lấy vạt áo che mặt mà qua đò, rồi theo đường tắt lên núi. Đến tối, vua vào nghỉ trong chùa Giác Hạnh, đợi sáng lại đi. Khó khăn trèo núi hiểm, lộ suối sâu, con ngựa đã yếu không thể lên núi được nữa, vua phải bỏ ngựa vịn vào các tảng đá mà đi. Khoảng hai giờ trưa mới đến chân núi Yên Tử. Sáng hôm sau, vua lên thẳng đỉnh núi và vào tham kiến Thiền sư Trúc Lâm (có lẽ Thiền sư Đạo Viên).

“Thấy Trẫm, Quốc sư mừng rỡ. Người ung dung bảo Trẫm: Lão tăng ở chốn sơn dã đã lâu, xương cứng mặt gầy, ăn rau răm, nhai hạt dẻ, uống nước suối, vui cảnh núi rừng đã quen, lòng nhẹ như đám mây nổi, cho nên mới theo gió mà đến đây. Nay bệ hạ bỏ địa vị nhân chủ mà nghĩ đến cảnh quê mùa rừng núi, hẳn là muốn tìm cầu gì ở đây cho nên mới đến, phải không? Trẫm nghe lời thầy hỏi, hai hàng nước mắt ứa ra, liền thưa với thầy rằng: Trẫm còn thơ ấu, đã sớm mất mẹ cha, trơ vơ đứng trên sĩ dân, không có nơi nào để nương tựa. Lại nghĩ rằng sự nghiệp đế vương đời trước hưng phế bất thường, cho nên mới vào đây, chỉ muốn cầu thành Phật, chứ chẳng muốn tìm gì khác. Thầy đáp: Trong núi vốn không có Phật, Phật ở trong tâm ta. Nếu tâm lắng lặng trí tuệ xuất hiện, đó chính là Phật. Nếu bệ hạ giác ngộ được tâm ấy thì tức khắc thành Phật ngay tại chỗ, không cần đi tìm cực khổ ở bên ngoài.” (Bài tựa sách Thiền Tông Chỉ Nam)

Hôm sau, Trần Thủ Độ đem các quan lên núi Yên Tử đón vua về kinh. Bài tựa Thiền Tông Chỉ Nam, Thái Tông viết: “Thấy Trẫm, Trần Công thống thiết nói: Tôi chịu lời ủy thác của Tiên quân, phụng sự nhà vua trong việc làm chủ thần dân. Nhân dân đang mong đợi bệ hạ như con đò trông đợi cha mẹ. Huống chi ngày nay các vị cố lão trong triều đều là họ hàng thân thích, sĩ thứ trong nước ai nấy đều vui vẻ phục tùng, đến đưa trẻ lên bầy cũng biết nhà vua là cha mẹ dân. Vả lại Thái Tổ vừa mới bỏ tôi mà đi, hòn đất trên nắm mồ chưa ráo, lời dặn dò bên tai còn văng vẳng, thế mà bệ hạ đã lánh vào chốn núi rừng ẩn cư để cầu thỏa lấy ý chí riêng của mình. Tôi dám nói rằng bệ hạ vì sự tự tu cho riêng mình mà làm vậy thì được, nhưng còn quốc gia xã tắc thì sao? Nếu để lời khen suông cho đời sau thì sao bằng lấy ngay thân mình làm người dẫn

đạo cho thiên hạ? Bệ hạ nếu không nghĩ lại, quần thần chúng tôi cùng thiên hạ sẽ xin cùng chết cả trong ngày hôm nay, quyết không trở về.

Trẫm nghe Thái sư và các quần thần bô lão đều không chịu bỏ Trẫm, cho nên mới đem lời Thái sư mà bạch lại với Quốc sư, Quốc sư cầm tay Trẫm mà nói: Phàm làm đấng nhân quân, thì phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, và tâm thiên hạ làm tâm của mình. Nay thiên hạ muốn đón bệ hạ về, bệ hạ không về sao được? Tuy nhiên sự nghiên cứu nội điển xin bệ hạ đừng phút nào quên.

Bởi vậy Trẫm với mọi người trong triều mới trở về kinh, miễn cưỡng mà lên lại ngôi báu. Ròng rã trong mười năm trời, mỗi khi có cơ hội việc nước nhàn rỗi, Trẫm lại tụ họp các bậc kỳ đức để học hỏi đạo thiên. Các kinh điển của các hệ thống giáo lý chính, không kinh nào là Trẫm không nghiên cứu. Trẫm thường đọc kinh Kim Cương, một hôm đọc đến câu ‘Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm’, buông kinh xuống chiêm nghiệm, bỗng hoá nhiên tự ngộ...”

Thái Tông là ông vua chăm học, trong bài tựa kinh Kim Cương Tam-muội ông viết:

“Trẫm lo việc chăn dân, mỗi lúc gian nan thường lẫn lóc trong công việc, quên cả sớm chiều. Công việc thì có hàng vạn thứ mà thì giờ nhàn rỗi không có được bao lâu. Siêng công việc, tiếc ngày giờ, Trẫm cố học hành thêm. Chữ nghĩa thì chưa biết được bao lâu, cho nên ban đêm đến giờ khuya vẫn còn phải thức để đọc sách; học sách Nho rồi còn học kinh Phật.”

Thái Tông quả là ông vua cần mẫn hiếu học, không buông mình theo dục lạc.

Chẳng những thế, Thái Tông lại là ông vua anh hùng. Năm 1257 giặc Mông Cổ xâm lăng đất nước, Thái Tông đích thân tham gia chỉ huy nhiều trận, có mặt ở cả mọi nơi nguy hiểm, khiến quân sĩ đều nức lòng chiến đấu. Kết quả quân ta đã đánh tan quân xâm lược, giặc Mông Cổ tháo thân chạy về Vân Nam vào đầu năm 1258. Đây là ông vua vừa đạo đức vừa anh hùng, làm sáng rõ những trang sử oai hùng của dân tộc Việt Nam.

Sau cuộc chiến, đất nước thái bình, Trần Thái Tông nhường ngôi cho con năm 1258 lên làm Thái thượng hoàng. Từ đây Thái Tông vừa làm cố vấn cho con, vừa lo nghiên cứu tu thiên. Đến lúc vua Trần Thánh Tông đủ sức đảm đương việc nước, ông lui về lập am Thái Vi ở vùng rừng núi Vĩ Lâm cố đô Hoa Lư để an dân lập ấp và tu hành.

Thái Tông cũng là nhà văn, đời Ngài viết khá nhiều tác phẩm, hiện nay còn thấy trong tập Khóa Hư Lục. Thử trích một vài đoạn để chứng thực điều này:

Trong bài Phổ Thuyết Sắc Thân có đoạn:

“Khi xưa tóc mượt má hồng, ngày nay tro xanh xương trắng; khi mưa lệ tưới mây ảm đạm, lúc gió sầu lay nguyệt mơ màng; canh tàn thì quỷ khóc thần sầu, năm muộn thì trâu giày ngựa đạp. Đom đóm lập lòe trong cỏ biếc, côn trùng rên rỉ ngọn dương trời. Bia đá một nửa phủ rêu xanh, tiêu mục đạp ngang thành lối tắt...”

Hoặc đoạn khác trong bài Phổ Khuyến Phát Bồ-đề Tâm:

“Công danh cái thế, chẳng qua một giấc mộng dài, phú quý kinh người, khó tránh ‘vô thường’ hai chữ. Tranh nhân chấp ngã, rốt cuộc là không; khoe giỏi khoe hay rốt cùng chẳng thực. Tứ đại rã rời thôi già trẻ, núi khe mòn mỏi hết anh hùng. Tóc xanh chưa mấy mà màu bạc đã pha, kẻ mừng mới đi mà người điếu đã tới. Một bao máu mủ, bao năm khổ luyện ân tình; bảy thước xương khô, mặc sức xan tham tiền của. Thở ra không hện thở vào, ngày nay không tin ngày kế; trôi nổi sông yêu giờ nào nghỉ, nấu nung nhà cháy biết bao thôi ?”

Thái Tông là một Thiền sư có tầm cỡ. Đầu tiên Ngài đã ngộ câu “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” trong kinh Kim Cương. Sau Ngài còn tập họp các bậc kỳ đức để tham vấn thiền. Những năm làm Thái thượng hoàng, Ngài có thì giờ nghiên tâm thấu suốt, cho nên có người tham vấn, liền đáp một cách tự tại. Nghe danh Ngài, vị tăng Đức Thành người Tống đến hỏi:

- Đức Thế Tôn chưa rời Đâu-suất đã giáng vương cung, chưa ra khỏi thai mẹ độ hết chúng sanh là thế nào?

Ngài đáp:

-Ngàn sông có nước, ngàn sông nguyệt,
Muôn dặm không mây muôn dặm trời.
(Thiên giang hữu thủy thiên giang nguyệt,
Vạn lý vô vân vạn lý thiên.)

Tăng khác hỏi:- Được trên phần của học nhân có tu chứng chăng?

Ngài đáp:

- Nước chảy xuống non nào có ý,
Mây ra khỏi núi vốn không tâm.
(Lưu thủy hạ sơn phi hữu ý,
Bạch vân xuất tụ bản vô tâm.)

Đến niên hiệu Bảo Phù thứ năm (1277), Ngài tịch, thọ 60 tuổi. Ngài viết những tác phẩm:

- 1) Thiền Tông Chỉ Nam
- 2) Kim Cương Tam-muội Kinh chú giải
- 3) Lục Thời Sám Hối Khoa Nghi
- 4) Bình Đăng Lễ Sám Văn

- 5) Khóa Hư Lục
- 6) Thi Tập



Phiên âm: PHỔ THUYẾT SẮC THÂN

Chư nhân đẳng, thân vi khổ bản, chất thị nghiệp nhân. Nhược tự dĩ thử vi chân, dã thị nhận tặc tác tử.

Nhĩ khả tử tế khan lai, chỉ giá sắc thân vị nhập bào thai chi nhật, na xứ đấc hữu? Cái do niệm khởi duyên hội, ngũ uẩn hợp thành, thể mạo vọng sinh, hình dung giả xuất, vong chân vong bản, hiện nguy hiện hư. Hoặc nữ hoặc nam, hoặc nghiên hoặc xú, tận thị tưng tâm phóng khứ, đô vô thoái bộ hồi qui, khu trì sinh tử lộ đầu, thất khước bản lai diện mục. Do thị cung mâu ngoại nhận, thùy tri cố thủ nội khan. Lai thời sinh thị hóa sinh, đáo xứ mộng trung thuyết mộng. Ba ba lục lục, dịch dịch thông thông; dĩ huyễn vi chân, bội không xu sắc, khô lâu thược tháp hoa trâm ngọc; xú bì đại đối xạ huân lan. Tiển la ý khóa nùng huyết năng, điều diên hoa ngự thỉ niệu thung. Như tư ngoại sức, chung thị uest căn. Bất năng giá lý tự tâm; phản hưởng cá trung trước ái.

Chư nhân đẳng! Đại tợ cơ quan khối lỗi, toàn bằng ti tuyến khiên trừu; lộng lai lộng khứ dữ sinh đồng, phóng hậu thu thời chân tử dạng. Tự khởi vạn ban kế hiệu, đô duyên lục tặc giao công; bất ưu lão bệnh tử lai, quản tham tửu sắc tài khứ. Đồ cạnh dăng đầu oa giác, cam vi lợi tỏa danh cương. Nhật gian phí tận hãnh cầu, dạ lý phiến thành mộng tưởng. Tích đấc nghiệp cấu như tỉnh, bất tri mấn phát tợ sương. Nhất triều hoạn nhiễm trầm kha, bách tuế chung qui đại mộng. Tâm can đồng thống, phản nhược oan thù; cơ thể suy vi chân như ngạ quỷ. Thượng dục kỳ thân đảo mệnh, bất tri sát vật thương sinh. Tương kỳ nhất thế đấng trường tưng, bất giác tứ chi chân lậu ốc. Hồn phách tuy qui quỷ giới, thi hài do ủy nhân gian. Phát mao trảo xỉ vị cập tiêu, thế thóa tân dịch tiên bính xuất. Hủ lạn tặc lưu nùng lưu huyết; ô uest tặc huân địa huân thiên. Bão hắc bất kham quan, ứ thanh chân khả ố. Bất luận bản phú, đồng nhập tử vong. Hoặc tàng ư thất tặc trùng xuất hủ sinh, hoặc khí ư lộ tặc nha xan khuyến thực. Thế nhân giai yếm tị nhi quá, hiếu tử phản lũy ly dĩ tàng; thập cốt thâu hài, yếm cách mai tủy. Quan liệm phó nhất tinh dã hỏa, thổ đôi táng vạn lý hoang sơn. Tích thời lục mấn chu nhan; kim nhật thanh khôi bạch cốt. Lệ vũ sái thời vân thăm thăm, bi phong động xứ nguyệt vi vi. Dạ lan tặc quỷ khốc thần sâu, tuế cửu tặc ngư tàn mã tiển. Huỳnh hỏa chiếu khai thanh thảo lý, cung thanh ngâm đoạn bạch dương sao. Bi minh bán một tỏa thanh đài, tiêu mục đập xuyên thành khê kính. Nhậm thị văn chương cái thế, tưng nhiều tài mạo khuynh thành. Đáo đầu khởi hữu dị đồ, triệt để dã đồng nhất trước. Nhãn bị sắc

khiên qui kiểm thụ, nhĩ tùy thanh dẫn thượng đao sơn. Tị đầu khứu trước xú yên tinh, thiết lý khiết lai thiết hoàn nhiệt. Thân khiếp dương đồng câu quán khái; ý toan hỏa hoạch mỗi ngao tiên. Nhân gian lịch tận bách xuân thu, ngục nội phương vi nhất trú dạ.

Nhược thị tác gia cụ nhân, trực tu tảo cấp hồi quan. Phiên thân khiêu xuất tử sinh khò; đàn chỉ liệt khai ân ái võng. Túng nhĩ nam, túng nhĩ nữ tổng thị kham tu; nhậm cử trí nhậm cử ngu tận giai hữu phận. Nhược vị đạt Phật tâm tổ ý, thả tiên bằng trì giới niệm kinh; cập Phật diệc phi, Tổ diệc phi tắc giới hà trì kinh hà niệm. Cư huyển sắc diệc danh chân sắc, xử phạm thân dã thị pháp thân; phá lục tặc vi lục thần thông, du bát khổ tác bát tự tại. Tuy ngôn nhậm ma nhi nhân nhân ký nhập giá sắc thân lý, khứ dã thị nan nan.

Chư nhân đặng ! Chỉ giá sắc thân, hựu tác thập ma sinh thoát dã? Nhược vị năng thoát tu lai thính thủ.

Kệ viết:

Vô vị chân nhân xích nhục đoàn
Hồng hồng bạch bạch mạc tương man
Thùy tri vân quyện, trường không tịnh
Thúy lộ thiên biên, nhất dạng san.

Dịch: NÓI RỘNG SẮC THÂN

Hết thấy các người! Thân là gốc khổ, thể chất là nhân nơi nghiệp, nếu tự cho nó là thật, cũng là nhận giặc làm con.

Các ông nên chín chắn xem, chỉ sắc thân này khi chừa vào bào thai thì nơi nào được có. Bởi do niệm khởi duyên hội, năm uẩn hợp thành, thể mạo vọng sanh, hình dung giả có. Quên thật quên gốc, hiện giả hiện đối, hoặc nữ hoặc nam, hoặc đẹp hoặc xấu. Trọn là buông tâm chạy đi, toàn không một bước trở về, chạy rong trên đường sinh tử, mất tuốt “bản lai diện mục”. Do đó, giương mắt nhìn bên ngoài, ai biết xoay đầu ngó lại bên trong. Khi lại, sanh là hóa sanh. Nơi đến, trong mộng nói mộng, lằng xằng lộn xộn, vội vội vàng vàng, lấy giả làm chân, trái không đến sắc. Đầu sọ khô cài hoa giắt ngọc, túi da hôi ướp xạ xông hương, cất lụ là che đậy máu tanh, giồi son phấn át thùng phân thú. Trang sức như thế trọn là gốc nhớp. Không thể nơi đây tự thẹn, lại hưởng trong ấy mến yêu.

Hết thấy các người! Giống het con rối, đều nhờ sợi tơ kéo rút, đùa đến đùa đi cùng sanh một thứ, sau khi buông đi thật là đáng chết. Tự khởi muôn việc tính toán, đều do lục tặc công phá. Chẳng lo già bệnh chết đến, chỉ thích sắc tài rượu thịt. Luống đua đầu lằng sừng ốc (Đầu lằng sừng ốc: cái lợi nhỏ nhoi.)cam chịu lợi ràng danh buộc. Trọn ngày dồn sức mong cầu, tối lại trở

thành mộng tưởng. Chất chứa nghiệp dơ như giếng, chẳng biết tóc bạc như sương. Một hôm bệnh nặng trầm kha, trăm năm trọn về mộng lớn. Tim gan đau đớn dường thể oán thù, thân thể ốm gầy giống như quả đói. Còn muốn cầu đảo sống dai, nào biết sát sinh hại mạng. Chỉ mong biết đời sống như từng bá, đâu ngờ thân thể ví tựa nhà xiêu. Hồn phách tuy về cõi quỷ, thi hài vẫn còn ở nhân gian, tóc lông răng móng chưa kịp tiêu, đàm dãi máu me đều chảy trước. Rửa nát thì máu mủ chảy trào, hôi hám ất xông trời xông đất, đen nám chẳng dám nhìn, xanh bầm thật đáng tởm. Chẳng luận giàu nghèo đồng vào cõi chết, hoặc để trong nhà thì giới đục rửa sinh, hoặc ném ra đường quạ ăn chó xé. Người đời đều bịt mũi đi qua, con hiếu thì lấy chiếu mền quấn giấu. Nhật thu hài cốt, chôn cất thối xương. Quan quách phó cho đóm lửa ma trời nơi hoang dã, mả mồ giao cho muôn dặm núi sông. Khi xưa tóc đen má ửng, ngày nay xương trắng tro đen. Khi mưa lệ rơi thì mây sầu thâm thắm, lúc gió buồn thổi thì trăng sáng hắt hiu. Đêm vắng thì quỷ khóc thần sầu, năm dài thì ngựa giày trâu đạp. Lửa đom đóm lập lòe trong đám cỏ xanh, tiếng đế ngâm nỉ non cạnh hàng dương liễu. Bia ghi nửa chìm, rêu xanh phủ, tiêu phu dậm mãi thành lối mòn. Dầu cho văn chương cái thế, giả sử tài sắc nghiêng thành, chung cuộc đâu có đường khác, cuối cùng cũng chỉ một lối đi. Mắt bị sắc dẫn trèo lên cây kiếm; tai theo tiếng lôi tiến lên núi đao; lỗ mũi ngửi toàn mùi hôi hám; trong lưỡi ăn sắt nóng nuốt hoai; thân khiếp sợ nước đồng sôi nóng dội; ý chua cay vạc dầu sôi nung nấu. Nhân gian trọn một trăm năm, trong địa ngục mới là sáng tối.

Nếu người tác gia đủ mắt, cần phải sớm gấp hồi quang, chuyển thân nhảy khỏi vòng sanh tử, khoảng khảy tay cắt đứt lưới ái ân. Dù là nam hay nữ thủy đều tu được; dẫu rằng trí hay ngu trọn đều có phần. Nếu chưa đạt được Phật tâm, Tổ ý, hãy trước nương trì giới tụng kinh. Đến lúc Phật cũng chẳng phải, Tổ cũng chẳng phải, thì giới gì trì, kinh nào tụng. Nơi sắc huyện cũng là chân sắc, ở thân phàm cũng là thân Phật. Phá sáu thức làm sáu thần thông, đạo tám khổ (Tám khổ là: sanh, lão, bệnh, tử, cầu chẳng được, thương yêu chia lìa, oán thù chung hội, thân năm ấm hưng thịnh.) thành tám tự tại (Tám tự tại: Một thân hiện nhiều thân như số vi trần. - Thân nhiều như vi trần ở khắp các cõi Phật. - Thân lớn của Phật đến các thế giới. - Phật hiện vô số thân. - sáu căn hộ dụng. - Phật đạt tất cả pháp vẫn như không được. - Phật thuyết pháp tự tại.). Tuy nói thế ấy, mà mỗi người vào trong sắc thân rồi, bỏ đó thật khó thay !

Hết thủy các người! Chỉ sắc thân này lại làm sao giải thoát ? Nếu chưa giải thoát, cần phải nghe đây:

Vô vị chân nhân thệ đồ au,
Hồng hồng bạch bạch chớ lằm nhau.
Ai hay mây cuộn, không toàn tịnh,

Sương biếc bên trời, một núi xanh.



Phiên âm: PHỔ KHUYẾN PHÁT BỒ ĐỀ TÂM

Phù thế chi chí quý giả, duy kim ngọc nhĩ. Nhiên sát kỳ sở trọng, thẩm kỳ sở tích phản bất cập ư thân mệnh giả dã. Giả như hữu phú quý gia nhân bá vi đại tướng, dụng hoàng kim vi giáp dĩ bị kỳ thân. Chí lâm chiến chi nhật, binh nhận ký nhiếp chi thời, hoặc khí giáp duệ binh nhi tẩu, ký đắc toàn ư nhất thân nhi dĩ, nhi hoàng kim chi giáp khởi hạ cố tai! Nãi tri hoàng kim chi trọng bất túc dĩ tở thân mệnh giả, thử chi vị dã.

Kim giả bất nhiên phản quý kỳ vật nhi tiện kỳ thân, bất tri kỳ thân, hữu nan phùng giả tam. Hà giả vi tam ?

Nhất giả, lục đạo chi trung duy nhân vi quý. Chí nhãn quang lạc địa chi thời, hôn hôn mộng mộng, bất tri sở xu. Hoặc nhập địa ngục, a-tu-la, nga quỷ, súc sinh chi đạo, bất đắc vi nhân, thị nhất nan phùng dã.

Nhị giả, ký đắc vi nhân, hoặc sinh man di chi xứ, dục tặc đồng xuyên, ngoạ tặc đồng sàng, tôn ti hỗn xử, nam nữ tạp cư; bất bị nhân phong, bất điều thánh hóa. Thử nhị nan phùng dã.

Tam giả, ký đắc sinh ư trung quốc, lục căn bất cụ, tứ thể bất toàn, manh lung ám á, sậm sức luy loan, khẩu tị tinh chiêm, thân hình xú lạn; sự bất dĩ cận, chúng mạc nan thân. Tuy cư hoa hạ chi trung, nhược xử cùng hoang chi ngoại. Thử tam nan phùng dã.

Kim ký vi nhân đắc sinh ư trung quốc, hựu lục căn toàn cụ, khởi bất vi quý hồ ? Phàm thế chi nhân, mỗi khu khu ư danh lợi chi đồ, thương kỳ thân lao kỳ hình; khí kỳ thân mệnh chi chí trọng, dịch ư tài hóa chi chí khinh; dữ thực bỉnh vong thể, hàm phạm vong giáp, hữu hà dị tai ! Tuy ngôn thân mệnh chi chí trọng, do vị túc trọng ư chí đạo giả dã. Cố Khổng Tử viết: Triệu văn đạo, tịch tử khả hỷ. Lão Tử viết: Ngô sở dĩ hữu đại hoạn giả, vị ngô hữu thân. Thế Tôn cầu đạo xả thân cứu hổ, khởi phi tam thánh nhân khinh thân nhi trọng đạo giả tai ! Ô hô ! Thân mệnh chi chí trọng nhi thượng ưng xả cầu vô thượng bồ-đề, huống kim ngọc tài bảo chi chí khinh hựu hà tích tai! Hu, thập thất chi áp thượng hữu trung tín, cử thế chi nhân khởi vô thông minh kiệt tuệ giả hồ ? Thảng văn tư ngôn, cố đương mẫn học, vật tự trì nghi. Kinh vân : nhất thất nhân thân, vạn kiếp bất phục, thâm khả thống tai ! Cố Khổng Tử hữu ngôn : Nhân nhi vô vi, ngô mặt như chi, hà dã dĩ hĩ !

Tường phù bách niên quang ảnh toàn tại sát-na; tứ đại huyễn thân, khởi năng trường cửu. Mỗi nhật trần lao mịch mịch, chung triêu nghiệp thức mang mang. Bất tri nhất tính chi viên minh; đồ sinh lục căn chi tham dục. Công danh

cái thế, vô phi đại mộng nhất trường, phú quý kinh nhân, nan miễn vô thường
nhị tự. Tranh nhân tranh ngã, đáo để thành không; khoa hội khoa năng, tất cánh
phi thật.

Phong hỏa tán thời vô lão thiếu,

Khê sơn ma tận kỷ anh hùng.

Lục mấn vị kỷ nhi bạch phát tảo xâm; hạ giả tài lâm nhi điều giả tùy chí.
Nhất bao nùng huyết trường niên khổ luyện ân tình; thất xích độc lâu tứ ý xan
tham tài bảo. Xuất tức nan kỳ nhập tức, kim triều bất bảo lai triều.

Ái hà xuất một kỷ thời hư

Hỏa trạch ưu tiên hà nhật liễu.

Bất nguyện xuất ly nghiệp võng, chỉ nhân vị hữu công phu. Diêm-la
vương hốt địa lai truy, Thôi tướng công khởi dung triển hạn. Hồi thủ gia thân đô
bất kiến, đáo đầu nghiệp báo tự thừa đương. Quý vương ngục tốt nhất nhậm khi
lãng; kiếm thụ đao sơn cánh vô thôi để. Hoặc nhiếp Ốc tiêu sơn hạ, hoặc tại
Thiết vi sơn gian. Thụ hoạch thang tắc vạn tử thiên sinh; tao thóa hạp tắc nhất
đao lưỡng đoạn. Cơ thôn nhiệt thiết, khát ẩm dung đồng. Thập nhị thời cam thụ
khổ tâm; ngũ bách kiếp bất kiến đầu ảnh. Thụ túc tội nghiệp, phục nhập luân
hồi. Đốn thất cự thời nhân thân, hoán khước giá hồi bì đại. Phi mao đối giác,
hàm thiết phụ yên; dĩ nhục cung nhân, dụng mệnh hoàn trái. Sinh bị đao châm
chi khổ, hoạt tao thang hỏa chi tai; hổ tích oan khiên, đệ tương thực hám. Na
thời truy hồi, học đạo vô nhân. Hà như trực hạ thừa đương, mạc đãi kim sinh sa
quá. Thích Ca Văn Phật, xả hoàng cung nhi trực vãng Tuyết Sơn, cư sĩ Bàn
Công, tướng gia tài nhi tất trầm thương hải. Chân Vũ bất thống vương vị duy vụ
tu hành; Lã Công ký tác thần tiên thượng cần tham vấn. Tô học sĩ thường thân
Phật Ấn, Hàn Văn Công chung lễ Đại Điền. Bùi công đoạt hốt ư Thạch Sương,
Phòng Tướng vấn pháp ư Quốc Nhất. Diệu Thiện bất chiêu phò mã, thành Phật
vô nghi; Lục Tổ tương ngộ khách nhân, thính kinh đốn ngộ. Thiền đạo nhược
vô hướng vị, thánh hiền hà khảng qui y ? Hoa Lâm cảm nhị hổ tùy thân, Đầu
Tử hữu tam nha báo hiếu. Lý trưởng giả giải kinh nhi thiên trừ tống thực, Tu-
bồ-đề đả tọa nhi Đế Thích tán hoa. Đạt-ma chích lý tây qui, Phổ Hóa giao linh
đăng khứ. La Hán lai tham ư Ngưỡng Sơn Hòa thượng. Nhạc đế thụ giới ư Tư
Đại thiền sư. Kính Sơn chí kim do thị Long vương đả cúng, Tuyết Phong vãng
tích năng sử mộc nhân khai sơn. Thử giai dĩ nghiệm chi nhân do, thiết mạc tự
khinh nhi thoái khuất. Dã hồ thượng thính Bách Trượng pháp, loa sư do hộ Kim
Cương kinh. Thập thiên du ngư văn Phật hiệu nhi hóa vi thiên tử, ngũ bách biến
bức thính pháp âm nhi tổng tác thánh hiền. Mãng văn sám dĩ sinh thiên, long
thính kinh nhi ngộ đạo. Bử vật thượng năng lĩnh ngộ, hướng nhân hà bất hồi tâm.
Hoặc hữu mai đầu khiết phạm nhi không quá nhất sinh; hoặc hữu thác lộ tu

hành nhi bất tỉnh giá ý. Khởi thức Bồ Đề giác tính cá cá viên thành; tranh tri bát nhã thiện căn nhân nhân cụ túc. Mạc vấn đại ẩn tiểu ẩn, hưu biệt tại gia xuất gia. Bất câu tăng tục nhi chỉ yếu biện tâm, bản vô nam nữ hà tu trước tướng. Vị minh nhân vọng phân tam giáo, liễu đặc để đồng ngộ nhất tâm: Nhược năng phản chiếu hồi quang, giai đặc kiến tánh thành Phật. Hựu hướng nhân thân dị thất, Phật pháp nan phùng. Dục siêu lục đạo chi chu lưu, duy hữu nhất thừa chi tiệp kính. Tu cầu chính kiến, mạc tín tà sư. Ngộ liễu phương thị nhập đầu, hành đặc thủy năng thoát tục. Bộ bộ đạp trước thực địa, đầu đầu đỉnh đối hư không. Dụng thời tắc vạn cảnh toàn chương, phóng hạ tắc nhất trần bất lập. Siêu sinh tử bất tương quan chi địa, liễu quỷ thần thư bất phá chi cơ.

Thị phàm thị thánh nhi đồng nhập lộ đầu, hoặc oán hoặc thân nhi cộng nhất tị khố. Như tư thực ngộ, thượng trệ bán đồ, hưu thuyết hưởng thượng tam huyền, yếu liễu mật hậu nhất trước. Thả đạo tức kim hoán nả cá tổ mật hậu nhất trước ?

Thanh sơn đê xứ kiến thiên khoát

Hồng ngẫu khai thời văn thủy hương.

Dịch: RỘNG KHUYẾN PHÁT TÂM BỒ ĐỀ

Ở đời cái quý tốt chỉ là vàng ngọc mà thôi. Nhưng xét kỹ chỗ quý tiếc ấy, chẳng bằng thân mạng. Ví như có người giàu sang được phong làm đại tướng, dùng vàng ròng làm giáp để che đỡ cho thân. Đến khi lâm chiến binh đao bị thua, hoặc cởi giáp ném gươm mà chạy, mong được thân mạng an toàn mà thôi, giáp vàng ròng đâu rảnh nghĩ tiếc. Mới biết, cái quý vàng ròng chẳng bằng cái quý thân mạng, đây là thực vậy.

Ngày nay thì không thế, trái lại quý vật kia mà khinh thân này. Chẳng biết thân này khó được có ba. Thế nào là ba ?

1- Trong lục đạo chỉ người là quý, đến khi nhắm mắt đi rồi, mờ mờ mịt mịt chẳng biết chỗ đến. Hoặc vào đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la chẳng được làm người. Đây là cái khó được thứ nhất.

2- Đã được làm người, lại sanh nơi mọi rợ, tắm thì đồng sông, ngủ thì chung giường, trật tự tôn ty không có, nam nữ lẫn lộn, chẳng được phong tục nhân thuần, chẳng nghe chư thánh giáo hóa. Đây là cái khó được thứ hai.

3- Đã được sanh nơi phồn thịnh mà sáu căn không đủ, thân thể tật nguyên, mù, điếc, câm, ngọng, què, thọt, còng, gù; miệng mũi hôi tanh, thân hình nhơ nhớp. Thấy chẳng được gần, chúng chẳng được thân. Tuy ở nơi phồn thịnh dường thế ở ngoài quê vắng. Đây là cái khó được thứ ba.

Nay đã làm người, được sanh nơi phồn thịnh lại đầy đủ sáu căn, đâu chẳng là quý sao? Người đời luôn luôn đuổi theo con đường danh lợi, luống

nhọc xác tổn thân, đem thân mạng rất quý báu này làm tội cho tiền của đáng khinh. Sánh với người ăn bánh quên vợ, ngâm cơm quên môi nào có khác gì. Tuy thân mạng thực là quý trọng, vẫn chưa quý trọng bằng đạo tối cao. Cho nên Khổng Tử nói: “Sớm nghe đạo chiều chết cũng vui.” Lão Tử nói: “Tôi sợ dĩ có hoạ lớn, vì tôi có thân.” Thế Tôn thuở xưa cầu đạo xả thân cứu cạp đói. Đâu chẳng phải ba bậc thánh nhân đều khinh thân mà trọng Đạo đó sao? Than ôi ! Thân mạng thật là quý trọng còn phải xả để cầu Vô thượng Bồ-đề, hướng là vàng ngọc, tiền của đáng khinh mà lại tiếc sao? Ôi trong ấp mười nhà vẫn có người trung tín, hướng là cả thế gian há không có người thông minh sáng suốt hay sao ? Đã nghe lời này, cần phải gắng học, chớ nên nghi ngờ chậm trễ. Kinh nói: “Một phen mất thân người, muôn kiếp chẳng được lại”, thật là thống thiết. Cho nên Khổng Tử nói : “Người không chịu làm, tôi chẳng làm gì, cam đành thôi vậy.”

Rõ ràng thời gian trăm năm, toàn ở trong sát-na, thân huyễn tứ đại đều thể lâu dài. Mỗi ngày chìm đắm trong trần lao, mỗi lúc nghiệp thức càng mênh mông vô tận. Chẳng biết một tách viên minh, luống theo sáu căn tham dục. Công danh cái thế cũng chỉ là một trường đại mộng, phú quý kinh nhân khó khỏi vô thường hai chữ. Tranh nhân tranh ngã rốt cuộc thành không, khoe giỏi khoe hay cứu cánh chẳng thật.

Gió lửa khi tan không già trẻ

Núi sông bại hoại mấy anh hùng.

Đầu xanh chưa mấy lúc tóc bạc đã sớm điểm sương; ngày vui vừa đến thì ngày điếu cũng đi theo. Một bao máu mủ nhiều năm khổ luyện ân tình, bấy thước hình hài buồng lòng tham mê tài bảo. Thở ra khó mong được hít vào, ngày nay không bảo đảm ngày mai.

Sông yêu chìm nổi lúc nào thôi,

Nhà lửa đốt thiêu bao giờ tắt ?

Chẳng nguyện vượt ra lưới nghiệp, chỉ vì chưa có công phu. Vua Diêm-la chợt truy tìm, Thôi tướng công há cho triển hạn. Ngoái đầu nhìn người thân chẳng thấy, đến đây rồi nghiệp báo tự mang. Quỷ vương ngục tốt mặc sức khảo tra, cây kiếm núi đao khôn chống đỡ. Hoặc nhốt dưới ngọn núi lửa, hoặc giam trong núi Thiết Vi. Vào vạc dầu sôi muôn kiếp ngàn đời, bị chặt chém một đao thành hai khúc. Đói nuốt hoàn sắt nóng, khát uống nước đồng sôi. Suốt ngày luôn chịu khổ đau, năm trăm kiếp chẳng thấy hình bóng. Trả xong tội nghiệp, trở vào luân hồi. Bỗng mất thân người khi trước, trở lại mang lấy dây da. Đội lông mang sừng, hàm sắt dây yên, lấy thịt nuôi người, dùng mạng trả nợ. Sanh bị khổ đao bằm chày nện, sống bị nạn nước sôi lửa bỏng. Hằng chứa oán thù, thay nhau ăn nuốt. Khi đó mới hối hận học đạo không nhân.

Chi bằng ngay đây tu tập, chớ để đời này trôi qua. Đức Phật Thích-ca trước bỏ hoàng cung đi thẳng vào núi Tuyết. Cư sĩ Bàn Long Uẩn đem gia tài đổ xuống biển sâu. Chân Vũ chẳng thiết ngôi vua chỉ cầu tu hành. Lữ Công đã làm thần tiên vẫn còn tham vấn. Tô Đông Pha thường gần Phật Ấn, Hàn Văn Công lại lễ Đại Diên, Bùi Công bị đoạt hốt nơi Thạch Sương; Phòng Tướng hỏi pháp ở Quốc Nhất. Diệu Thiện không nhận phò mã, thành Phật chẳng ngờ. Lục Tổ mới gặp khách nghe kinh liền tỉnh ngộ. Đạo Thiền nếu không thú vị, hiền thánh sao chịu qui y. Hoa Lâm cảm hóa hai cọp theo luôn. Đầu Tử có ba con chim báo sáng. Lý trưởng giả giải kinh mà Thiên trù dâng cơm. Tu-bồ-đề ngồi yên mà Đế Thích tán hoa. Đạt-ma một chiếc dép về Tây. Phổ Hóa rung chuông bay đi. La-hán đến tham vấn với Hòa thượng Ngưỡng Sơn. Nhạc Đế qui y với Thiên sư Tư Đại. Cảnh Sơn đến nay vẫn được Long vương thỉnh cúng. Tuyết Phong ngày xưa hay sai người gõ phá non. Đây là những nguyên do để nghiệm biết, chớ tự khinh mà lui sụt.

Chồn hoang còn nghe Bá Trượng nói pháp. Loài ốc sò vẫn biết hộ kinh Kim Cang. Mười ngàn con cá nghe danh hiệu Phật được hóa làm con trời. Năm trăm chim quạ nghe tiếng pháp thấy được làm hiền thánh. Mãng xà nghe sám hối được sanh thiên. Rồng nghe kinh mà ngộ đạo. Chúng là loài vật còn hay lãnh ngộ, huống là người sao chẳng hồi tâm.

Hoặc có người vui đầu trong ăn uống, qua mất một đời. Hoặc có người trên đường tu hành lầm lẫn, mà không thức tỉnh. Đâu biết, tánh giác Bồ-đề mỗi mỗi viên thành, nào hay căn lành Bát-nhã người người đầy đủ. Chớ luận đại ẩn tiểu ẩn, thôi phân tại gia xuất gia. Chẳng cuộc người tăng kẻ tục, chỉ cốt nhận được bản tâm. Vốn không có nam nữ, đâu cần chấp tướng. Người chưa rõ đối chia tam giáo, liễu được rồi đồng ngộ nhất tâm. Nếu hay phản chiếu hồi quang, đều được kiến tánh thành Phật.

Huống là thân người khó được, Phật pháp khó nghe. Nếu muốn vượt khỏi dòng quanh lục đạo, chỉ có con đường tắt nhất thừa. Cần tìm chánh kiến, chớ tin tà sư. Ngộ rồi mới là vào cửa, hành được mới hay thoát tục. Bước bước đạp đến đất thật, đầu đầu đều đội hư không. Khi dùng thì muôn cảnh toàn bày, buông đi thì mấy bụi chẳng lập. Vượt đến chỗ không còn tương quan sanh tử, cơ liễu ngộ quỷ thần nhìn chẳng ra. Là phàm là thánh đồng vào đường này, hoặc oán hoặc thân cùng chung một lỗ mũi. Thật ngộ như thế, còn kẹt giữa đường. Thôi nói tam huyền hưởng thượng, cốt rõ một câu rốt sau. Hãy nói hiện nay cái gì là “một câu rốt sau”?

Non xanh chốn ấy thấy trời rộng,
Sen đỏ nở rồi nghe mùi thơm.



TUỆ TRUNG THƯỢNG SĨ TRẦN TUNG

(1230 - 1291)

Thượng Sĩ là con đầu của Khâm Minh Từ Thiện Thái Vương Trần Liễu, là anh cả của Hoàng thái hậu Nguyên Thánh Thiên Cảm. Khi Đại vương mất, Hoàng đế Trần Thái Tôn cảm nghĩa phong cho Thượng Sĩ tước Hưng Ninh Vương.

Lúc nhỏ, Thượng Sĩ đã tỏ ra bẩm chất cao sáng, thuần hậu có tiếng. Được cử trấn giữ quân dân đất Hồng Lộ, Ngài đã hai lần ngăn giặc Bắc xâm lăng, có công với nước, lần hồi được thăng chuyển giữ chức Tiết Độ Sứ trấn cửa biển Thái Bình.

Về con người, Thượng Sĩ vốn khí lượng thâm trầm, phong thần nhàn nhã. Lúc còn trẻ chỏm, Ngài đã chuộng cửa không. Đến tham vấn Thiền sư Tiêu Dao ở tinh xá Phước Đường, Ngài lãnh hội được yếu chỉ, bèn dốc lòng thờ làm thầy, lấy thiền duyệt làm cái vui hằng ngày, không lấy công danh làm chỗ sở thích, Ngài lui về ấp Tịnh Bang do vua phong cấp cho, đổi tên lại là làng Vạn Niên.

Trộn lẫn thế tục, hòa cùng ánh sáng, trong việc đối xử Ngài chưa hề phụ lòng ai, nhân đó tiếp mệnh hạt giống pháp, diu dắt được người sơ cơ. Người nào đến hỏi han cũng được Ngài chỉ cho chỗ cương yếu khiến tâm tánh họ ứng dụng được nhẹ nhàng, khi hành cũng như lúc tàng, không gì nhất định cả.

Từ lâu, nhà vua nghe đồn đãi về Ngài bèn cho sứ thỉnh vào cửa khuyết. Ngài hầu chuyện lời lời đều tỏ ra siêu tục, nhân đó vua tôn Ngài là Sư huynh, tặng cho hiệu Thượng Sĩ.

*

* *

Một hôm, có vị tăng đến hỏi:

- Bạch Thượng Sĩ, tôi vì sanh tử là việc lớn, vô thường nhanh chóng, song chưa biết thân này từ đâu sanh ra ? Chết sẽ đi về đâu ?

Ngài đáp:

-Giữa trời dù có đôi vành chuyển,

Biển cả ngại gì hòn bọt sanh.

(Trường không túng sử song phi cốc,

Cự hải hà phòng nhất điểm âu.)

Lại hỏi:- Thế nào là đạo ?

Ngài đáp:

- Đạo không có trong câu hỏi

Câu hỏi không có trong đạo.

- Cổ nhân nói: “Không tâm tức là đạo.” Đúng chẳng ?

- Không tâm chẳng phải đạo,

Không đạo cũng không tâm.

Nếu họ nói “Không tâm là đạo” thì tất cả cây cỏ đều là đạo cả sao ?
Bằng ngược lại nói “Không tâm chẳng phải đạo” thì cần gì nói có không? Lắng
nghe ta nói kệ đây:

Vốn không tâm không đạo,

Có đạo chẳng không tâm.

Tâm đạo vốn rỗng lặng,

Chỗ nào đâu đuổi tầm ?

(Bản vô tâm vô đạo

Hữu đạo bất vô tâm

Tâm đạo nguyên hư tịch

Hà xứ cánh truy tầm ?)

Vị Tăng chợt nhận ra ý chỉ, xá lạy lui ra.

*

* *

Có vị tăng hỏi:- Bạch Thượng Sĩ, thế nào là đại ý Phật pháp ?

Ngài đáp:- Đầu tranh võ sóng mắt sâu bọ

Cánh bằng nhốt gió ruột kiến trùng.

(Ngao đầu đả lãng tiêu minh nhãn

Bằng dực đoàn phong lữ nghị trường.)

Lại hỏi:- Như vậy, người học nhân đâu vào được chỗ đâu ?

Ngài đáp:

- Gãi ngứa phải đâu người khác ngứa

Đói ăn chính thật nhà người ăn.

- Thế nào là Thanh tịnh pháp thân ?

- Ra vào trong vũng nước trâu

Nghiền ngấm trong đồng cứt ngựa.

- Thế ấy thì không thể chứng nhập ?

- Không có niệm nhớ bợn tức Pháp thân thanh tịnh.

Hãy nghe ta kệ đây:

Xưa nay không dơ sạch

Dơ sạch toàn tên sông

Pháp thân chẳng ngăn ngại

Gì đục lại gì trong?

(Bản lai vô cấu tịnh

Cấu tịnh tổng hư danh
Pháp thân vô quái ngại
Hà trước phục hà thanh ?)

*
* *

Lại hỏi:

- Tổ Qui Sơn nói: “Trăm năm sau, lão tăng sẽ xuống núi làm con trâu nước”, ý muốn nói gì ?

- Lúa nếp đỏ kêu thừa anh võ hột
Cây ngô biếc đậu phượng hoàng cành.
(Hồng đạo vịnh tàn anh võ lạp

Bích ngô thê lão phụng hoàng chi) (Hai câu thơ trong khúc Thu hứng của thi hào Đỗ Phủ, dùng theo phép đảo ngữ.)

- Xưa Thái tử Tất-đạt-đa vào miếu thần, tượng thần sụp xuống lạy dưới chân, việc ấy thế nào?

- Năm xòe vẫn một bàn tay
Ấn mắt hóa ngàn sai khác.

- Ngài Nam Tuyền bán mình (Nam Tuyền ngày kia bảo tăng chúng: “Vương lão sư bán mình, có ai mua chăng?” Một vị tăng đáp: “Con mua.” Sư nói: “Giá bán ông ta không quý cũng không mạt, Thầy làm sao mua được?” Vị tăng không đáp được.) ý ấy là sao ?

- Còn lúc Ngài chưa bán mạng thì ý ấy là sao ?

Vị tăng không đáp được.

Sư hét, đuổi ra.

*
* *

Một vị tăng hỏi:

- Hòa thượng Thủy Lạp lần đầu tiên đến tham bái Mã Tổ hỏi về ý nghĩa việc Tổ sư Đạt-ma từ Ấn sang, Mã Tổ đáp cho một đạp té nhào. Thủy Lạp lồm cồm ngồi dậy, chột tổ ngộ ngay, vỗ tay cười hả hả. Ấy là nghĩa gì ?

Ngài đáp:- Cái đạp của rồng voi chẳng phải sức lừa chịu nổi.

Lại hỏi:

- Sau đó Thủy Lạp còn nói với học trò rằng từ lúc ăn cái đạp của Mã Tổ đến nay, ông ta cười mãi không thôi. Thế lại là nghĩa gì ?

Ngài đạp:

- Thực là tiếng gầm hống của loài sư tử
Phải đâu giọng kêu the thé của chó rừng.

- Tôi không hiểu.

Ngài bèn đọc bài kệ chỉ cho:

- Một đạp ngã nhào,
Ai hay tìm xét.
Đứng dậy cười to,
Lại sanh buồn thảm.
Cần hiểu Tây sang,
Ngựa tơ ăn cỏ.
(Nhất đạp đạp đáo
Thùy giải tầm thảo
Đại tiểu khởi lai
Tăng sanh áo não
Yếu thức Tây lai
Mã câu khế thảo.)

Vị tăng xá lui ra.

*

* *

Vị tăng khác hỏi:

- Bạch Thượng Sĩ, lời xưa nói: “Xanh xanh trúc biếc thủy là pháp thân”,
có đúng chăng ?

Ngài đạp:- Sa-di ăn mặng rừng bữa trước

Đâu phải như pháp thân người hôm nay.

Lại hỏi:- Còn câu nói “Rậm rậm hoa vàng đều là Bát-nhã” là ý nói gì ?

- Hoa đào đâu phải cây bồ-đề

Sao lại Linh Vân nhập được đạo. [Thiền sư Linh Vân ở chỗ Tổ Qui Sơn
lâu năm không ngộ, một hôm nhơn nhìn xem hoa đào nở chợt ngộ làm bài kệ:

Tam thập niên lai tầm kiếm khách
Kỉ hồi lạc điệp hựu sư chi
Tự tông nhất kiến đào hoa hậu
Trực chí như kim cánh bất nghi.]

*

* *

Lại hỏi:- Có ba vị tăng đi hành khước giữa đường gặp cọp, người nào
cũng né qua một bên mà đi. Bấy giờ như thế nào ?

Ngài đạp:- Gió thổi ngại gì đám hoa rậm

Trắng tà đâu quản đáy khe sâu.

(Phong xuy bất ngại hoa gian mật

Nguyệt lạc vô phòng giản để thâm.)

Lại hỏi:

- Lúc ấy Qui Tông nói “Giống tợ con mèo”. Đó là ý gì ?
- Miệng nói không phải tự mình gặp.
- Còn ngài Trí Kiên nói “Giống tợ con chó”. Đó là ý gì ?
- Lão ấy nắm được thời cơ gom quét sạch hết, nhưng có điều đáng tiếc.
- Còn Ngài ý thế nào ?
- Con chó.
- Đến Sư Nam Tuyên nói “đó là một con cọp”. Ý chỉ thế nào ?
- Gót chân chẳng chấm đất.

*

* *

Tăng hỏi:- Thế nào là Pháp thân ?

Ngài đáp:- Bên ao thấy hai cái,

Dưới trăng vui ba người.

- Pháp thân với Sắc thân giống nhau ? Khác nhau ?
- Gương mang hiệu long tuyến
Ngọc xưng tên hổ phách.

*

* *

Tăng hỏi:

- Phật Thế Tôn nói: “Suốt bốn mươi chín năm, ta chưa từng nói một chữ.” Vậy mười hai phần giáo từ đâu mà được ?

Ngài đáp:- Hơi xông khói hộp mong khôi phục,

Thuốc thánh mở bình muốn bệnh tiêu.

- Thế nào là Phật của chính mình ?
- Chẳng đến rệu bỏ đào,
Khó gặp người đập hũ.
- Phải hiểu thế nào ?
- Nhà lớn một đêm ngủ,
Sông dài chung đò qua.
- Thế nào là tâm của cổ Phật ?
- Trọn nói khắp thành không quốc sắc,
Đâu hay cửa tía có thuyền quyên.
- Cổ nhân nói “Tức tâm tức Phật”, mà sao không hiện trước mắt ?
- Phan trai tìm ngọc dù khó gặp,
Mổ cá cầu châu uống công thôi.

*

* *

Dám hỏi:- Thế nào là gia phong của Thượng Sĩ ?

Ngài đáp:- Rảnh, ném trái rùng kều vượn tiếp,

Lưỡi, câu cá suốt khiến hạc tranh.

(Nhân phao nham quả hô viên tiếp,

Lăn điếu khê ngư dẫn hạc tranh.)

Lại hỏi:- Tổ ý và giáo ý là đồng hay khác ?

Ngài đáp:- Sóng, nước tên tuy khác,

Búp, nở một đóa hoa.

- Bồ-đề với phiền não, khác nhau, giống nhau thế nào ?

- Trong nước có vị muối,

Giữa sắc có màu keo.

- Thế nào là nghiệp sanh tử ?

- Sương thu lác đác bờ lau

Trời đêm tuyết xuống nhuộm màu trắng thanh.

(Sương thu trích trích lộ hoa ngạn

Dạ tuyết phân phân nguyệt sắc thiên.)

Lại hỏi:- Ngài Dật-đa (Di-lặc) không tu định tuệ thì làm sao thành Phật được ?

Ngài đáp:- Đào đỏ trên cây thời tiết đúng

Cúc vàng bên giậu chắc gì xuân.

(Hồng đào thọ thượng chân thời tiết

Hoàng cúc li biên bất thị xuân.)

- Khi ngồi thiền tập định thì thế nào ?

- Vua chúa xuống xe chọi ếch nhái.

- Khi không ngồi thiền tập định thì thế nào ?

- Thuyền Phạm Lãi sông hồ vui thú.

*

* *

Có vị tăng hỏi:

- Kinh nói: “Muốn đạt đến con đường vô sanh, cần biết rõ cội nguồn.”

Thế nào là cội nguồn ?

Ngài đáp:

- Tìm nguồn chẳng có cội,

Nắm cội cũng không nguồn.

Lại hỏi:

- Trong kinh nói: “Không tức là sắc, sắc tức là không”, ý ấy thế nào ?

Ngài im lặng giây lâu, rồi hỏi lại:

- Ông hiểu chưa?

- Chưa hiểu.
- Ông có sắc thân chứ ?
- Có.
- Sao nói sắc tức là không ? Ông thấy “cái không” có tướng mạo gì không ?
- Không.
- Sao nói không tức là sắc ?
- Rốt cuộc là thế nào ?
- Sắc vốn không không, không vốn không sắc.

Vị tăng lễ tạ.

Ngài nói:- Nghe kệ ta đây:

Sắc tức không không tức sắc,
 Ba đời Như Lai phương tiện đặt.
 Không vốn không sắc, sắc không không,
 Thể tánh sáng ngời không được mất.
 (Sắc tức thị không không thị sắc,
 Tam thế Như Lai phương tiện lược.
 Không bốn vô sắc sắc vô không,
 Thể tánh minh minh phi thất đặc.)

*

* *

Ngày kia, Thái Hậu mở tiệc thịnh soạn. Ngài dự tiệc gắp cá thịt cứ ăn. Thái Hậu thấy lạ hỏi:

- Anh tu thiền mà ăn cá thịt thì thành Phật sao được?

Thượng Sĩ cười đáp:

- Phật là Phật, anh là anh. Anh chẳng cần làm Phật, Phật chẳng cần làm anh.

Thái Hậu chẳng nghe cổ đức nói: “Văn-thù là Văn-thù, Giải Thoát là Giải Thoát” đó sao ?

Khi Thái Hậu qua đời, nhà vua cúng chay ở cung cấm. Nhân lễ khai đường, vua thỉnh các vị tôn túc bốn phương mỗi vị làm một bài kệ ngắn trình bày chỗ kiến giải của mình. Kết quả bài nào cũng quên sinh ủng nước, chưa tỏ ngộ.

Nhà vua bèn trao giấy mực cho Thượng Sĩ. Thượng Sĩ viết một hơi bài tụng tự thuật:

Kiến giải trình kiến giải,
 Tợ dụi mắt thấy quái.
 Dụi mắt thấy quái rồi,
 Rõ ràng luôn tự tại.

(Kiến giải trình kiến giải,
Tự niết mục tác quái.
Niết mục tác quái liễu,
Minh minh thường tự tại.)

Nhà vua vừa đọc xong bèn phê tiếp theo sau:

Rõ ràng thường tự tại,
Cũng ẩn mất làm quái.
Thấy quái chẳng thấy quái,
Quái ấy ắt tự hoại.
(Minh minh thường tự tại,
Diệc niết mục sanh quái.
Kiến quái bất kiến quái,
Kỳ quái tất tự hoại.)
Thượng Sĩ đọc, thầm nhận đó.

*

* *

Sau vua kém vui, Thượng Sĩ viết thơ hỏi thăm bệnh tình. Vua đọc thơ, trả lời bằng bài kệ như sau:

Hừng hực hơi nóng mồ hôi toát,
Chưa hề thấm ướt khổ mẹ sanh. (bản lai diện mục.)
(Viêm viêm thử khí hãn thông thân
Vị tăng uyển ngã nương sanh khổ.)

Thượng Sĩ đọc kệ than thở giãy lâu. Đến khi nhà vua nhuốm bệnh nặng. Thượng Sĩ khấp khểnh về kinh trước để chịu tang, nhưng vua đã qui tiên mất rồi.

*

* *

Thượng Sĩ với tư cách một cư sĩ thọ Bồ-tát giới, sống đúng theo tinh thần Thiền nên tâm tư rất phiêu dật phóng khoáng. Những điều luận bàn huyền diệu của Ngài, cũng như câu chuyện gió mát trăng thanh, hàng thạc đức đương thời đều kính trọng.

Sau, bệnh sơ sài, Ngài không nằm ở phòng riêng, mà nằm ở Dưỡng Chân Trang. Tại đây, giữa nhà trống, Ngài kê một giường gỗ, nằm theo phép kiết tường, mắt nhắm xuôi. Các người hầu hạ và thê thiếp khóc rống lên. Thượng Sĩ mở mắt ngồi dậy, sai lấy nước rửa tay súc miệng, đoạn quở nhẹ rằng:

- Sống chết là lẽ thường, sao buồn thảm luyến tiếc chi mà làm não chân tánh ta.

Dứt lời, Ngài êm thắm mà tịch. Bấy giờ nhằm niên hiệu Trùng Hưng thứ bảy (1291), đời Trần Nhân Tông, năm Tân Mão, ngày mùng một tháng tư, Ngài thọ 62 tuổi.

Vua Nhân Tông nhớ ơn Ngài dạy dỗ, sai thợ vẽ chân dung để thờ và lấy đạo của Ngài truyền cho mà tuyên dương, lập nên phái Trúc Lâm.

*

* *

Những tác phẩm của Ngài còn lưu lại khá nhiều, ở đây lược chép một ít tác phẩm quan trọng.

Âm: (TUỆ TRUNG THƯỢNG SĨ)

1. PHẬT TÂM CA

Phật ! Phật ! Phật ! bất khả kiến !
Tâm ! Tâm ! Tâm ! bất khả thuyết !
Nhược tâm sanh thời thị Phật sanh
Nhược Phật diệt thời thị tâm diệt.
Diệt tâm tồn Phật thị xứ vô
Diệt Phật tồn tâm hà thời yết
Dục tri Phật tâm sanh diệt tâm
Trực đãi đương lai Di-lặc quyết.
Tích vô tâm, kim vô Phật
Phàm thánh nhân thiên như điện phát
Tâm thể vô thị diệc vô phi
Phật tánh phi hư hựu phi thực.
Hốt thời khởi, hốt thời chỉ
Vãng cổ lai kim đồ nghĩ nghị
Khởi duy mai một tổ tông thừa
Cánh khởi yêu ma tự gia túy.
Dục cầu tâm, hựu ngoại mịch
Bản thể như nhiên tự không tịch
Niết-bàn sanh tử mạn la lung
Phiền não bồ-đề nhàn đối địch.
Tâm tức Phật, Phật tức tâm
Diệu chỉ linh minh đạt cổ cam
Xuân lai tự thị xuân hoa tiếu
Thu đáo vô phi thu thủy thâm.
Xả vọng tâm, thủ chân tánh
Tợ nhân tầm ảnh nhi vong kính

Khởi tri ảnh hiện kính trung lai
Bất giác vọng tùng chân lý bính
Vọng lai phi thực diệc phi hư
Kính thọ vô tà diệc vô chính.
Đã vô tội, đã vô phúc
Thác tử ma-ni kiêm bạch ngọc
Ngọc hữu hà hề châu hữu lỗi
Tánh để vô hồng diệc vô lục.
Diệc vô đắc, diệc vô thất
Tứ thập cửu lai thị thất thất
Lục độ vạn hạnh hải thượng ba
Tam độc cửu tình không lý nhật.
Mặc ! mặc ! mặc ! Trầm ! trầm ! trầm !
Vạn pháp chi tâm tức Phật tâm
Phật tâm khước dữ ngã tâm hiệp
Pháp nhĩ như nhiên căng cổ cầm.
Hành diệc thiên, tọa diệc thiên
Nhất đóa hồng lô hỏa lý liên
Một ý khí thời thêm ý khí
Đắc an tiện xứ thả an tiện.
Di ! di ! di ! Đốt ! đốt ! đốt !
Đại hải trung âu nhàn xuất một
Chữ hạnh vô thường nhất thiết không
Hà xứ tiên sư mịch linh cốt.
Tĩnh tĩnh trước! Trước tĩnh tĩnh !
Tứ lãng đập địa vật khi khuynh
A thù ư thử tín đắc cập
Cao bộ Tỳ-lô đỉnh thượng hành.
Hát !

Dịch: KHÚC CA PHẬT TÂM

Phật ! Phật ! Phật ! không thể thấy !
Tâm ! Tâm ! Tâm ! không thể nói !
Khi tâm sanh tức là Phật sanh
Bằng Phật diệt là lúc tâm diệt.
Diệt tâm còn Phật chuyện không đâu
Diệt Phật còn tâm bao giờ hết.
Muốn biết tâm Phật, tâm sanh diệt
Hãy chờ Di-lặc sau sẽ quyết.

Xưa không tâm, nay không Phật,
Phàm Thánh trời người như điện phát.
Tâm thể không thị cũng không phi,
Phật tánh chẳng hư cũng chẳng thực.
Bỗng đứng khởi, bỗng đứng dừng,
Xưa nay qua lại luống lẩn quẩn.
Há chỉ chôn vùi nếp tổ tông,
Lại khiến yêu ma vào nhà lộng.
Muốn cầu tâm, chớ tìm ngoài,
Bản thể như nhiên vốn không tịch.
Niết-bàn sanh tử buộc ràng suông,
Phiền não bồ-đề hư giả nghịch.
Tâm tức Phật, Phật tức tâm,
Linh diệu chiếu cùng kim cổ thông.
Xuân đến, tự hoa xuân mĩm miệng,
Thu về, đâu chẳng nước thu trong.
Bỏ vọng tâm, giữ chân tánh,
Khác nào tìm ảnh mà quên kính.
Nào hay ảnh vốn tự gương ra,
Chẳng biết vọng do từ chân hiện.
Vọng lên chẳng thực cũng chẳng hư,
Gương nhận không tà cũng không chính.
Vẫn không tội, vẫn không phúc,
Lầm sánh ma-ni cùng bạch ngọc.
Ngọc có vết chừ châu có tỳ,
Tánh vốn không hồng cũng không lục.
Cũng không được, cũng không mất,
Bốn mươi chín ấy là thất thất.
Sáu độ muôn hạnh: biển sóng trào,
Ba độc chín tình: giữa không nhật.
Lặng ! lặng ! lặng ! Chìm ! chìm ! chìm !
Tâm của muôn loài tức Phật tâm.
Phật tâm bèn với tâm ta hiệp,
Pháp vốn như nhiên suốt cổ kim.
Đi cũng thiền, ngồi cũng thiền,
Giữa lò lửa rục một cành sen.
Ý khí mất đi thêm ý khí,
Được an tiện đấy cứ an tiện.

Chao ! chao ! chao ! Ối ! ối ! ối !
Bọt trong biển cả uổng chìm nổi.
Các hạnh vô thường thấy thấy không,
Linh cốt tiên sư tầm đâu tá!
Thức thức tỉnh ! Tỉnh tỉnh thức !
Dẫm đất bốn bề chớ lệch nghiêng.
Ai có như lời tin được vậy,
Đạp đảnh Tỳ-lô bước bước lên.
Hát !

2. PHÓNG CUÔNG NGÂM

Thiên địa thiếu vọng hề hà mang mang
Trượng sách ưu du hề phương ngoại phương
Hoặc cao cao hề vân chi sơn
Hoặc thâm thâm hề thủy chi dương.
Cơ tắc xan hề hòa la phạm
Khốn tắc miên hề hà hữu hương
Hứng thời xuy hề vô khổng địch
Tịnh xứ phần hề giải thoát hương.
Quyện tiểu khế hề hoan hỉ địa
Khát bảo xuyết hề tiêu dao thang
Qui Sơn tác lân hề mục thủy cổ
Tạ Tam đồng chu hề ca thương lang.
Phỏng Tào Khê hề ấp Lư Thị
Yết Thạch Đầu hề sài lão Bàn
Lạc ngô lạc hề Bố Đại lạc
Cuồng ngô cuồng hề Phổ Hóa cuồng.
Đốt đốt phù vân hề phú quý
Hu hu quá khích hề niên quang
Hô vi hề quan đồ hiểm trở
Phả nại hề thế thái viêm lương.
Thâm tắc lệ hề thiên tắc yết
Dụng tắc hành hề xả tắc tàng
Phóng tứ đại hề mạc bả tróc
Liễu nhất sanh hề hưu bôn mang
Thích ngã nguyện hề đắc ngã sở
Sanh tử tương bức hề ư ngã hà phương.

Dịch: KHÚC HÁT ĐIÊN QUÀNG

Trời đất liếc trông chừ sao thên thang

Chống gậy chơi rong chừ phương ngoài phương
Hoặc cao cao chừ mây đánh núi
Hoặc sâu sâu chừ nước trùng dương.
Đói thì ăn chừ cơm mười phương góp
Mệt thì ngủ chừ nơi chẳng quê hương
Hứng lên chừ thổi sáo không lỗ
Lặng xuống chừ đốt giải thoát hương.
Mỏi nghỉ chút chừ đất hoan hỉ
Khát uống no chừ tiêu dao thang
Qui Sơn lảng giềng chừ chặn con trâu nước
Tạ Tam đồng thuyền chừ thổi khúc thương lang.
Thăm Tào Khê chừ ra mắt Lư Thị
Viếng Thạch Đầu chừ sánh lão Bàn
Vui ta vui chừ Bồ Đại vui sướng
Điên ta điên chừ Phổ Hóa điên gàn.
Chà chà, bóng ngày chừ qua khe cửa
Ổi ối, mây nổi chừ mộng giàu sang
Chịu sao chừ thối đời ẩm lạnh
Đi chi chừ gai góc đường quan.
Sâu xoắn áo chừ cạm nhón gót
Dùng phô ra chừ bỏ ẩn tàng.
Buông bốn đại chừ đừng nắm bắt
Tĩnh một đời chừ thôi chạy quàng.
Thỏa nguyện ta chừ được ngã sở
Sống chết bức nhau chừ ta vẫn như thường.

3. SANH TỬ NHÀN NHI DĨ

Tâm chi sanh hề sanh tử sanh
Tâm chi diệt hề sanh tử diệt
Sanh tử nguyên lai tự tánh không
Thử huyền hóa thân diệc đương diệt.
Phiền não bồ-đề ám tiêu ma
Địa ngục thiên đường tự khô kiệt
Hoạch thang lô thán đốn thanh lương
Kiếm thọ đao sơn lập tội chiết.
Thanh văn tọa thiền ngã vô tọa
Bồ-tát thuyết pháp ngã thực thuyết.
Sanh tự vọng sanh, tử vọng tử
Tứ đại bốn không tùng hà khởi.

Mạc vi khát lộc sấn dương diễm
Đông tẩu tây trì vô tạm dĩ
Pháp thân vô khứ diệc vô lai
Chân tánh vô phi diệc vô thị.
Đáo gia tu tri bãi vấn trình
Kiến nguyệt an năng khổ tâm chỉ
Ngu nhân điên đảo bố sanh tử
Trí giả đạt quan nhàn nhi dĩ.

Dịch : SỐNG CHẾT NHÀN MÀ THÔI

Tâm mà sanh chừ sanh tử sanh
Tâm mà diệt chừ sanh tử diệt
Sanh tử xưa nay vốn tánh không
Thân huyễn hóa này rồi cũng diệt.
Phiền não bồ-đề bỗng mất tiêu
Địa ngục thiên đường tự khô kiệt
Chảo dầu lò lửa chợt mát liền
Núi kiếm rừng đao chốc gãy hết.
Thanh văn ngồi thiền ta không ngồi
Bồ-tát nói pháp ta nói thiệt
Sanh đối sanh chết đối chết
Bốn đại vốn không nương đâu đấy.
Chớ như hươu khát đuổi bóng nắng
Năm đông bắt tây không ngớt chạy
Pháp thân không lại cũng không qua
Chân tánh chẳng phải cũng chẳng quấy.
Đến nhà thôi chớ hỏi đường chi
Thấy nguyệt tìm gì ngón tay ấy
Kẻ ngu sống chết mãi lo âu
Người trí rõ không nhàn thôi vậy.

4. PHÀM THÁNH BẤT DỊ

Thân từng vô tướng bản lai không
Huyễn hóa phân sai thành nhị kiến
Ngã nhân tự lộ diệc tự sương
Phàm thánh như lôi diệc như điện.
Công danh phú quý đặng phù vân
Thân thế quang âm nhược phi tiền
Miết khởi tình nhi tắng ái tình
Tợ mịch man đầu nhi khí miến

Mi mao tiêm hoành tử khổng thù
Phật dữ chúng sanh đô nhất diện
Thục thị phàm hề thục thị thánh
Quảng kiếp sừ tâm một căn tánh.
Phi tâm vô thị diệc vô phi
Vô kiến phi tà diệc phi chánh
Quảng Ngạch đồ nhi quả nguyện vương
Khánh Hỷ tỳ-kheo công đức thánh.
Giác tha giác tự bạt mê đồ
Biển giới thanh lương tô nhiệt bệnh.
Quân bất kiến
Tiền thất giả thị a thù ?
Hậu đắc giả hựu thị thù ?
Lương giá ban tâm nhất ban mạng
Đáo đầu bát vạn tứ thiên đà-la-ni chi pháp môn
Đồng nhiếp nhập Như Lai quảng đại viên trí chi kính.
Đốt !

Dịch: PHẠM THÁNH CHẴNG HAI

Thân từ vô tướng xưa nay không
Giả dối nên chia thành “nhị kiến”
Ta người như móc cũng như sương
Phàm thánh như sấm cũng như điện.
Giàu sang sự nghiệp đám mây trôi
Ngày tháng tên bay thân thế huyễn
Chút tình thương ghét thoáng xẹt qua
Khác nào bỏ bột đi tìm bánh.
Mây ngang mũi dọc cũng như nhau
Phật với chúng sanh đồng sắc mặt
Ai là phàm chừ ai là thánh
Muôn kiếp kiếm tìm mất căn tánh.
Không tâm thì không phải cùng không quấy
Chẳng kiến thì không tà cũng không chánh

Đồ tể Quảng Ngạch: tròn nguyện vương [Đồ tể Quảng Ngạch là anh chàng làm hàng thịt, khi nghe Phật nói kinh Đại Bát Niết-bàn liền ngộ đạo thành chánh quả. Trong kinh Đại Niết-bàn nói rõ.]

Tỳ-kheo Khánh Hỷ: công đức thánh [Khánh Hỷ là ngài A-nan đệ tử đa văn bậc nhất của Phật.]

Giác ta giác người khỏi đường mê

Mát rượi mười phương dứt tật bệnh.
Anh thấy chẳng
Người mất trước đó là ai ?
Người được sau đó là ai ?
Hai tâm sai khác chung dòng mạng
Rốt cùng tám vạn bốn ngàn pháp môn đà-la-ni
Cùng nhiếp vào gương tròn đầy rộng lớn trí Như Lai.
Đốt !

5. THƯỢNG PHƯỚC ĐƯỜNG TIÊU ĐAO THIÊN SƯ

Cửu vi phong thể
Kiều ký hoang thôn
Thân tuy thiên ngoại chi sâm thương
Ý hữu kính trung chi loan phượng.
Nhàn xướng vô sanh chi khúc
Dụng thù pháp nhũ chi ân
Lạm trát già đà
Thượng trình tọa hạ.
Thân tuy phì độn ngụ hương quan
Tứ trọng ân thâm vị cảm hàn
Ý chuyết thiếu phùng thêm ý khí
Tâm khôi cô thủ thốn tâm đan.
Xuân hồi hư đối khai đào nhụy
Phong khởi không văn kích trúc can
Đương nhật đáo gia tham vấn bãi
Một huyền cầm tử thỉnh kim đàn.
Tạm lai tĩnh vấn cổ chùy thiền
Tướng mạo kỳ di tráng thả kiên
Huệ Khả thân tâm bì tử ký
Triệu Châu thiên dữ hạc qui niên.
Tu tri thế hữu nhân trung Phật
Hư quái lô khai hỏa lý liên
Trân trọng già-đà tùy hứng lễ
Kỷ đa mạn khước tử hung thiền.

Dịch: LỄ THIÊN SƯ TIÊU ĐAO Ở TINH XÁ PHƯỚC ĐƯỜNG

Hèn lâu xa ánh sáng
Ở gỏi chốn hoang thôn
Thân tuy ngoài cõi sâm thương
Ý vẫn trong gương loan và phượng.

Nhàn nhã ngâm khúc vô sanh
Hầu đáp ân Thầy mớm sữa
Trộm có lời thơ tụng
Cúi dâng lên pháp tòa.
Thân tuy cục mịch ngụ quê này
Bốn trọng ân nào dám lãng khuây
Ý vụng sớm nhờ thêm ý khí
Lòng tàn riêng giữ chút lòng ngay.
Xuân về ngắm lững hoa đào nở
Gió động nghe hờ khóm trúc lay
Ngày trước đến nhà thăm hỏi hết
Nay đàn chủ thỉnh khúc không dây.
Thoắt qua thăm hỏi cổ chùy thiền (Cổ chùy: Cái dùi xua, tượng
trưng hàng cổ lão đạo cao đức trọng.)
Tướng mạo mười mười được khỏe bền
Tùng Thẩm tuổi theo rùa hạc thọ (Thiền sư Tùng Thẩm sống đến
120 tuổi.)
Thần Quang đạo rút tủy da truyền. (Tổ Đạt-ma muốn biết chỗ
thâm ngộ của đệ tử, nên bảo mỗi người trình chỗ sở ngộ.
Qua sự trình bày của mọi người, Tổ phê bình: Đạo Phó
được phần da của ta, Ni Tổng Trì được phần thịt, Đạo Dục
được phần xương, Huệ Khả được phần tủy.)
Vấn hay Phật sẵn trong đời có
Đừng lạ sen bưng giữa lửa lên
Trân trọng dâng theo lời tụng hiến
Còn gì lễ mọn chút quà riêng. (Phần lớn những bài dịch về Tuệ
Trung Thượng Sĩ đều nương theo bản của Trúc Thiên trong
Tuệ Trung Thượng Sĩ Ngữ Lục.)

6. THỊ CHÚNG

Hư tâm Thiếu Thất dữ Tào Khê,
Thể tính minh minh vị hữu mê.
Cổ nguyệt chiếu phi quan viễn cận,
Thiên phong xuy bất giản cao đê.
Thu quang hắc bạch tùy duyên sắc,
Liên nhụy hồng hương bất trước nê.
Diệu khúc bản lai tu cử xướng,
Mạc tầm nam bắc dữ đông tây.

Dịch: **BẢO CHÚNG**

Thôi tìm Thiều Thất với Tào Khê,
Thế tính sáng tròn chẳng từng mê.
Nào ngại xa gần trăng vẫn chiếu,
Thấp cao gió thổi chẳng ưa chê.
Ánh thu đen trắng tùy duyên hiện,
Sen nở hương nồng chẳng dính nhơ.
Khúc nhạc xưa nay nên gảy hát,
Chớ tìm nam bắc với đông tây.

7. KHUYẾN THẾ TIẾN ĐẠO

Tứ tự tuần hoàn xuân phục thu,
Xâm xâm dĩ lão thiếu niên đầu.
Vinh hoa khảng cố nhất trường mộng,
Tuế nguyệt không hoài vạn học sầu.
Khổ thú luân hồi như chuyển cốc,
Ái hà xuất một đấng phù âu.
Phùng trường diệc bất mô lai tỹ,
Vô hạn lương duyên chỉ ma hưu.

Dịch: KHUYÊN NGƯỜI ĐỜI TIẾN TU

Ngày tháng xoay vần xuân lại thu,
Xâm xâm tóc bạc đáp lên đầu.
Giàu sang, nhìn lại một trường mộng,
Năm tháng mang theo vạn học sầu.
Nẻo khổ luân hồi như chuyển bánh,
Sông yêu, chìm nổi tựa phù âu.
Gặp trường chẳng chịu sờ lên mũi,
Vô hạn duyên lành chỉ thế thôi.

